

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
ANNUAL REPORT  
**2009**



ANNUAL REPORT  
2009

**EXIMBANK**  
NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
ANNUAL REPORT  
2009**



# MỤC LỤC

- 04 THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC**
- 06 THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG**
- 10 LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG**
- 12 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**
- 15 TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG NĂM 2009**
  - 1. Sự kiện
  - 2. Các giải thưởng
  - 3. Trách nhiệm xã hội
- 21 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
  - 1. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2009
  - 2. Triển vọng và kế hoạch tương lai
- 25 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
  - 1. Báo cáo tình hình tài chính
  - 2. Báo cáo kết quả kinh doanh
  - 3. Hoạt động quản lý rủi ro
  - 4. Hệ thống CNTT
  - 5. Hoạt động đào tạo
  - 6. Hợp tác với đối tác chiến lược
  - 7. Những tiến bộ đã đạt được
  - 8. Mục tiêu của năm 2010
- 54 BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
- 107 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**
- 109 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**
- 131 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG**

# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC



Cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ năm 2008 đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Với nỗ lực ngăn chặn đà suy thoái, chính phủ các nước đã đưa ra các giải pháp kích thích kinh tế hữu hiệu và đã phát huy tác dụng. Bắt đầu từ quý II/2009, kinh tế thế giới đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, suy giảm kinh tế chậm lại và có dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế vẫn biến động bất thường và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

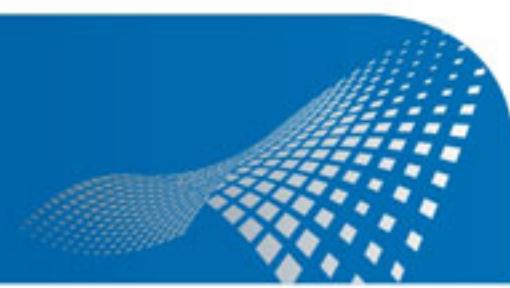
Đối với Việt Nam, tác động tiêu cực của kinh tế thế giới đã làm cho tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Chính phủ đã phân tích, đánh giá đúng tình hình, kịp thời chuyển hướng mục tiêu điều hành kinh tế vĩ mô từ kiểm chế lạm phát sang ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng và đảm bảo an sinh xã hội. Nhờ chính sách kích thích kinh tế hợp lý của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng 5,32%, lạm phát được kiểm chế ở mức 6,5%.

Trong môi trường hoạt động gặp nhiều khó khăn, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chủ động, sáng tạo trong điều hành hoạt động kinh doanh, đã đạt được những kết quả khả quan trên mọi mặt hoạt động của ngân hàng như sau:

- Quy mô và hiệu quả hoạt động của ngân hàng tăng nhanh, tổng tài sản của ngân hàng đạt hơn 65.000 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2008; Huy động vốn đạt 47.000 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2008; Tổng dư nợ cho vay đạt 38.580 tỷ đồng, tăng 82% so với năm 2008; Lợi nhuận trước thuế đạt 1.533 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2008.

- Năng lực tài chính và chất lượng hoạt động của ngân hàng cũng được nâng cao, vốn và các quỹ đạt gần 14.000 tỷ đồng, tăng gần 10% so với năm trước; chất lượng tài sản được cải thiện, tỷ lệ nợ quá hạn giảm xuống còn 2,4%, các tỷ lệ đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng được đảm bảo.

- Năng lực cạnh tranh của ngân hàng được nâng cao. Trong năm 2009, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong vấn đề mở rộng mạng lưới, nhưng



Eximbank vẫn duy trì phát triển mạng lưới để mở rộng quy mô hoạt động và tạo cơ hội gia tăng thị phần.

- Năm 2009 Eximbank đã đưa thêm 29 chi nhánh và phòng giao dịch đi vào hoạt động, nâng tổng số chi nhánh và phòng giao dịch lên 140; nền tảng khách hàng cũng được mở rộng, tổng số khách hàng được phát triển thêm 39% so với năm trước.

- Từ các giải pháp được hoạch định ngay từ những tháng đầu năm 2009 nhằm hoàn thành định hướng kế hoạch kinh doanh của năm, các giải pháp tập trung công tác huy động vốn, tăng hiệu quả tín dụng thông qua cho vay trung, dài hạn, cho vay đồng tài trợ, tập trung tín dụng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ, gia tăng tiện ích cho khách hàng giao dịch thông qua những sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao... được Eximbank đặt trọng tâm hàng đầu. Kết quả của việc triển khai đã mang lại thành công cho Eximbank trong việc gia tăng thị phần về huy động vốn từ 2% cuối năm 2008 lên gần 3% vào cuối năm 2009 và thị phần cho vay chiếm hơn 2% toàn ngành.

- Công tác quản trị điều hành có nhiều chuyển biến tích cực, đảm bảo cho hoạt động ngân hàng phát triển an toàn.

- Bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Eximbank luôn quan tâm đổi mới xã hội. Trong năm qua Eximbank đã phát động và tham gia nhiều hoạt động xã hội từ thiện, các cuộc vận động cứu trợ

đồng bào bị thiệt hại do bão lụt gây ra...

Như vậy, với kết quả hoạt động của năm 2009, có thể tự hào nói rằng, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam Việt Nam đã vượt lên khó khăn hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao, tạo tiền đề phát triển nhanh và bền vững cho những năm tiếp theo.

Bước sang năm 2010, tình hình kinh tế thế giới sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường, triển vọng phục hồi chưa rõ nét. Kinh tế Việt Nam có khả năng chịu nhiều thách thức. Chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa có thể sẽ được thắt chặt hơn để ngăn ngừa khả năng lạm phát cao. Quốc hội đã đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 6,5%; lạm phát được khống chế ở mức 7%; và bội chi ngân sách ở mức 6,2% của GDP.

Trong bối cảnh đó, từ bài học kinh nghiệm thành công và chưa thành công năm 2009; trên cơ sở dự báo và đánh giá những cơ hội thuận lợi cần triệt để tận dụng, những thách thức cần vượt qua; xuất phát từ thế và lực đã tạo dựng được, trên nền tảng quản lý tốt rủi ro, tranh thủ cơ hội để đạt lợi nhuận ở mức hợp lý; phấn đấu cao để Ngân hàng có mức tăng trưởng bền vững, tạo điều kiện thuận lợi để đưa Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính mạnh. Đây thực sự là nhiệm vụ rất nặng nề, song Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể nhân viên Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - một tập thể năng động,

sáng tạo và kỷ luật cao - sẽ không ngừng nỗ lực quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Cuối cùng, thay mặt cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cơ quan ban, ngành Trung ương và địa phương, Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và các ngân hàng trong và ngoài nước đã luôn ủng hộ,

đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Và sau cùng, chúng tôi cảm ơn toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên Ngân hàng – sự nhiệt tình và nỗ lực của các anh chị đã góp phần rất lớn cho thành quả mà Ngân hàng có được ngày hôm nay.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



NGUYỄN THÀNH LONG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG VĂN PHƯỚC



# THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG

Tên đăng ký tiếng Việt

**Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam**

Tên đăng ký tiếng Anh

**Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank  
(Vietnam Eximbank)**

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

**Ông Nguyễn Thành Long**

Đại diện pháp lý và Tổng Giám đốc

**Ông Trương Văn Phước**

Địa chỉ đăng ký của Hội Sở

**Số 07, Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Địa chỉ văn phòng:

**Số 07, Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

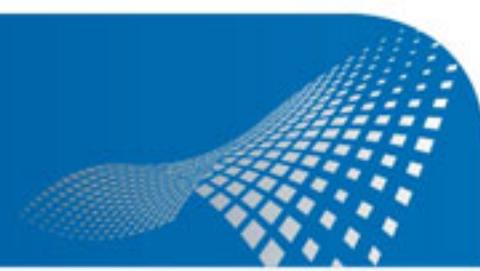
**Điện thoại: 848 38210055**

**Fax: 848 38216913**

**Website: <http://www.eximbank.com.vn>**

Cơ quan quản lý

**Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam**



Đơn vị kiểm toán:

**PricewaterhouseCoopers Việt Nam**

**Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Ngày đăng ký đầu tiên

**23/07/1992**

Ngày đăng ký thay đổi

**10/08/2009**

Cơ quan đăng ký ban đầu

**Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh**

Giấy phép hoạt động kinh doanh

**11/NH-GP ngày 06/04/1992**

Số chứng nhận đăng ký thuế

**0301179079**

Thông tin cổ phiếu

**Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh**

Tên cổ phiếu:

**Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam  
(Eximbank)**

Mã cổ phiếu: **EIB**

# LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

## Những sự kiện quan trọng

### Quá trình thành lập

Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam, được thành lập vào ngày 24/05/1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân Hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Ngân Hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 17/01/1990 và nhận được Giấy phép hoạt động số 11/NH-GP ký ngày 06/04/1992 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cho phép Ngân hàng hoạt động trong 50 năm với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng và có tên mới là **Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam** (gọi tắt là Eximbank).

### Niêm yết

Eximbank được Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 20/10/2009 theo Quyết định số 128/QĐ-SGDHCM

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Ngân hàng Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam**

Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**

Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**

Tổng số lượng niêm yết: **876.226.900 cổ phiếu**

Tổng giá trị niêm yết: **8.762.269.000.000 đồng (theo mệnh giá)**

+++

### Các sự kiện nổi bật qua các năm hoạt động

**Năm 1991, 1992:** Được Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính tín nhiệm giao thực hiện một phần chương trình tài trợ không hoàn lại của Thụy Điển dành cho các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu hàng hoá từ Thụy Điển.

**Năm 1993:** Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Năm 1995:** Tham gia tổ chức Swift (Tổ Chức Viễn Thông Tài Chính Liên Ngân Hàng Toàn Cầu); Trở thành thành viên Hiệp hội các định chế tài trợ phát triển Châu Á-Thái Bình Dương; Được chọn là một trong 6 ngân hàng Việt Nam tham gia Dự án hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức với sự tài trợ của Ngân hàng thế giới - World Bank.

**Năm 1997:** Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard.

**Năm 1998:** Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

**Năm 2003:** Triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến nội hàng toàn hệ thống.

**Năm 2005:** Kết nối thành công hai hệ thống thanh toán thẻ nội địa Vietcombank-Eximbank

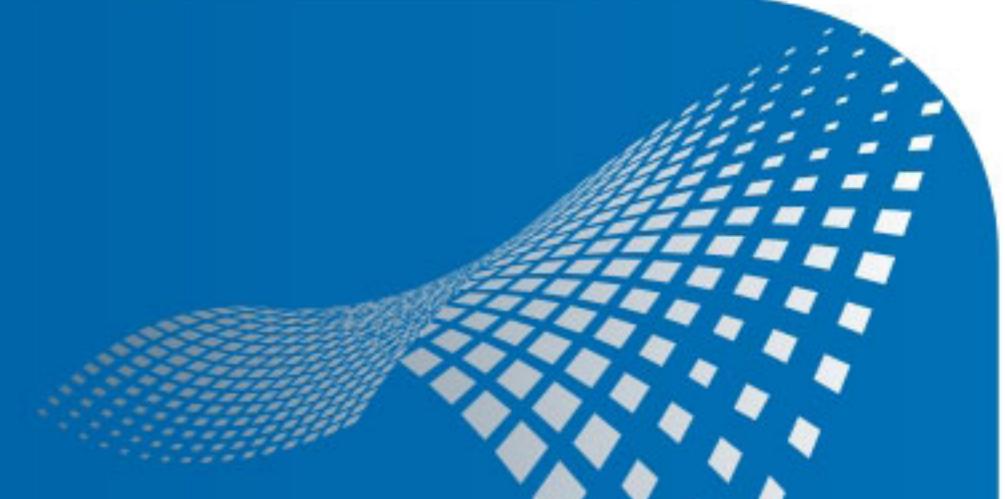
**Năm 2005:** Là ngân hàng đầu tiên phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit

**Năm 2007:** Ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài. Đặc biệt là ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) của Nhật Bản.

**Năm 2008:** Phối hợp với Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC) khai trương Sàn giao dịch vàng SJC - Eximbank.

**Năm 2008:** Tăng vốn điều lệ lên 7.220 tỷ đồng.

**Năm 2009:** - Tăng vốn điều lệ lên 8.800 tỷ đồng  
- Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Tp.HCM.



## Quá trình phát triển

### Ngành nghề kinh doanh

Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư; nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; cho vay ngắn, trung và dài hạn; chiết khấu thương phiếu, công trái và giấy tờ có giá; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc; thanh toán quốc tế; đầu tư vào chứng khoán và các giấy tờ có giá; dịch vụ thanh toán và phát hành thẻ nội địa, thẻ quốc tế Visa, MasterCard, VisaDebit; dịch vụ ngân quỹ; dịch vụ tài chính trọn gói dành cho du học sinh; dịch vụ tư vấn tài chính; các dịch vụ ngân hàng khác.

### Định hướng phát triển trong năm 2010

Đẩy mạnh công tác huy động vốn và hoạt động cho vay, thông qua phản ứng linh hoạt với thị trường, nhanh chóng đưa ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tăng hiệu quả hoạt động huy động, cho vay. Đồng thời coi trọng chất lượng tín dụng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.

Nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư tài chính thông qua xây dựng một chính sách đầu tư tài chính phù hợp với tình hình thị trường ở Việt Nam.

Nhanh chóng thành lập các công ty con nhằm thay đổi phương thức tăng trưởng, góp phần tăng nhanh tổng tài sản một cách vững chắc, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời đẩy nhanh tốc độ phát triển mạng lưới, tăng nhanh thị phần huy động vốn và cho vay.

### Định hướng phát triển trung và dài hạn

Phát triển Eximbank từng bước trở thành tập đoàn Tài chính ngân hàng đa năng – hiện đại (ngân hàng phục vụ doanh nghiệp – tài trợ xuất nhập khẩu, ngân hàng bán lẻ; ngân hàng đầu tư; dịch vụ tài chính; và các hoạt động liên minh khác). Trong đó, hoạt động ngân hàng phục vụ doanh nghiệp, tài trợ xuất nhập khẩu và ngân hàng bán lẻ là hoạt động cốt lõi.

Tranh thủ thời cơ, tận dụng cơ hội - sử dụng hiệu quả thế mạnh về nguồn vốn chủ sở hữu để đẩy mạnh phát triển các hoạt động ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, hoạt động của các công ty con, công ty liên kết. Đồng thời, đẩy mạnh việc hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước nhằm phát huy sức mạnh của từng bên để đem lại lợi ích đối với các bên.

Tiếp tục phát huy thế mạnh trên các lĩnh vực tài trợ thương mại, tài trợ xuất nhập khẩu, kinh doanh vàng, ngoại hối, phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng trên cơ sở ứng dụng nền tảng công nghệ ngân hàng hiện đại, áp dụng các chuẩn mực quốc tế đối với việc quản trị ngân hàng, đặc biệt là quản trị rủi ro.

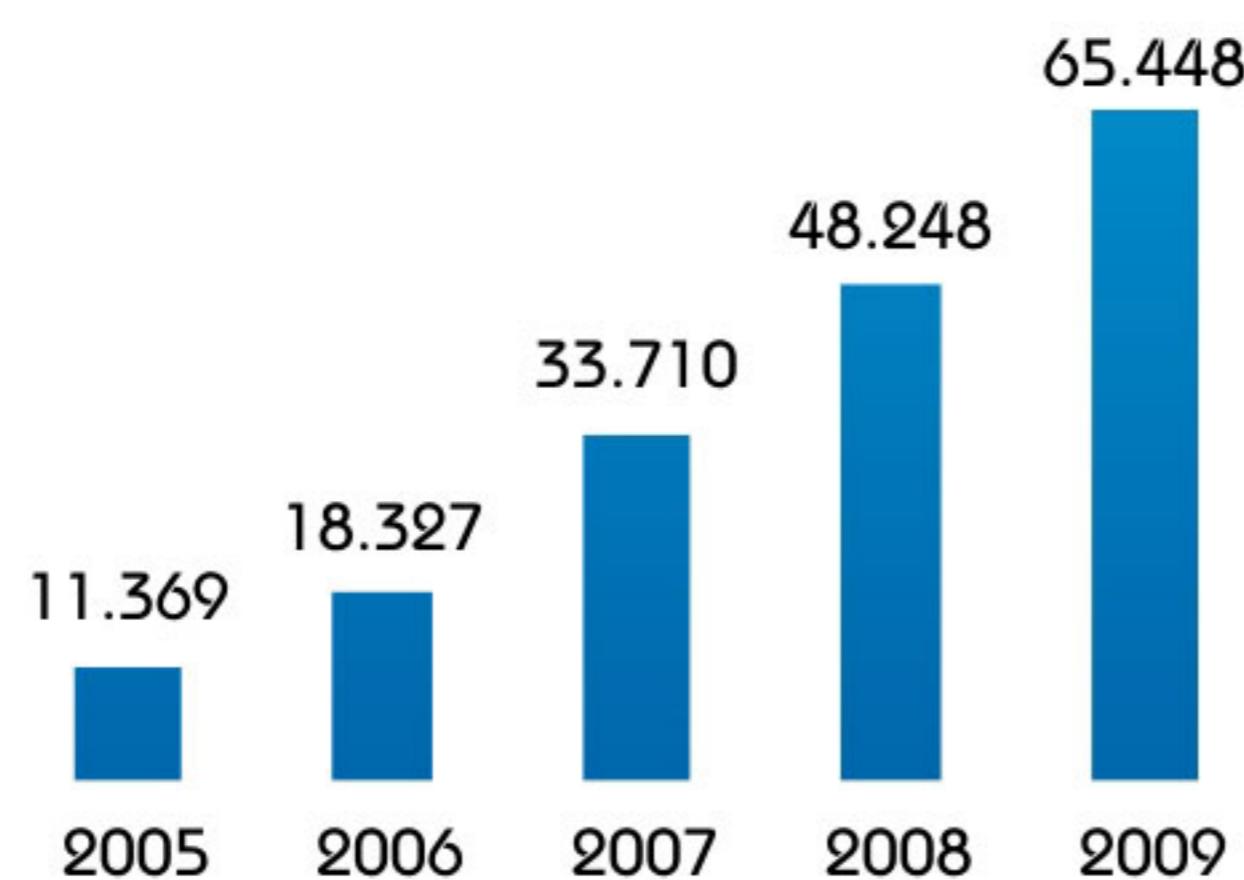
Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo ra động lực khuyến khích các chi nhánh, các Khối chức năng trong việc phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao của cả hệ thống.

Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị điều hành, nâng cao chất lượng hoạt động của toàn hệ thống, cơ cấu lại bộ máy tổ chức. Đồng thời cải cách công tác đào tạo để nhanh chóng nâng cao chất lượng nhân sự đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống.

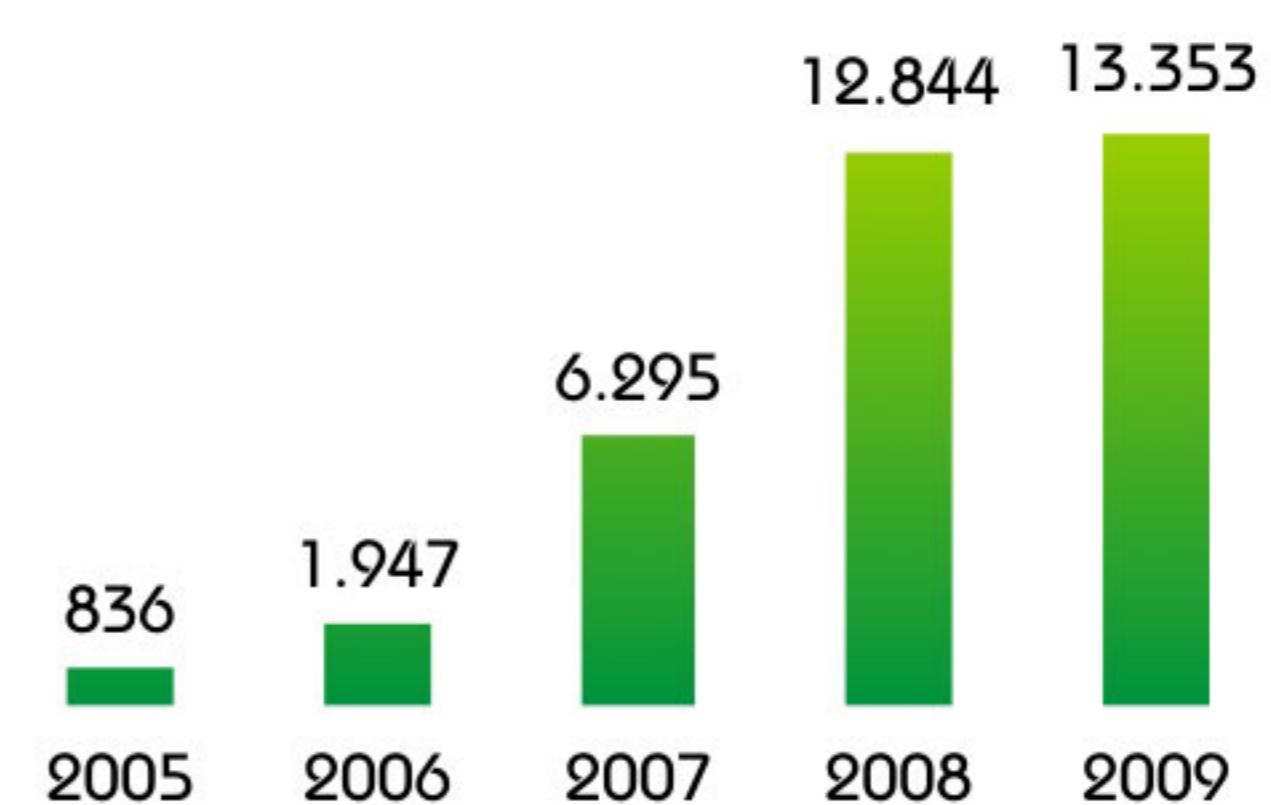
## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

	Đơn vị tính: Tỷ đồng				
	2009	2008	2007	2006	2005
<b>Chỉ tiêu</b>					
Tổng tài sản	65.448	48.248	33.710	18.327	11.369
Vốn chủ sở hữu	13.353	12.844	6.295	1.947	836
Trong đó: Vốn điều lệ	8.800	7.220	2.800	1.212	700
Huy động vốn từ các tổ chức và dân cư	46.989	32.331	22.914	13.467	8.352
Tổng dư nợ cho vay	38.580	21.232	18.452	10.207	6.433
Thu nhập lãi thuần	1.975	1.320	685	352	216
Thu nhập ngoài lãi thuần	602	572	332	238	87
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	2.577	1.892	1.017	590	303
Tổng chi phí hoạt động	(907)	(603)	(354)	(185)	(117)
<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước trích DPRR tín dụng</b>	<b>1.670</b>	<b>1.289</b>	<b>663</b>	<b>405</b>	<b>186</b>
Chi phí dự phòng rủi ro	(137)	(320)	(34)	(47)	(157)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.533</b>	<b>969</b>	<b>629</b>	<b>358</b>	<b>29</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(400)	(258)	(166)	(100)	(8)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.133</b>	<b>711</b>	<b>463</b>	<b>258</b>	<b>21</b>
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu, ROE	8,65%	7,43%	11,26%	18,66%	3,07%
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản, ROA	1,99%	1,74%	1,78%	1,74%	0,21%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR (%)	26,87%	45,89%	27,00%	15,97%	12,36%
Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch	140	111	66	24	15
Tổng cán bộ nhân viên (Đvt: người)	3.780	3.104	2.360	1.223	1.025
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/năm)	12%	12%	14%	17%	3,10%

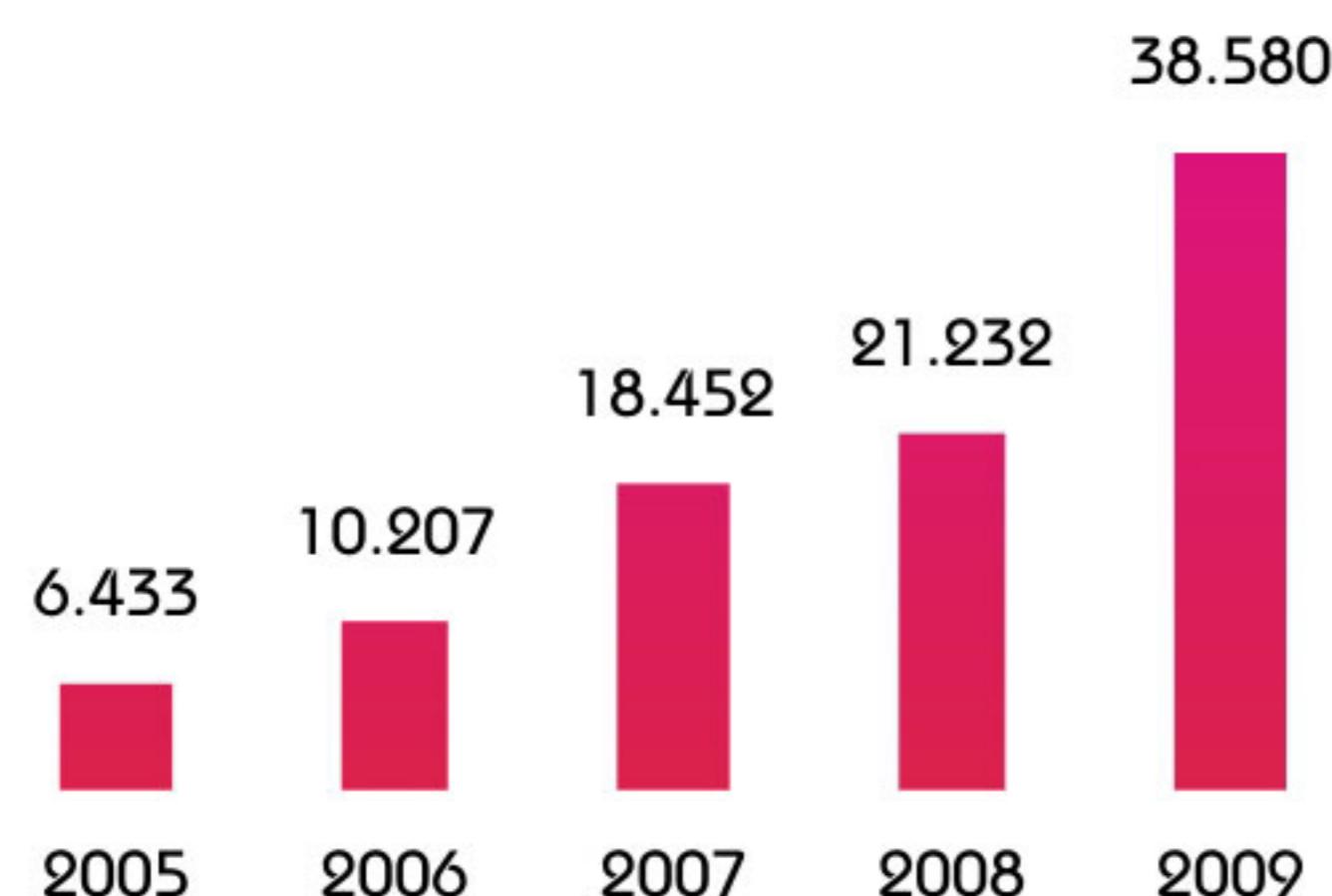
Tổng tài sản (tỷ đồng)



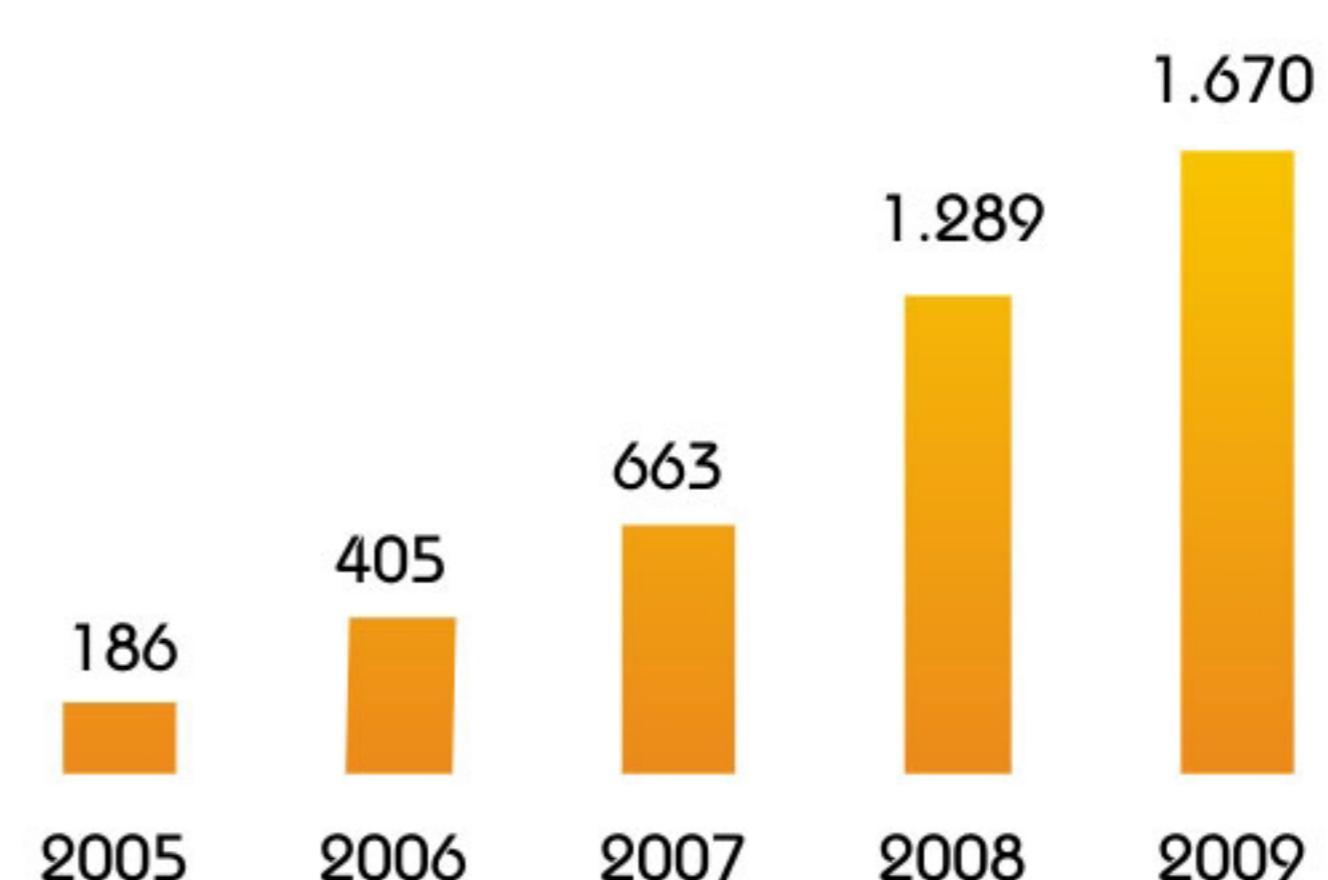
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



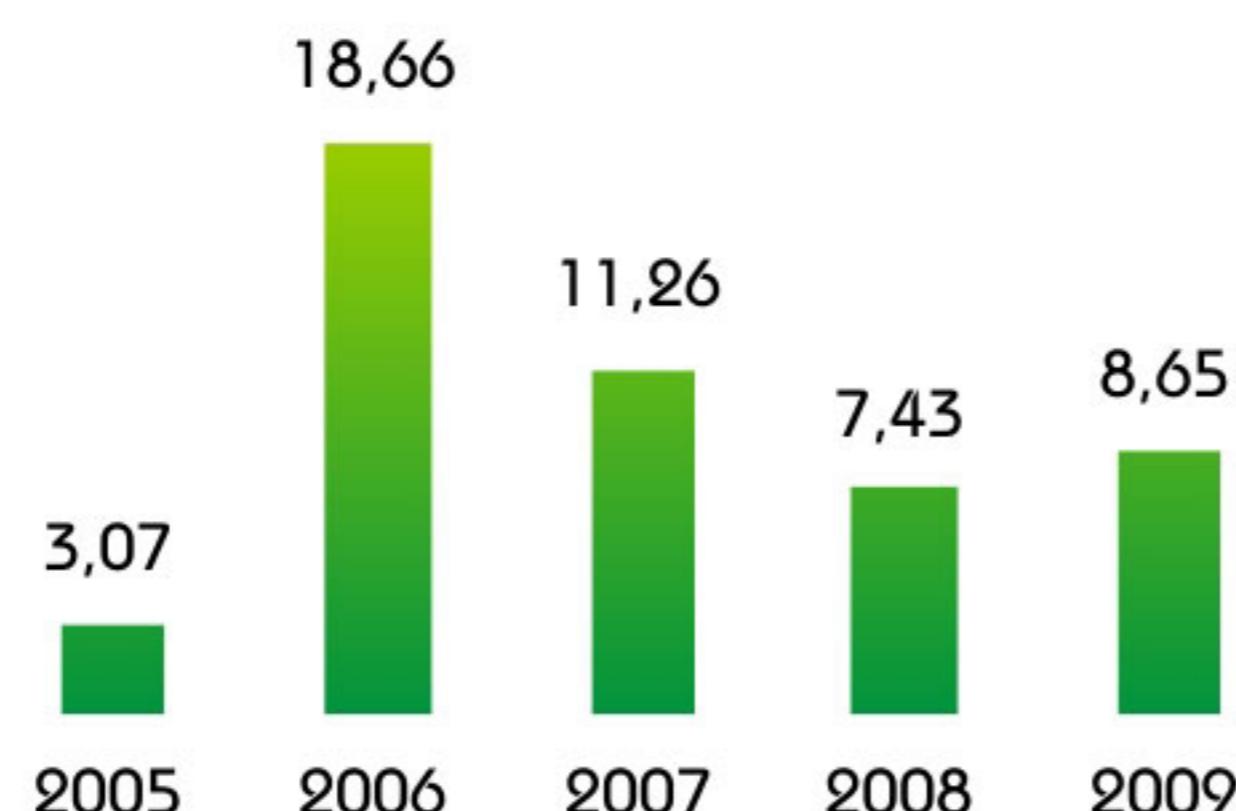
Dư nợ tín dụng (tỷ đồng)



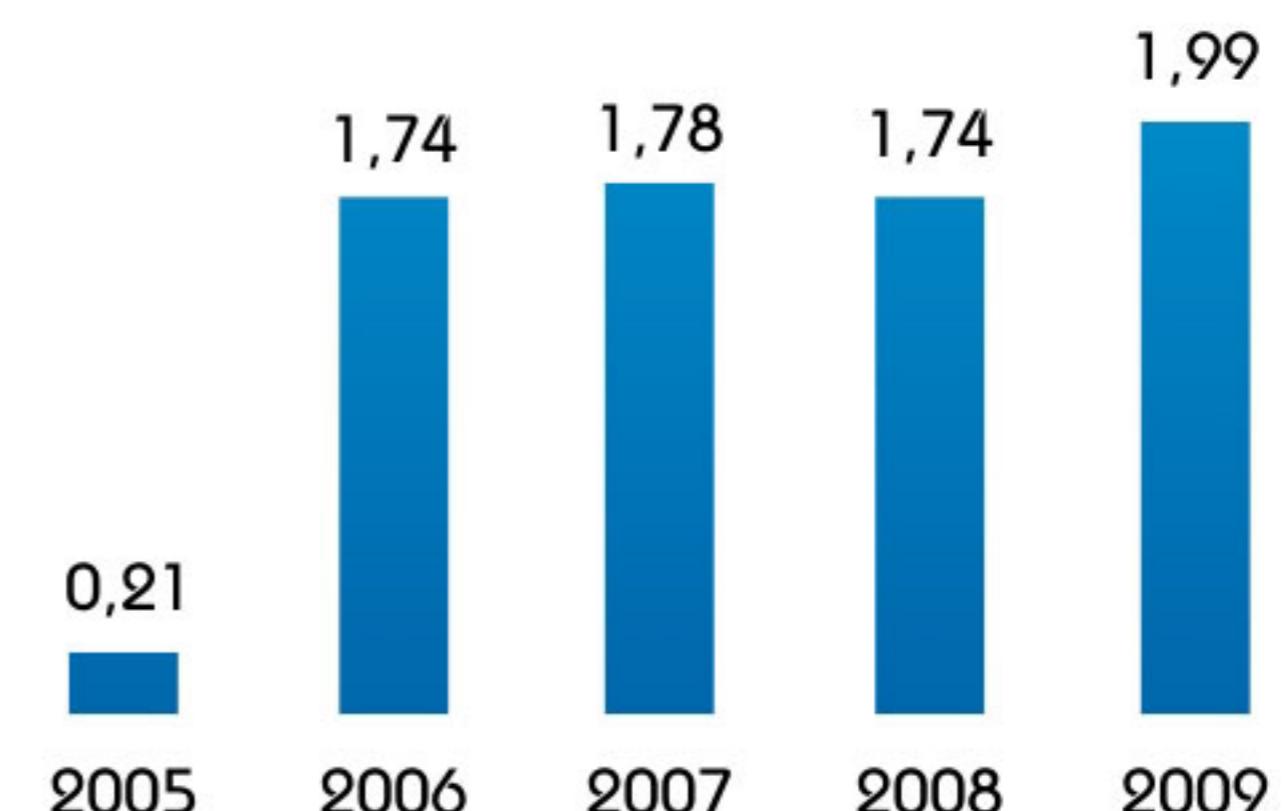
Lợi nhuận thuần từ HĐKD  
trước trích DPRR tín dụng (tỷ đồng)



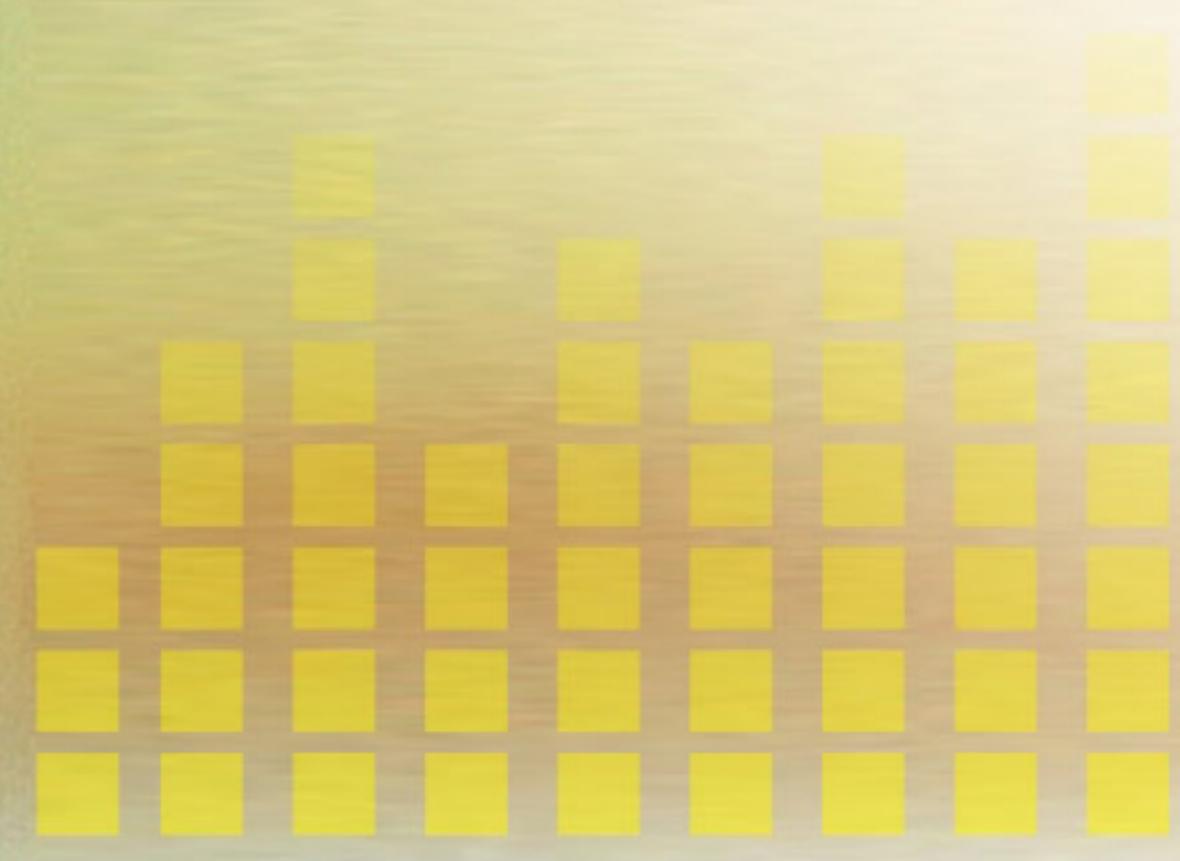
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu ROE (%)



Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản ROA (%)







# TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG NĂM 2009

---

Sự kiện

Các giải thưởng

Trách nhiệm xã hội

# TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG NĂM 2009

## Các sự kiện trong năm

- Tháng 5/2009: Eximbank chính thức ký kết thỏa thuận tài trợ thương mại với Ngân Hàng Phát Triển Châu Á - ADB.
- Tháng 07/2009: Eximbank ký kết thỏa thuận đồng tài trợ cho Nhà Máy Nhiệt Điện Mạo Khê.
- Tháng 07/2009: Eximbank ký kết hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với ngân hàng SMBC.
- Tháng 09/2009: Eximbank là một trong 3 ngân hàng tại Việt Nam tham gia hội nghị triển lãm Sibos 2009 do SWIFT tổ chức tại Hồng Kông.
- Tháng 10/2009: cổ phiếu Eximbank niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE).
- Tháng 12/2009: Eximbank phát hành thẻ chip đổi với tất cả các loại thẻ quốc tế.
- Tháng 12/2009: Eximbank tham gia liên minh Globepass và trở thành thành viên đầu tiên và duy nhất cung cấp chương trình ưu đãi giảm giá giữa các đơn vị chấp nhận thẻ tại Việt Nam.



## Các giải thưởng đạt được trong năm

### **Chất lượng Thanh toán quốc tế xuất sắc được trao tặng bởi**

- Wachovia Bank N.A New York
- Standard Chartered Bank
- The Bank of New York Mellon

- Thương hiệu Vàng -Golden Brand Awards 2009 do Hiệp Hội Chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam (VATAP) bình chọn.
- Thương hiệu "được yêu thích" do Tạp chí Thương Mại tổ chức bình chọn.
- "Thương hiệu Kinh tế đối ngoại hàng đầu Việt Nam" và "Nhà hoạt động Kinh tế đối ngoại tiêu biểu" do Ủy Ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Đài Tiếng nói Việt Nam, Liên Hiệp các tổ chức Hữu Nghị Việt Nam, Tạp chí Văn Hiến Việt Nam phối hợp tổ chức.
- Thương hiệu Việt 2009 do độc giả Tạp Chí Thương Hiệu Việt bình chọn.

# TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG NĂM 2009

## Trách nhiệm xã hội

Bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh, Eximbank vẫn không quên xác định trách nhiệm của mình đối với cộng đồng nhằm thể hiện sự quan tâm chia sẻ đối với những cảnh đời kém may mắn và mong muốn cùng cộng đồng thắp lên ngọn lửa tình yêu thương đùm bọc.

Vào tháng 01/2009, Eximbank đã trao quà Tết cho 50 hộ gia đình nghèo mở Mỹ Tho – Tiền Giang nhằm giúp đỡ cho những cảnh đời khó khăn có thể hưởng được một cái Tết ấm cúng, và tràn đầy ý nghĩa.

Tháng 03/2009, Eximbank đã tổ chức đi thăm các bệnh nhi ở Bệnh viện Ung Bướu và trao tặng cho các bé tổng số tiền 18 triệu đồng.

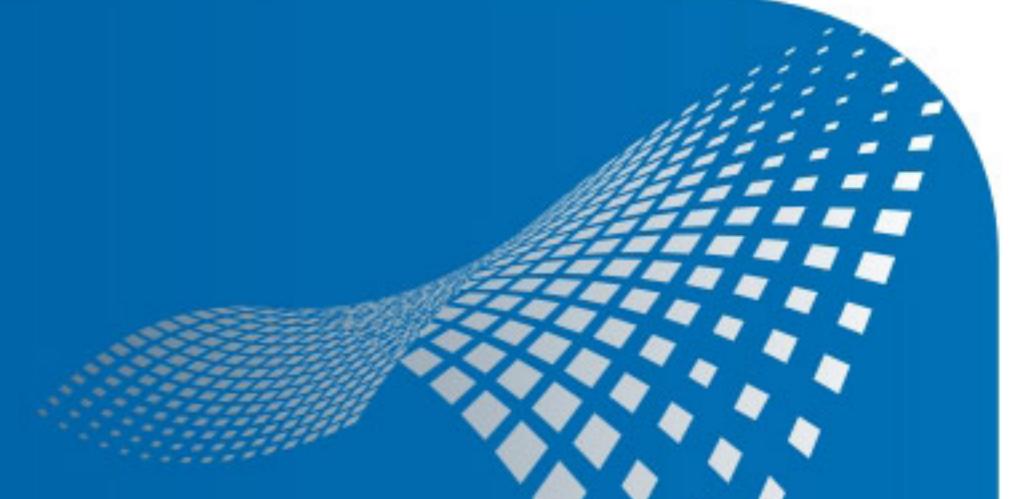
Ngày 31/05/2009 Eximbank phối hợp với Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo TP.HCM đã trao tặng 1.000 phần quà trị giá 100 triệu đồng cho 1.000 em thiếu nhi trong ngày hội “Búp bê dễ thương” tổ chức tại nhà Thiếu Nhi Thành Phố. Những nhân vật chính

tham dự ngày hội này là các em bé mồ côi, bị các căn bệnh hiểm nghèo, bị nhiễm chất độc da cam từ các trung tâm mái ấm, nhà tình thương trên địa bàn TP.HCM.

Ngày 23/07/2009, Eximbank đã phối hợp với Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo TP.HCM, bệnh viện Nguyễn Trãi thực hiện phẫu thuật miễn phí cho 200 bệnh nhân bị đục thủy tinh thể có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố và các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

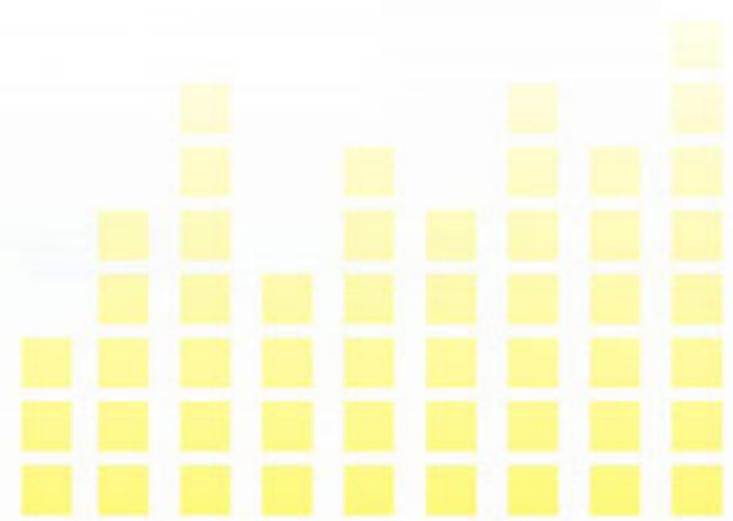
Bên cạnh đó, với mong muốn đem đến cho các em có hoàn cảnh khó khăn được đón tết Trung Thu vui vẻ hạnh phúc, Eximbank đã phối hợp công ty Vàng bạc đá quý TP.HCM (SJC), công ty chứng khoán Rồng Việt (VDSC) tổ chức tặng hơn 1000 phần quà cho các em tại mái ấm nhà mở, các em nhỏ bị bệnh hiểm nghèo trong Bệnh Viện Ung Bướu...





Qua những hoạt động trên Eximbank muốn nhân rộng hơn nữa phong trào tương thân, tương ái, chia sẻ với những hoàn cảnh không may mắn trong xã hội để giúp họ có cơ hội vươn lên trong cuộc sống. Đó chính là một nét văn hóa đáng quý luôn được duy trì ở ngân hàng Eximbank.





# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2009

Triển vọng và kế hoạch tương lai

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2009

Mặc dù môi trường hoạt động trong năm 2009 gặp rất nhiều khó khăn do môi trường kinh tế vĩ mô chưa thật sự ổn định; thị trường ngoại hối diễn biến phức tạp, tỷ giá USD có thời điểm tăng vọt lên gần 20.000đ/USD; nhưng Eximbank đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu do Đại hội cổ đông giao như sau:

Tổng tài sản đạt 65.448 tỷ đồng, tăng 36% (tương đương 17.200 tỷ đồng) so đầu năm, đạt 103% so với kế hoạch.

Tổng vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 46.989 tỷ đồng, tăng 45% (tương đương 14.659 tỷ đồng) so đầu năm, đạt 104% so với kế hoạch.

Tổng dư nợ tín dụng đạt 38.580 tỷ đồng, tăng 82% (tương đương 17.348 tỷ đồng) so đầu năm, đạt 113% so kế hoạch.

Thu từ dịch vụ đạt 211 tỷ đồng, tăng 94% so với năm 2008.

Phát triển mạng lưới tăng 29 điểm so năm 2008, hoàn thành 101% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.533 tỷ đồng, tăng 58% so năm 2008, đạt 102% kế hoạch.

ROE đạt 8,65%

ROA đạt 1,99%

Cổ tức: 12%

## Những thay đổi chủ yếu

Điều hành hoạt động ngân hàng trong năm 2009 đòi hỏi phải nhạy bén để tận dụng thời cơ và năng động trong công tác quản trị. Từ việc xác định phương châm quản trị và điều hành như trên, bộ phận thường trực Hội đồng Quản trị cùng với Ban Kiểm soát tập trung chỉ đạo và là điểm tựa vững chắc cho Ban điều hành trong tổ chức hoạt động. Các cuộc họp giao ban hàng tháng của Eximbank luôn có sự tham gia của các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị nhằm theo dõi sát sao hoạt động kinh doanh của ngân hàng, kịp thời đưa ra những

quyết định, giải pháp nhằm cân bằng giữa tăng trưởng, tạo lợi nhuận và kiểm soát rủi ro.

Tranh thủ các hỗ trợ kỹ thuật của cổ đông chiến lược nước ngoài SMBC, Eximbank đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong quản lý rủi ro, phát triển ngân hàng bán lẻ và đang từng bước xây dựng những quy chế, quy định để đưa những hỗ trợ kỹ thuật ứng dụng vào thực tế.

## Triển vọng và kế hoạch tương lai

### Định hướng chung (mục tiêu – tầm nhìn – sứ mệnh)

Xây dựng Eximbank từng bước trở thành Tập đoàn tài chính ngân hàng đa năng, hiện đại đạt mức trung bình trong khu vực và quốc tế, nằm trong tốp đầu hệ thống các ngân hàng TMCP của Việt Nam.

Mang lại sự thỏa mãn cho khách hàng bằng chất lượng và sự đa dạng sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại, thúc đẩy sự hợp tác cùng có lợi.

Xây dựng một môi trường văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc cộng đồng, đóng góp quan trọng cho việc xây dựng nền kinh tế thịnh vượng của đất nước và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

“Nguồn lực con người – nhân viên là tài sản quý nhất, là nhân tố chủ đạo tạo ra giá trị gia tăng và tăng trưởng bền vững của Eximbank”

### Kế hoạch tương lai

Trong thời gian tới, Eximbank tiếp tục thực hiện chiến lược tập trung và khác biệt hóa trên từng lĩnh vực cốt yếu của hoạt động ngân hàng thương mại (ngân hàng bán lẻ, ngân hàng bán buôn – tài trợ xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại hối, vàng và kinh doanh vốn), từng bước xâm nhập nhanh, có chọn lọc vào lĩnh vực ngân hàng đầu tư và tài trợ dự án; đồng thời phát triển nhanh các dịch vụ tài chính.

- Chiến lược tập trung thể hiện bằng nỗ lực vào từng phân khúc thị trường theo tiêu thức vùng địa lý, mạng phân phối, nhóm khách hàng riêng biệt trên từng khu vực thị trường.
- Chiến lược khác biệt thể hiện bằng sự khác biệt, vượt trội của Eximbank trong việc lựa chọn phát triển sản phẩm, dịch vụ, công nghệ mang tính

chiến lược, then chốt, mang tính cạnh tranh nhằm tạo đòn bẩy mở rộng thị phần trong nước, từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

- Thực hiện và đạt mục tiêu dựa trên nền tảng cốt lõi (tam giác chiến lược): năng lực tài chính – nhân lực – và công nghệ.







# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo kết quả kinh doanh

Hoạt động quản lý rủi ro

Hệ thống Công Nghệ Thông Tin

Hoạt động đào tạo

Hợp tác với đối tác chiến lược

Những tiến bộ đã đạt được

Mục tiêu của năm 2010

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Tình hình tài chính

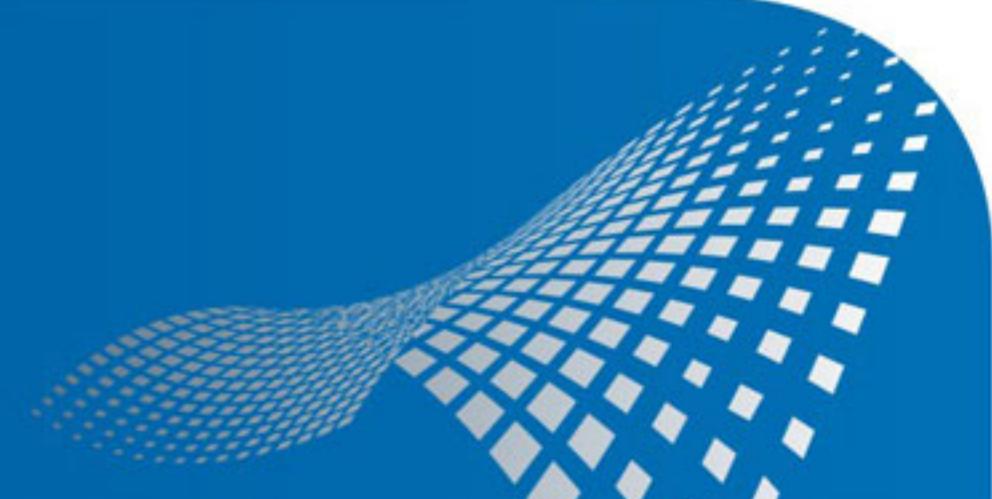
### Khả năng sinh lời

Năm 2009, hoạt động của các ngân hàng thương mại nói chung gặp nhiều khó khăn nhưng các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Eximbank đều tăng so với năm trước. Cụ thể, so với năm 2008, các chỉ số ROE và ROA như sau:



### Khả năng thanh khoản

Khả năng thanh khoản của Ngân hàng luôn đảm bảo theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

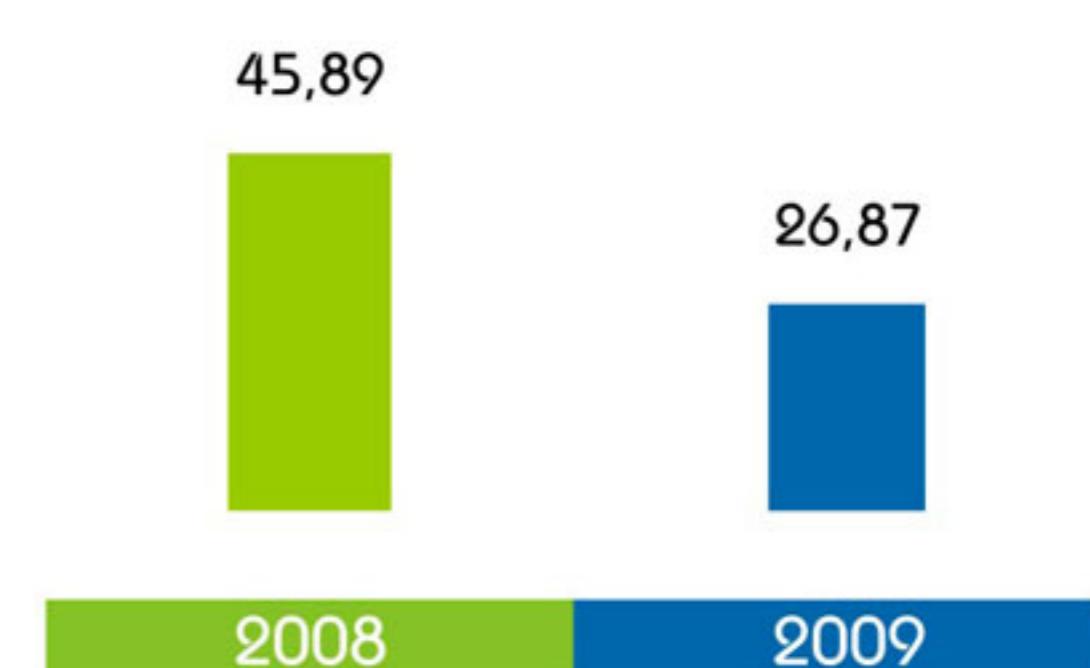


## Hệ số an toàn vốn và nợ xấu

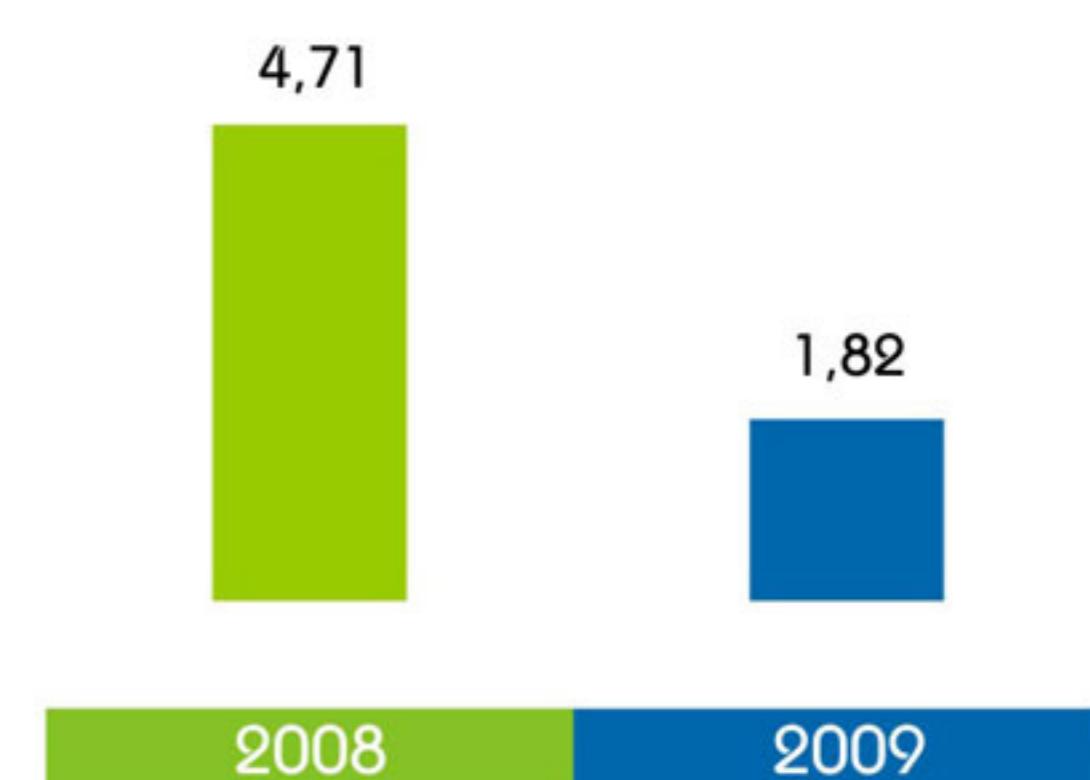
Năm 2009, Eximbank tập trung xử lý các khoản nợ xấu bằng nhiều giải pháp quyết liệt để giảm thiểu nợ xấu từ năm 2008, giảm thiểu rủi ro tín dụng. Eximbank cũng đã triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng, đánh giá lại danh mục đầu tư tín dụng, không tập trung tín dụng quá mức cho một ngành nghề, lĩnh vực nào. Danh mục đầu tư tín dụng dựa trên cơ sở phân tích kinh tế từng ngành nghề, sâu sát diễn biến thị trường; tăng cường công tác quản lý hàng hóa cầm cố, thế chấp. Với sự tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật của đối tác chiến lược SMBC, Eximbank đã hoàn thiện cơ chế giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ chặt chẽ, sâu sát hơn nhằm sớm phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn rủi ro tín dụng. Chất lượng tín dụng tại Eximbank đã cải thiện đáng kể, tỷ lệ nợ xấu giảm từ mức 4,71% còn 1,82%, thấp hơn mức trung bình ngành là 2,46%.

Tỷ lệ an toàn vốn cuối năm 2009 là 26,87%. Tỷ lệ này là tương đối cao do nguồn vốn tự có của Eximbank tăng trưởng nhanh trong năm 2008.

**Tỷ lệ an toàn vốn**



**Tỷ lệ nợ xấu**



## Những thay đổi về vốn cổ đông

**Những thay đổi về vốn cổ đông đối với cổ đông lớn từ 5% vốn điều lệ trở lên: Không có**

### Cổ phiếu:

Tổng số cổ phiếu niêm yết: 876.226.900 cổ phiếu phổ thông  
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 876.226.900 cổ phiếu.  
Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

**Tổng số trái phiếu có thể chuyển đổi:** không có

**Cổ tức năm 2009:** dự kiến là 12% (đã tạm ứng 8%)

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Kết quả kinh doanh

### Huỷ động vốn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	2009	2008	(+)/(-)(%)
--	------	------	------------

#### Phân loại theo khách hàng

<b>Khách hàng doanh nghiệp</b>	14.209	8.741	+ 62,6%
<b>Khách hàng cá nhân</b>	32.780	23.590	+ 39,0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.989</b>	<b>32.331</b>	<b>45,3%</b>

#### Phân loại theo thời hạn

<b>Ngắn hạn</b>	41.001	25.715	+ 59,4%
<b>Trung và dài hạn</b>	5.988	6.616	- 9,5%
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.989</b>	<b>32.331</b>	<b>45,3%</b>

#### Phân loại theo tiền tệ

<b>VND</b>	25.455	19.461	30,8%
<b>Ngoại tệ quy đổi VND</b>	11.960	7.577	57,9%
<b>Vàng quy đổi VND</b>	9.574	5.293	80,9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.989</b>	<b>32.331</b>	<b>45,3%</b>

#### Phân loại theo khu vực

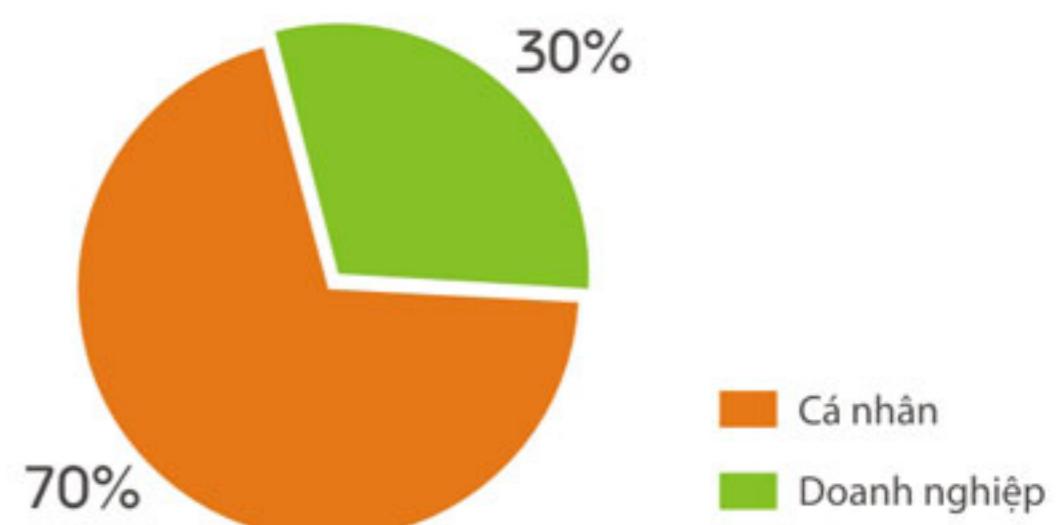
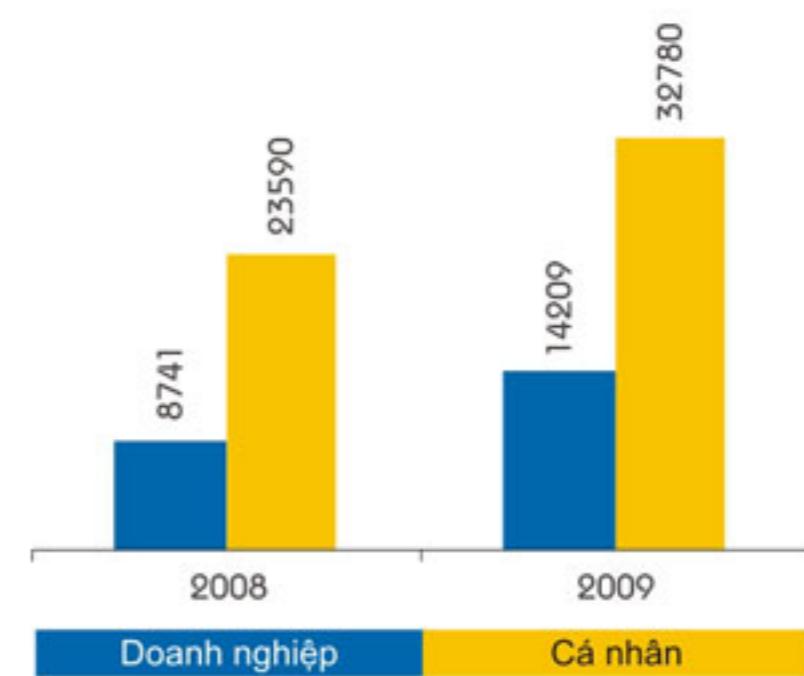
<b>Phía Bắc</b>	7.323	4.971	47,3%
<b>Miền Trung và Cao Nguyên</b>	3.306	2.228	48,4%
<b>TP. Hồ Chí Minh</b>	32.195	22.857	40,9%
<b>Đông Nam Bộ</b>	1.244	546	127,7%
<b>Đồng Bằng Sông Cửu Long</b>	2.921	1.729	69,0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.989</b>	<b>32.331</b>	<b>45,3%</b>

Tính đến 31/12/2009, tổng huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư trong toàn hệ thống đạt 46.989 tỷ đồng, tăng 45% (tương đương 14.658 tỷ đồng) so với năm 2008, đạt 104% kế hoạch năm 2009.

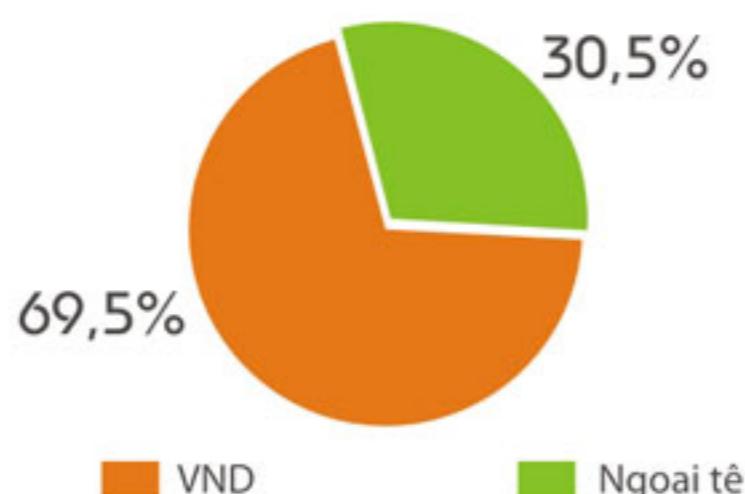
Huy động vốn từ tổ chức kinh tế năm 2009 đạt 14.209 tỷ đồng, tăng 62,6% (tương đương 5.468 tỷ đồng) so với đầu năm 2009, đạt 101,3% so với kế hoạch. Số dư huy động vốn từ tổ chức kinh tế chiếm 30% trong tổng huy động vốn. Huy động vốn từ dân cư đạt 32.780 tỷ đồng, tăng 39% (tương đương 9.190 tỷ đồng) so với đầu năm 2009, chiếm 70% trong tổng huy động.

#### **Huy động vốn từ tổ chức kinh tế**

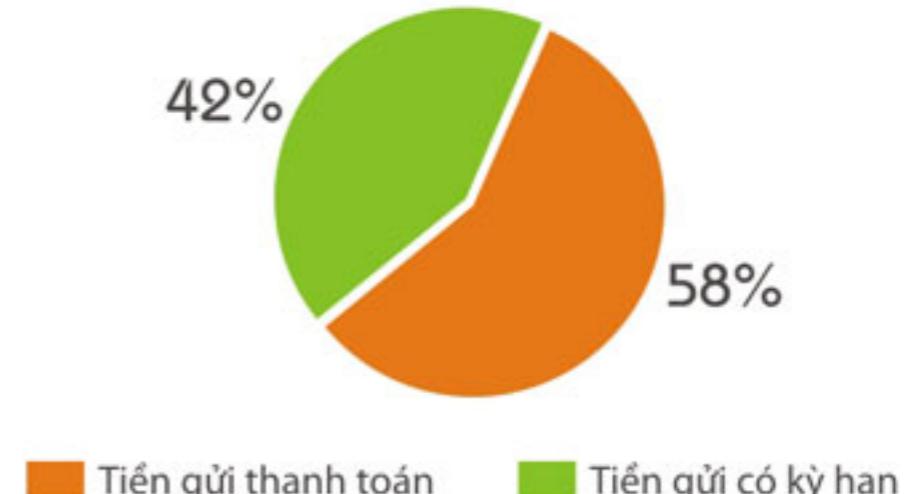
So với năm 2008, huy động vốn từ các tổ chức kinh tế trong năm 2009 có nhiều thuận lợi hơn do nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi, GDP tăng trưởng dương, chỉ số VN Index tăng hơn 50%, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phát triển nhờ gói kích cầu hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ. Tuy nhiên, tình hình biến động giá vàng, tỷ giá ngoại tệ và tâm lý lo ngại về tái lạm phát, hiện tượng găm giữ ngoại tệ ... đã tạo ra sự khan vốn giả tạo trên thị trường đã làm cho tình hình huy động của các ngân hàng nói chung vào thời điểm cuối năm gặp nhiều khó khăn.



#### **Cơ cấu huy động theo loại tiền**



#### **Cơ cấu huy động theo kỳ hạn**



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Kết quả kinh doanh (tiếp theo)

Xét về cơ cấu huy động theo loại tiền: Huy động bằng tiền đồng từ tổ chức kinh tế đạt 9.877 tỷ đồng, tăng 3.548 tỷ đồng, tương ứng tăng 56% so với đầu năm 2009. Huy động bằng ngoại tệ quy đổi USD là 234,46 triệu USD, tăng 96 triệu USD, tương ứng tăng 69% so với đầu năm 2009. Cơ cấu huy động VND chiếm phần lớn trong tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức kinh tế (69,5%). Ngoại tệ (chủ yếu là USD) chiếm tỷ trọng 30,5% trong tổng vốn huy động.

Trong năm 2009 Eximbank đã đưa ra thị trường

nhiều sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp như: Tiền gửi năng động, lãi suất linh hoạt; Tiền gửi thanh toán lãi suất hàng ngày; Tiền gửi thanh toán lãi suất bậc thang; Tiền gửi kỳ hạn tự chọn;.

Ngoài ra, Eximbank cũng triển khai chương trình khuyến mãi nhằm thu hút thêm khách hàng mới đồng thời tri ân các khách hàng doanh nghiệp cũ nhân dịp Eximbank tròn 20 tuổi, như: chương trình "Sinh nhật lớn, Khuyến mãi lớn"; Chương trình "Thay lời cảm ơn khách hàng"...



## Huy động vốn từ dân cư

Năm 2009, với những định hướng chiến lược kinh doanh linh hoạt và nhạy bén, Eximbank liên tiếp đưa ra nhiều giải pháp huy động vốn đồng bộ và kịp thời đối với khách hàng cá nhân như:

- Cải tiến nhiều sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tối ưu của khách hàng. "Tiết kiệm gửi góp" với 6 dòng sản phẩm đa dạng kỳ hạn từ 1 năm đến 10 năm, đáp ứng nhu cầu tích lũy cho tương lai của khách hàng. "Tiết kiệm 50+" dành nhiều ưu đãi cho đối tượng khách hàng từ 50 tuổi trở lên và "Tiết kiệm Lộc trường an" – Eximbank kết hợp công ty bảo hiểm ACE tặng bảo hiểm cho khách hàng đến gửi tiền tại Eximbank,..
  - Trong năm 2009, Eximbank đã triển khai 12 chương trình khuyến mại dành cho khách hàng cá nhân, gồm 3 chương trình khuyến mại dự thưởng và 9 chương trình khuyến mại quà tặng.
- Các chương trình đều đạt kết quả huy động tốt.
- Luôn theo sát diễn biến thị trường để xây dựng chính sách lãi suất huy động cạnh tranh và linh hoạt.
  - Chú trọng cải tiến chất lượng dịch vụ, tác phong phục vụ khách hàng, quy trình phục vụ khách hàng tiện lợi và nhanh chóng, cải tiến trung tâm chăm sóc khách hàng Call center, Hộp thư khách hàng tại Website của Eximbank.

Với nỗ lực luôn cải tiến và không ngừng vận động phát triển để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, Eximbank đã gặt hái được nhiều thành công trong công tác huy động vốn.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Kết quả kinh doanh (tiếp theo)

### Tín dụng

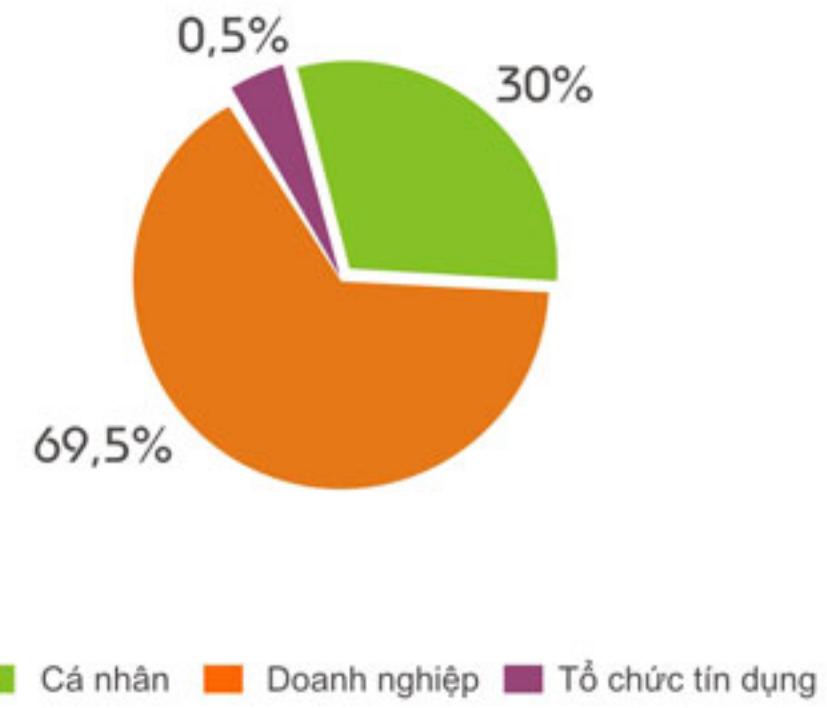
	2009	2008	Đơn vị tính: Tỷ đồng (+)/(-)(%)
<b>Phân loại theo khách hàng</b>			
Tổ chức tín dụng khác	198	-	-
Khách hàng doanh nghiệp	26.827	14.061	90,8%
Khách hàng cá nhân	11.555	7.171	61,1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.580</b>	<b>21.232</b>	<b>81,7%</b>
<b>Phân loại theo thời hạn</b>			
Ngắn hạn	27.591	16.445	67,8%
Trung và dài hạn	10.989	4.788	129,5%
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.580</b>	<b>21.232</b>	<b>81,7%</b>
<b>Phân loại theo tiền tệ</b>			
VND	29.762	15.971	86,4%
Ngoại tệ quy đổi VND	6.204	3.124	98,6%
Vàng quy đổi VND	2.614	2.138	22,3%
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.580</b>	<b>21.232</b>	<b>81,7%</b>
<b>Phân loại theo khu vực</b>			
Phía Bắc	5.422	2.857	89,7%
Miền Trung và Cao Nguyên	3.813	1.878	103,1%
TP. Hồ Chí Minh	23.844	14.367	66,0%
Đông Nam Bộ	1.558	514	203,0%
Đồng Bằng Sông Cửu Long	3.943	1.616	144,0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.580</b>	<b>21.232</b>	<b>81,7%</b>

Với chủ trương kích cầu và ngăn chặn suy giảm kinh tế, từ cuối năm 2008 chính sách tiền tệ bắt đầu có sự chuyển hướng từ thắt chặt sang nới lỏng dần như tỷ lệ dự trữ bắt buộc VNĐ kỳ hạn dưới 12 tháng giảm mạnh từ mức 11% vào tháng 10/2008 xuống còn 3% vào tháng 3/2009, lãi suất cơ bản giảm từ mức 13% vào tháng 10/2008 xuống còn 7% vào tháng 2/2009 và được duy trì liên tục trong 10 tháng năm 2009. Việc nới lỏng chính sách tiền tệ, chính sách hỗ trợ lãi suất, cùng với sự hồi phục của thị trường chứng khoán cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung đã góp phần thúc đẩy dư nợ tín dụng tăng cao trong năm 2009.

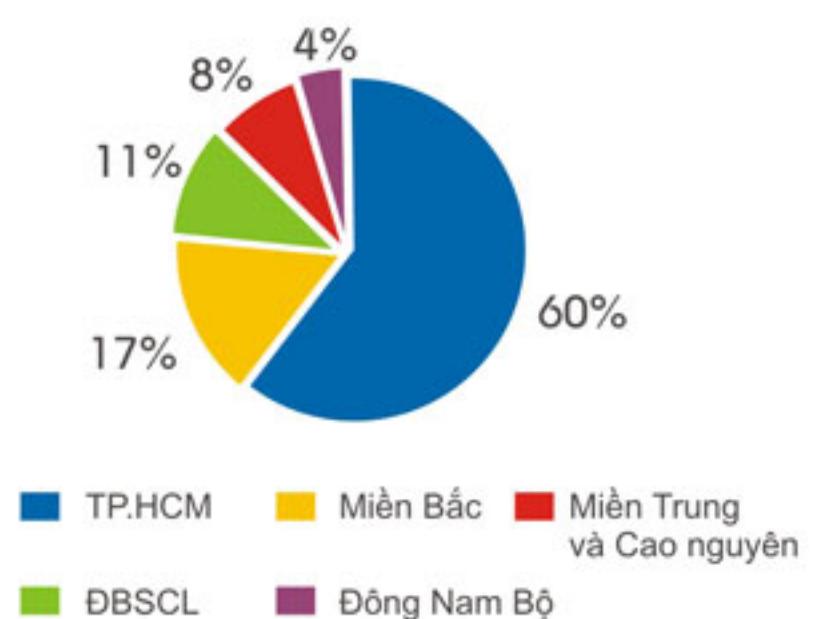
Cùng với tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành, doanh số cho vay của Eximbank đạt hơn 140.000 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay đạt 38.580 tỷ đồng, tăng 82% (mức tăng trưởng của ngành là 38%) so với đầu năm, đạt 113% kế hoạch. Trong đó, cơ cấu tín dụng bao gồm dư nợ cho vay tổ chức tín dụng đạt 198 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,5%, dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp đạt 26.827 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 69,5%, tăng 90,8% (tương đương 12.765 tỷ đồng) so với đầu năm; dư nợ cho vay khách hàng cá nhân đạt 11.555 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30%, tăng 61% (tương đương 4.385 tỷ đồng) so với đầu năm.

### Tín dụng doanh nghiệp

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ trong năm 2009, Eximbank đã tích cực triển khai chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất và đưa ra hàng loạt sản phẩm tín dụng mới nhằm hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn giá rẻ và tránh rủi ro về tỷ giá, nâng cao hiệu quả kinh doanh.



**Cơ cấu dư nợ theo khu vực**



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Kết quả kinh doanh (tiếp theo)

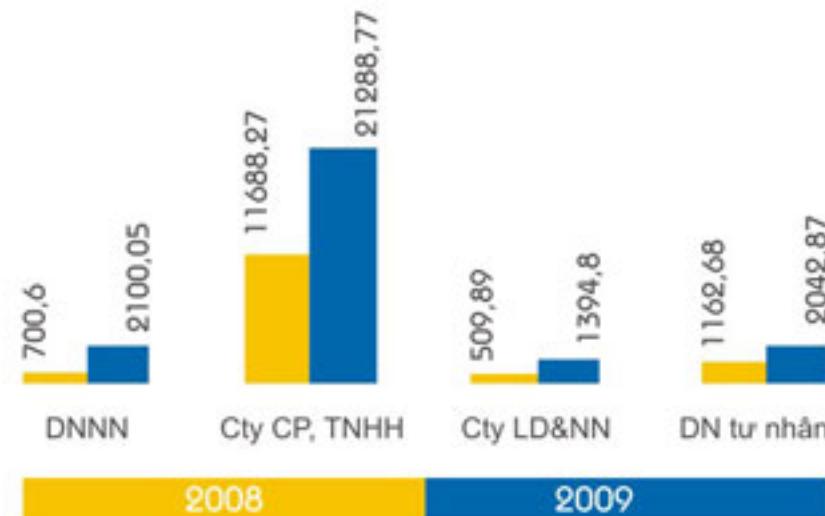
Tính đến 31/12/2009, dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp đạt 26.827 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 69,5% trong tổng dư nợ, tăng 90,8% (tương đương 12.765 tỷ đồng) so đầu năm.

Trong năm 2009, dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng trưởng ổn định với số dư tín dụng tăng mạnh ở nhóm công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.

Dư nợ tín dụng theo loại tiền: Cùng với tốc độ tăng của tín dụng toàn hệ thống, dư nợ tín dụng doanh nghiệp tăng mạnh trong năm 2009. Tuy nhiên, xét về tỷ trọng VND vẫn giữ ở vị trí cao nhất 74 % trên tổng dư nợ tín dụng doanh nghiệp, ngoại tệ chiếm 23% và vàng chiếm gần 3%.

Trong năm 2009, Eximbank đã triển khai thành công các chương trình tài trợ xuất nhập khẩu, đặc biệt là chương trình tài trợ nhập khẩu kèm bảo hiểm rủi ro tỷ giá với doanh số cho vay đạt gần 150 triệu USD và được khách hàng đánh giá cao về sự hỗ trợ chia sẻ rủi ro của Eximbank.

**Dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp**



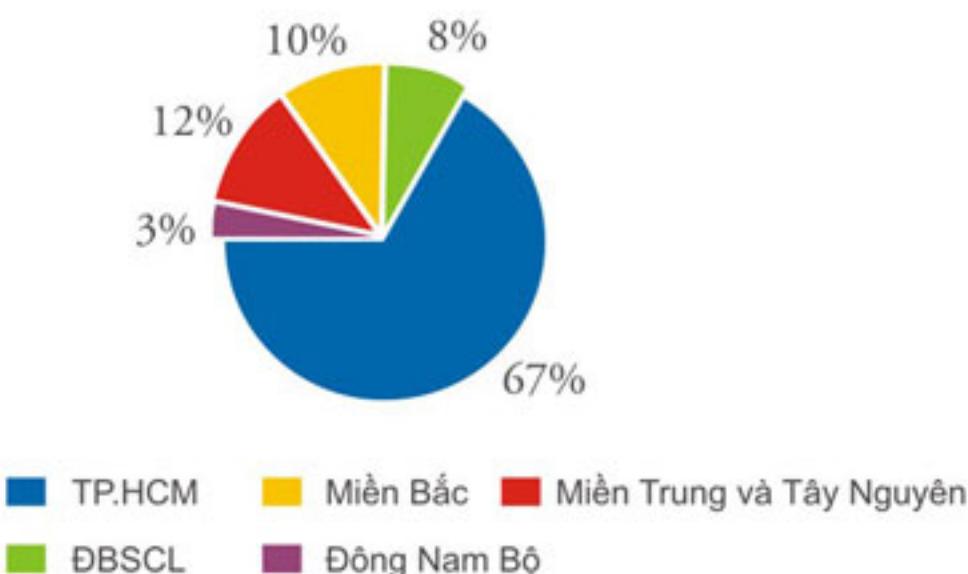
## Tín dụng cá nhân

Dư nợ tín dụng cá nhân năm 2009 tăng trưởng khá nhanh. Các khoản tín dụng tăng mới có chất lượng tốt. Tình hình nợ xấu giảm đáng kể so với năm 2008.

### Cơ cấu dư nợ theo khu vực

Khu vực Tp.HCM vẫn là khu vực chiếm tỷ trọng dư nợ cá nhân cao nhất trong toàn hệ thống. Với sự phát triển mạng lưới chi nhánh rộng khắp các quận, huyện trong thành phố cùng với lượng khách hàng khá ổn định, mức tăng trưởng dư nợ của khu vực này chiếm hơn 50% dư nợ cá nhân tăng thêm của hệ thống năm 2009

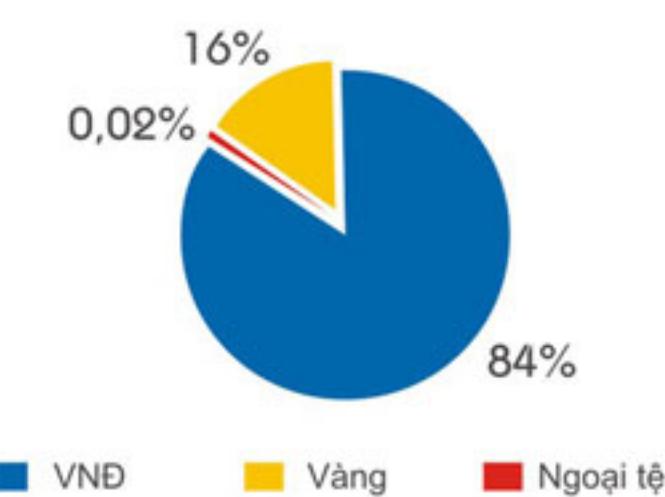
### Cơ cấu dư nợ theo khu vực



### Cơ cấu dư nợ theo loại tiền

Với cơ chế hỗ trợ lãi suất và cho vay lãi suất thỏa thuận, Eximbank đẩy mạnh cho vay VNĐ, nâng tỷ trọng dư nợ VNĐ trong cơ cấu dư nợ tín dụng cá nhân tăng thêm hơn 10%, đạt mức 84%.

### Cơ cấu dư nợ theo loại tiền



Trong năm 2009, Eximbank đặc biệt chú trọng đẩy mạnh cho vay cá nhân nhằm phục vụ đời sống với mức lãi suất thỏa thuận luôn cạnh tranh so với mặt bằng thị trường. Dư nợ cho vay VNĐ phục vụ đời sống đạt hơn 25% tổng dư nợ cá nhân, và là thu nhập đáng kể trong tổng lợi nhuận từ hoạt động cho vay của Eximbank

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Kết quả kinh doanh (tiếp theo)

### Đầu tư tài chính

Dưới tác động tiêu cực của khủng hoảng, thị trường chứng khoán trải qua những chuỗi ngày giao dịch ảm đạm trong 2 tháng đầu năm 2009 và thiết lập đáy khi VN-Index rớt xuống 235,5. Tuy nhiên khi nền kinh tế từng bước hồi phục, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trở nên khả quan hơn thì lòng tin của nhà đầu tư dần hồi phục, và dòng tiền bắt đầu quay lại thị trường. Thị trường liên tục tăng điểm qua các tháng, cùng với khối lượng giao dịch ngày càng tăng lên, tính thanh khoản của thị trường ngày càng cải thiện, VN-Index tăng 163% và thiết lập đỉnh 624 điểm vào cuối tháng 10, sau đó giảm lại mức 500 điểm vào cuối tháng 12/2009 do tác động của việc kiểm soát tăng trưởng tín dụng.

Trước tình hình đó, Eximbank đã chủ động cơ cấu lại danh mục đầu tư, giảm tỷ trọng các cổ phiếu thuộc ngành ít tăng trưởng và xem xét đầu tư các cổ phiếu của các ngành được hưởng lợi từ sự hồi phục của nền kinh tế.

Cùng với đó là việc thực hiện mua bán ngắn hạn các chứng khoán niêm yết để kiếm lợi nhuận khi thị trường phục hồi nhanh, đồng thời hạn chế các khoản đầu tư vào những cổ phiếu có tính thanh khoản kém. Bên cạnh đó, Eximbank cũng tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các trái phiếu có lãi suất cao và thả nổi trên thị trường để gia tăng các khoản thu nhập.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	31/12/2009	31/12/2008
<b>Cổ phiếu (*)</b>	<b>1.266</b>	<b>1.095</b>
Chứng khoán kinh doanh	109	-
Sẵn sàng để bán	332	238
Đầu tư dài hạn	825	857
(*) Chưa bao gồm dự phòng giảm giá		
<b>Trái phiếu</b>	<b>8.165</b>	<b>7.396</b>
Trái phiếu chính phủ	2.930	5.041
Trái phiếu của các tổ chức tín dụng	4.568	1.785
Trái phiếu của các tổ chức kinh tế	667	570

Đến cuối năm 2009, các khoản góp vốn và đầu tư chứng khoán là 9.431 tỷ đồng. Trong đó đầu tư vào trái phiếu là 8.165 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 86,6% và đầu tư cổ phiếu là 1.266 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,4%.

Kết quả thu nhập từ đầu tư tài chính sau khi đã trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 901 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ lãi trái phiếu là 677 tỷ đồng, thu nhập từ chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư là 224 tỷ đồng

## Kinh doanh dịch vụ

### Thanh toán quốc tế

Thanh toán quốc tế vốn là thế mạnh của Eximbank, tuy nhiên những hệ quả từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đã tác động mạnh tới hoạt động xuất, nhập khẩu của Việt nam nói chung cũng như mảng dịch vụ thanh toán quốc tế của Eximbank nói riêng. Các doanh nghiệp trong năm 2009 đã gặp nhiều khó khăn hơn do phải đương đầu với nhiều áp lực từ cả hai phía thị trường trong nước và thị trường nước ngoài.

Năm 2009, tổng doanh số thanh toán xuất nhập khẩu của Eximbank đạt 3.098,19 triệu USD, tăng nhẹ so với năm 2008 là 153,2 triệu USD tương đương tăng 5,2%. Trong đó: thanh toán L/C đạt 1.249,43 triệu USD, tăng 30,41 triệu USD tương đương tăng 2,5% so với năm 2008; Thanh toán nhờ thu đạt 267,13 triệu USD, tăng 74,09 triệu USD tương đương tăng 38,45% so với năm 2008; Thanh toán TTR đạt 1.581,63 triệu USD, tăng 48,6 triệu USD, tương đương tăng 3,17% so với năm 2008.

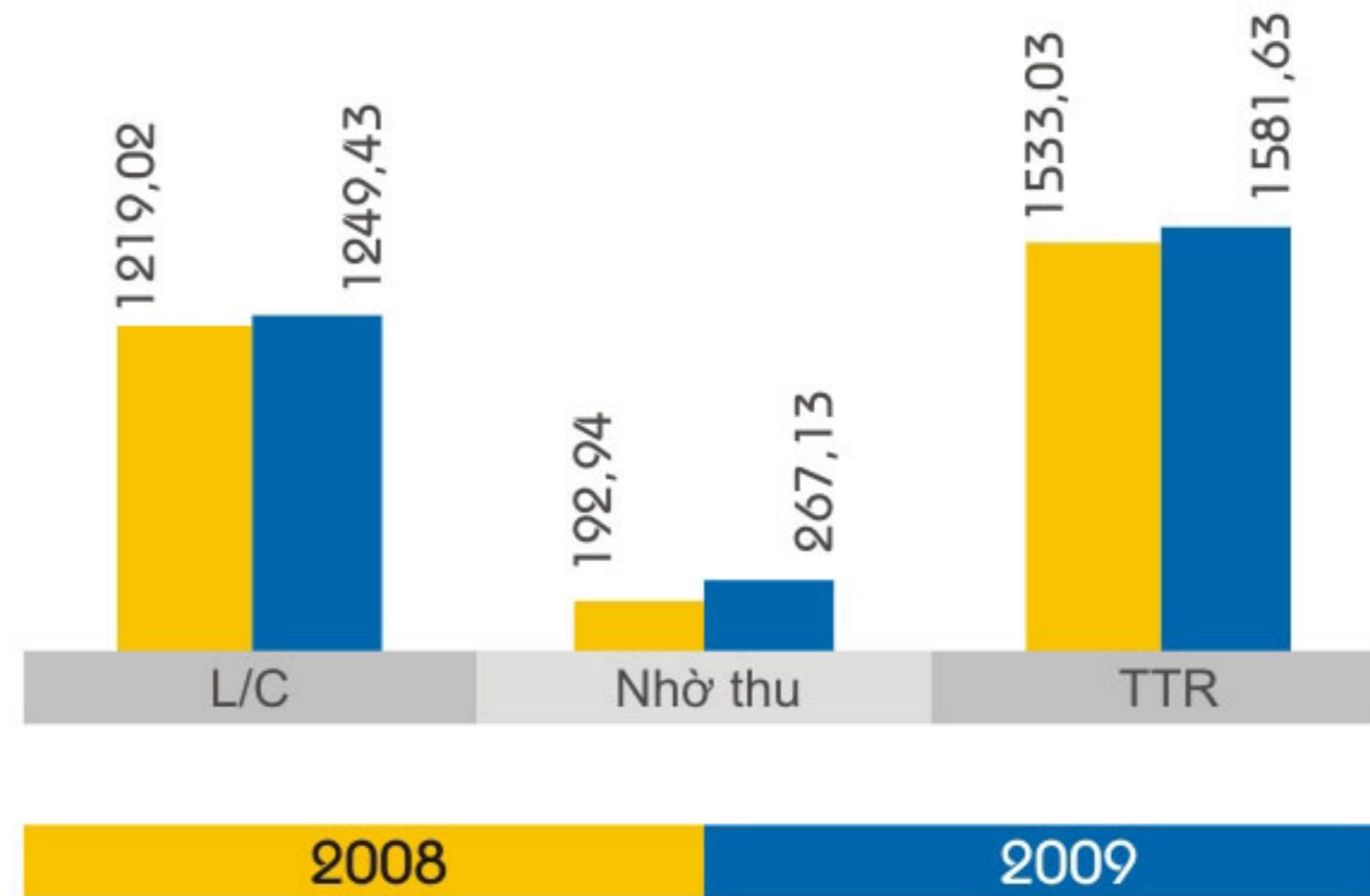
Về xuất khẩu: đạt doanh số 1.093,95 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,93% kim ngạch xuất khẩu cả nước, tăng 29,30% so cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là thủy sản (143,65 triệu USD), hàng dệt may (đạt 20,13 triệu USD), Giày dép (12,89 triệu USD), hàng thủ công mỹ nghệ (28,30 triệu USD)...

Về nhập khẩu: doanh số thanh toán đạt 2.004,24 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,92% kim ngạch nhập khẩu cả nước, giảm 4,52% so cùng kỳ. Các mặt hàng có doanh số nhập khẩu cao như máy móc thiết bị

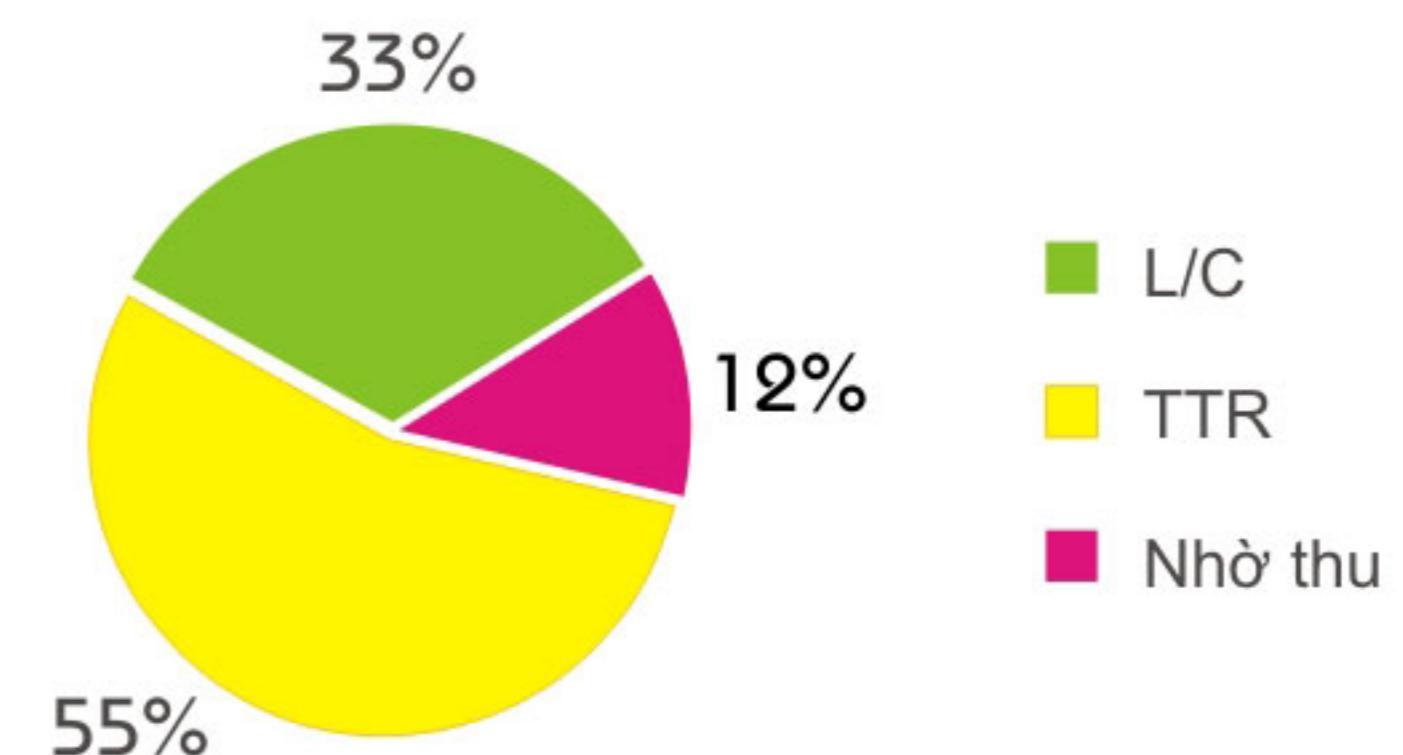
(194,76 triệu USD), sắt thép (103,05 triệu USD), Xăng dầu (146,34 triệu USD), ô tô và phụ tùng ôtô (49,26 triệu USD), Chất dẻo nguyên liệu (58,35 triệu USD).

Tổng thu phí dịch vụ từ hoạt động thanh toán quốc tế đạt 137 tỷ đồng, tăng 51 tỷ đồng tương đương tăng 60,15% so với năm 2008

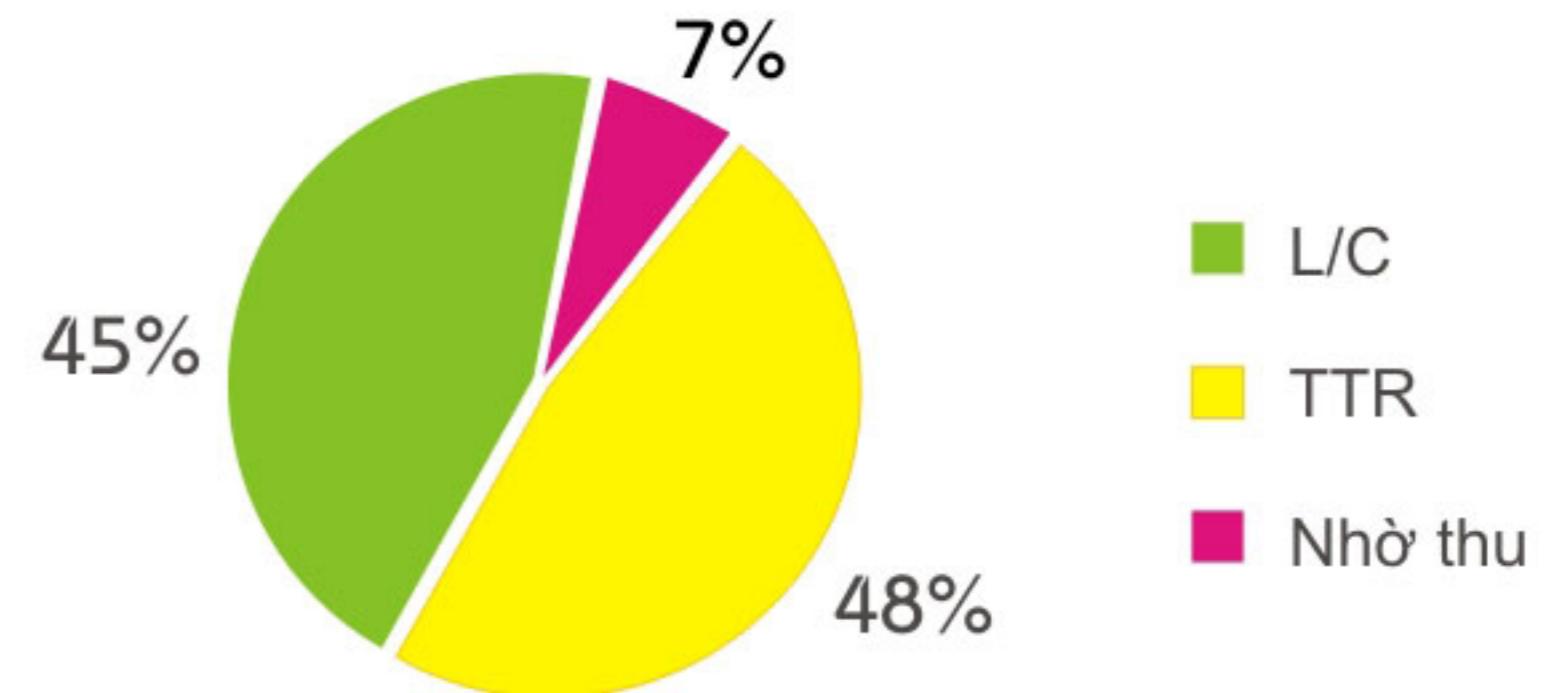
**Doanh số thanh toán quốc tế**



**Cơ cấu doanh số thanh toán xuất khẩu**



**Cơ cấu doanh số thanh toán nhập khẩu**



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

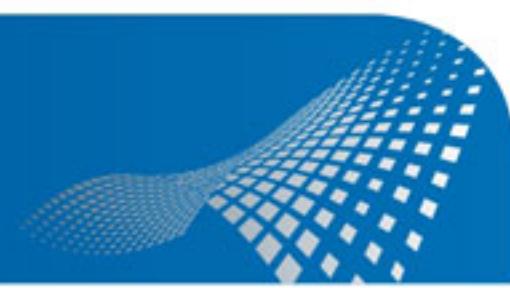
## Kết quả kinh doanh (tiếp theo)

### Kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Eximbank cũng đã có sự cải thiện đáng kể sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đưa ra một loạt các giải pháp nhằm giảm sự căng thẳng trên thị trường ngoại hối. Trong đó, đáng chú ý nhất là tăng tỷ giá bình quân trên thị trường liên ngân hàng, dùng gói hỗ trợ lãi suất ngắn hạn, bán hỗ trợ ngoại tệ cho các Tổ chức Tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho các doanh nghiệp nhập khẩu những mặt hàng chiến lược và phục vụ sản xuất của nền kinh tế, đồng thời yêu cầu một số tập đoàn và Tổng công ty nhà nước bán ngoại tệ trên tài khoản tiền gửi cho các Tổ chức Tín dụng. Những biện pháp đồng bộ này phần nào đã cải thiện tính thanh khoản trên thị trường ngoại hối và đồng thời cải thiện hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Eximbank.

Đối với Eximbank, hoạt động kinh doanh ngoại tệ vẫn duy trì ổn định và hỗ trợ kịp thời các hoạt động tài trợ xuất nhập khẩu và đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngoại tệ chính đáng của khách hàng; Áp dụng linh hoạt các sản phẩm kinh doanh ngoại hối và các nghiệp vụ ngân hàng khác nhằm chủ động trong công tác kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường; kiểm soát chặt chẽ các rủi ro phát sinh; tự động hóa các giao dịch nội bộ; trang bị các phần mềm, hệ thống giao dịch hiện đại và kết nối trực tiếp với thị trường ngoại hối thế giới; xây dựng được đội ngũ kinh doanh ngoại hối chuyên nghiệp, giỏi chuyên môn và nghiệp vụ; không ngừng nghiên cứu các sản phẩm dịch vụ mới và mở rộng hơn hệ thống các ngân hàng đối tác trên thị trường quốc tế.

	ĐVT: triệu USD	
	2008	2009
Doanh số mua bán ngoại tệ (quy USD)	10.000	6.100
Trong đó: từ hoạt động xuất nhập khẩu	3.800	3.300



## Kinh doanh vàng

Trong bối cảnh tình hình thị trường vàng trong và ngoài nước có nhiều biến động khó lường, Eximbank đã nỗ lực theo sát những diễn biến của thị trường, kịp thời có những chiến lược, đổi sách kinh doanh thích hợp. Nhờ vậy, hoạt động kinh doanh vàng của Eximbank năm 2009 đã đạt được những kết quả khả quan. Doanh số kinh doanh vàng toàn hệ thống Eximbank đạt 33 triệu lượng, tăng 2,3 lần so với năm 2008.



Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng năm 2009 đạt 135 tỷ đồng.

## Trung tâm Giao dịch vàng E-xim

Sau hơn một năm đi vào hoạt động, đến cuối năm 2009, Trung tâm Giao dịch vàng đã triển khai nhận lệnh tại 37 chi nhánh/SGD, tương ứng có tổng cộng 43 Điểm nhận lệnh. Tổng khối lượng giao dịch trên sàn trong năm 2009 là 23,6 triệu lượng. Tổng thu nhập từ hoạt động sàn vàng năm 2009 đạt 35,05 tỷ.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Kết quả kinh doanh (tiếp theo)

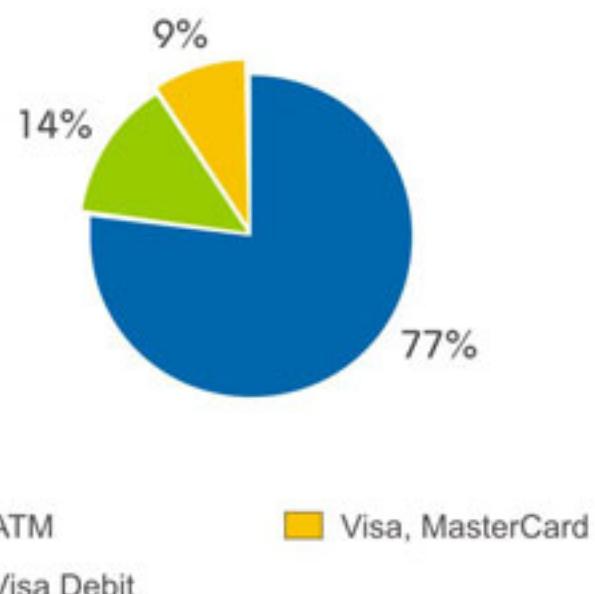
### Dịch vụ Thẻ

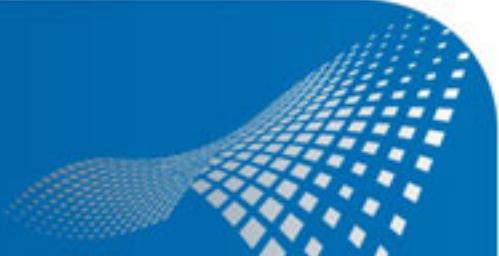
Số lượng thẻ phát hành đến cuối năm 2009 đạt 288.587 thẻ, tăng 42% so với năm 2008. Doanh số sử dụng thẻ đạt 4.173 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2008. Doanh số thanh toán thẻ đạt 3.200 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2008. Tổng số máy ATM đã lắp đặt là 260 máy.

Trong năm 2009, Eximbank đã cho ra đời sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho Giáo viên, Giảng viên (Thẻ Eximbank-Teacher Card), thẻ đồng thương hiệu, thẻ tích hợp với các Trường Đại học,...nhằm gia tăng thị phần thẻ của Eximbank.

Ngoài ra, Eximbank đã áp dụng công nghệ Chip EMV đối với tất cả thẻ quốc tế do Eximbank phát hành, thường xuyên tổ chức các chương trình

khuyến mãi, tặng thêm các tiện ích gia tăng qua thẻ và nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ để đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng.





## Hoạt động dịch vụ

Đối với dịch vụ hỗ trợ du học sinh, Eximbank tích cực đẩy mạnh công tác tiếp thị dịch vụ du học đến khách hàng thông qua hợp tác với các công ty tư vấn du học lớn tại Việt Nam, tổ chức nhiều chương trình hội thảo giới thiệu sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ du học trọn gói đến khách hàng như Hội chợ giáo dục phát triển Tp.HCM tại nhà thi đấu Phú Thọ, Hội thảo du học Úc,... Kết quả đạt được trong năm 2009 hết sức khả quan: doanh số chuyển tiền du học, định cư, chuyển thu nhập về nước,... đạt trên 77 triệu USD, tăng 55% so với năm 2008.

Về hoạt động kiều hối, trong năm, do tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng đến công ăn, việc làm, chi tiêu của kiều bào Việt Nam trên thế giới, kéo theo lượng kiều hối chảy về Việt Nam giảm 20% so năm 2008. Kết thúc năm 2009, doanh số chuyển tiền kiều hối, thanh toán, vãng lai,...tại Eximbank đạt gần 197 triệu USD.

Về hoạt động dịch vụ ngân hàng điện tử, bên cạnh các dịch vụ truyền thống như SMS Banking, Internet Banking, tháng 12/2009, Eximbank triển khai dịch vụ nạp tiền thuê bao di động (VnTopup) nhằm mang lại tiện lợi tối đa cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu nạp tiền điện thoại của đại đa số chủ tài khoản của Eximbank. Theo đó, khách hàng gửi tin nhắn nạp tiền đến tổng đài 8049, tiền sẽ được nạp trực tiếp vào tài khoản điện thoại di động và trừ trực tiếp vào tài khoản tiền gửi của khách hàng tại Eximbank.

Trong năm 2010, với định hướng chiến lược tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, không ngừng cải tiến và phát triển các dịch vụ ngân hàng thực hiện thông qua Internet và điện thoại di động, ứng dụng công nghệ hiện đại, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao và nền tảng khách hàng vững chắc, Eximbank đã nỗ lực đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Kết quả kinh doanh (tiếp theo)

### Phát triển mạng lưới

Năm 2009, Eximbank đã đưa vào hoạt động 4 chi nhánh và 25 Phòng Giao Dịch, nâng tổng số điểm giao dịch đang hoạt động của Eximbank lên 140 (gồm 1 Sở Giao Dịch, 37 Chi nhánh, và 102 Phòng Giao Dịch). Mạng lưới giao dịch của Eximbank trải khắp 17 tỉnh thành trên toàn quốc.



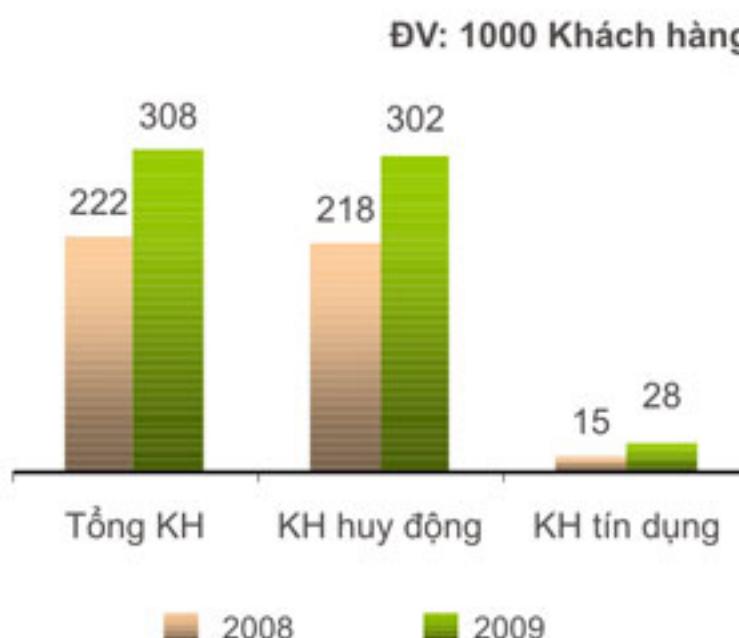
Mạng Lưới Hoạt Động

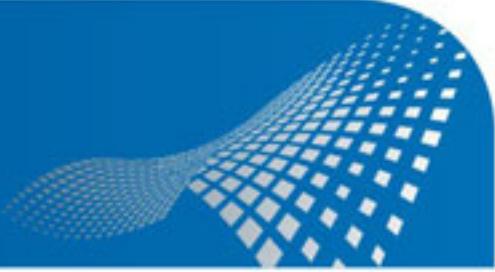
### Phát triển nền tảng khách hàng

Eximbank luôn ý thức rằng có được những thành quả như hôm nay là nhờ vào sự tin tưởng và nhiệt tình ủng hộ của đông đảo khách hàng. Chính vì vậy, sự hài lòng của khách hàng luôn luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động của Eximbank và là nguồn động lực để Eximbank không ngừng sáng tạo, tự hoàn thiện và nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ cũng như cung cách phục vụ khách hàng. Lấy phương châm "Đứng sau thành công của khách hàng" làm kim chỉ nam trong hoạt động của mình, Eximbank luôn xem thành công của khách hàng cũng chính là thành công của ngân hàng.

Chính vì thế, mặc dù trong một môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay, việc duy trì và phát triển nền tảng khách hàng không hề đơn giản, nhưng trong năm 2009 vừa qua đã có gần 86

ngàn khách hàng) mới đến giao dịch tại Eximbank, nâng tổng số khách hàng đang có quan hệ giao dịch với Eximbank lên 308.000 khách hàng, tăng 39% so với năm 2008. Trong đó, khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng 94%, khách hàng doanh nghiệp chiếm tỷ trọng 6%.





## Quản lý rủi ro

Công tác quản trị rủi ro của Eximbank dựa trên nguyên tắc cẩn trọng, đảm bảo hài hòa mục tiêu lợi nhuận và an toàn đối với hoạt động kinh doanh. Theo đó, Eximbank đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc quản lý rủi ro, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Eximbank được an toàn. Công tác kiểm tra, giám sát đã được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục bao trùm tất cả các giai đoạn của quá trình kinh doanh nhằm giảm thiểu rủi ro xảy ra. Ngoài ra, công tác dự báo và xây dựng các phương án dự phòng cũng đã được thiết lập để Eximbank chủ động trong việc đối phó với những rủi ro có khả năng phát sinh, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh của Eximbank.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Với sự tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật của đối tác chiến lược SMBC, tháng 12/2009 Eximbank đã thành lập phòng Quản lý rủi ro tín dụng nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng tín dụng và tập trung hóa nguồn lực chuyên trách thực hiện các mục tiêu của công tác quản lý rủi ro tín dụng như xây dựng và duy trì chính sách tín dụng, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, danh mục đầu tư tín dụng.

Trong năm 2009, chất lượng tín dụng của Eximbank được cải thiện đáng kể so với năm 2008. Cụ thể, nợ xấu chiếm tỷ lệ 1,82% tổng dư nợ. Mặc dù vậy, trong năm 2010, Eximbank sẽ tiếp tục nỗ lực hạ thấp tỷ lệ này hơn nữa bằng cách tăng cường giám sát chặt chẽ hoạt động tín dụng, nâng cao chất lượng tín dụng thông qua công tác phân tích, đánh giá, cảnh báo mang tính thường xuyên

kịp thời và tích cực thu hồi các khoản nợ xấu.

Ngoài ra, trong năm 2010, Eximbank tiếp tục hoàn thiện chính sách, quy trình quản lý rủi ro tín dụng và xây dựng các công cụ quản lý rủi ro tín dụng như: tiến hành áp dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; đánh giá rủi ro tín dụng và xếp hạng tín dụng; chuẩn hóa các biểu mẫu tín dụng; quản lý rủi ro và xác định danh mục đầu tư tín dụng; thiết lập hệ thống xử lý nợ xấu một cách có hiệu quả.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Quản lý rủi ro (tiếp theo)

### Quản lý rủi ro thị trường

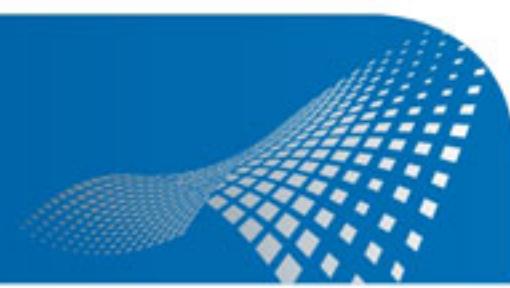
Rủi ro thị trường là rủi ro có thể dẫn đến nguồn thu nhập của Eximbank sụt giảm do sự thay đổi theo hướng bất lợi của các yếu tố thị trường như yếu tố tỷ giá, lãi suất... Nhờ ý thức tầm quan trọng của việc quản lý rủi ro thị trường, Eximbank đã hạn chế tối đa rủi ro do yếu tố thị trường gây ra.

#### Quản lý rủi ro lãi suất:

Eximbank thực hiện quản lý rủi ro lãi suất thông qua hệ thống phân tích, đo lường, đánh giá và báo cáo nhằm phát hiện và xử lý kịp thời nhằm hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất mà ngân hàng có thể chấp nhận được, bao gồm: Phân tích, theo dõi diễn biến lãi suất thị trường hàng ngày và thực hiện so sánh mức lãi suất của Eximbank với các ngân hàng khác; dự báo về xu hướng biến động của lãi suất, phân tích Gap lãi suất và mô phỏng các khả năng tác động đến lợi nhuận do biến động lãi suất và báo cáo chênh lệch lãi suất bình quân đầu vào đầu ra nhằm đảm bảo mức an toàn lãi suất kỳ vọng.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá:

Eximbank thực hiện quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xây dựng một hệ thống hạn mức giao dịch ngoại tệ được quy định cụ thể theo từng thời kỳ, từng loại giao dịch. Ngoài ra, Eximbank cũng tiến hành thực hiện phân tích, theo dõi biến động tỷ giá trên thị trường, theo dõi trạng thái hàng ngày, hàng quý và báo cáo những rủi ro tỷ giá ảnh hưởng giảm lợi nhuận của Eximbank. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá bằng các nghiệp vụ phái sinh cũng được Eximbank sử dụng hiệu quả như các giao dịch quyền chọn, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ngoại tệ để phòng ngừa rủi ro cho

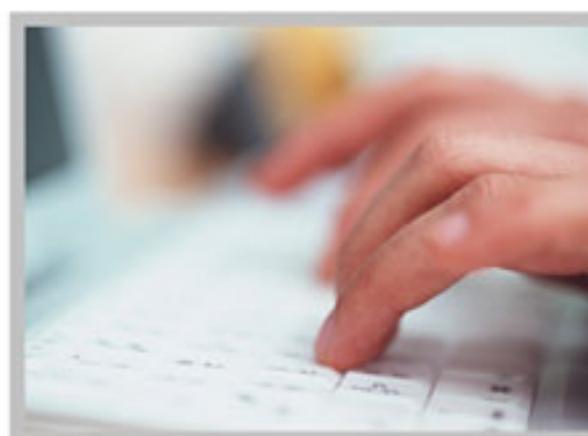


### **Quản lý rủi ro thanh khoản:**

Việc quản lý rủi ro thanh khoản đã được thực hiện tốt thông qua việc tuân thủ các hạn mức thanh khoản theo quy định; theo dõi, đánh giá, giám sát và báo cáo trạng thái thanh khoản, tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn, khả năng chi trả và hệ số an toàn vốn; báo cáo rủi ro thanh khoản thông qua bảng phân tích tài sản và công nợ theo thời gian đáo hạn thực tế, báo cáo tuân thủ hạn mức thanh khoản, phân tích đánh giá các tỷ lệ đảm bảo an toàn thanh khoản. Ngoài ra, Eximbank cũng đã thiết lập hệ thống cảnh báo sớm lối với tình trạng

thiếu hụt tạm thời và các biện pháp xử lý kịp thời; và xây dựng các phương án dự phòng và biện pháp đối phó trong trường hợp khủng hoảng thanh khoản.

Với sự quản lý chặt chẽ dòng tiền ra, vào của cả hệ thống trên cơ sở quản lý nguồn vốn tập trung đã giúp cho Eximbank không chỉ quản lý tốt về thanh khoản mà còn tăng hiệu quả sử dụng vốn, tối ưu hóa lợi nhuận cho ngân hàng.



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

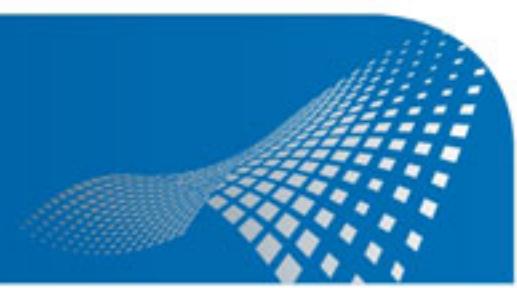
## Hệ thống Công nghệ thông tin

Hệ thống Công nghệ thông tin đã có những bước phát triển đáng kể.

Hệ thống ngân hàng lõi đáp ứng các tiêu chuẩn của một ngân hàng hiện đại, xử lý tự động và quản lý tập trung đã giúp cho Eximbank ngày một nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ, và tạo điều kiện cho Eximbank phát triển thêm nhiều sản phẩm dịch vụ của một ngân hàng hiện đại. Lợi thế có được từ hệ thống này còn được phát huy hơn nữa khi Eximbank triển khai mở thêm nhiều điểm giao dịch trong năm 2009.

Với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm - dịch vụ, đặc biệt về lĩnh vực Thẻ, đồng thời đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, Eximbank đã và đang tiếp tục nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng.





## Hoạt động đào tạo

Eximbank luôn ý thức được rằng đào tạo nhân viên là một trong những nhiệm vụ then chốt và quyết định đến sự phát triển của Eximbank hiện tại và trong tương lai. Chỉ có nguồn nhân lực có chất lượng cao, nghiệp vụ vững mới nâng cao được sức cạnh tranh, thu hút khách hàng và hòa nhập với quốc tế.

Để đẩy mạnh hoạt động, Eximbank đã ra quyết định số 449/2008/EIB/QĐ-HĐQT ngày 01/12/2008 về việc Thành lập Trung tâm đào tạo Eximbank. Trung tâm đào tạo này được thành lập dựa trên nền tảng là Ban Đào tạo Eximbank trước đây.

Hoạt động đào tạo cán bộ nhân viên nhằm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề, nâng cao kiến thức – kỹ năng làm việc, nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng quản trị điều hành, cập nhật kiến thức mới,... hướng đến mục tiêu là phục vụ khách hàng tốt nhất, mang lại lợi nhuận cao cho ngân hàng..

Năm 2009, Trung tâm đào tạo đã tiến hành củng cố bộ máy hoạt động, xây dựng cơ sở pháp lý và xây dựng đội ngũ giảng viên của Trung tâm đào tạo. Năm 2009, Trung tâm đào tạo đã tổ chức được 25 lớp đào tạo về các nghiệp vụ - kỹ năng quản trị điều hành.



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Hợp tác với đối tác chiến lược

Đối tác chiến lược là Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) đã có các hỗ trợ cho Eximbank về các mặt hoạt động ngân hàng bán lẻ, ngân hàng doanh nghiệp và quản trị công ty như sau:

### Về Ngân Hàng Bán Lẻ:

#### **Chiến lược ngân hàng bán lẻ:**

Nhằm hỗ trợ Eximbank phát triển ngân hàng bán lẻ, các cán bộ cấp cao của SMBC đã đến Eximbank để trình bày và thảo luận về việc xây dựng chiến lược ngân hàng bán lẻ của Eximbank. Các chuyên gia SMBC tiếp tục phối hợp với Eximbank để hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ trong thời gian tới.

#### **Hoạt động kinh doanh thẻ**

SMBC đã hỗ trợ giới thiệu Eximbank gia nhập liên minh thẻ quốc tế GlobePass. Eximbank là ngân hàng

đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam là thành viên liên minh thẻ quốc tế GlobePass và đã chính thức triển khai chương trình chiết khấu ưu đãi giảm giá lẫn nhau giữa các đơn vị chấp nhận thẻ (MMDP).

#### **Gia tăng nền tảng khách hàng cá nhân**

SMBC luôn nỗ lực không ngừng để tiếp cận các khách hàng cá nhân tiềm năng để giới thiệu các khách hàng này sử dụng dịch vụ của Eximbank. SMBC đã giới thiệu thành công nhiều tài khoản cá nhân, gồm cả các tài khoản mới người nước ngoài mở tại Eximbank.

### Về Ngân Hàng Doanh Nghiệp:

#### **Dịch vụ thu hộ tiền mặt:**

SMBC hỗ trợ Eximbank triển khai thành công dịch vụ thu hộ tiền cho các doanh nghiệp Nhật Bản, đặc biệt là thu hộ tiền đối với các đại lý của các công ty Nhật, thông qua hệ thống mạng lưới của Eximbank.

#### **Dịch vụ chi lương:**

SMBC hợp tác với Eximbank triển khai chương trình chi lương cho cán bộ công nhân viên của các doanh nghiệp Nhật tại Việt Nam.

#### **Hợp tác cho vay mua xe với các doanh nghiệp sản xuất ô tô Nhật:**

SMBC đã giới thiệu các công ty Nhật hợp tác với Eximbank trong lĩnh vực tài trợ cho vay mua xe ôtô, phương tiện vận tải và nông ngư cơ. Eximbank hiện đang thảo luận với các đối tác để hoàn thiện mô hình hợp tác cho vay này.

## Hợp tác với đối tác chiến lược (tiếp theo)

### Về Quản Trị Công Tụ:

#### Hoạt động tái cấu trúc, xây dựng chiến lược, tổ chức, nhân sự:

SMBC hỗ trợ tư vấn tái cấu trúc ngân hàng, dự thảo chức năng, nhiệm vụ, tư vấn thành lập một số phòng chức năng. Ngoài ra, SMBC đã tư vấn dự thảo, triển khai thí điểm Quy trình Quản trị theo mục tiêu & đánh giá năng lực công tác (MBO-PMP) áp dụng trong toàn hệ thống.

#### Công nghệ thông tin:

SMBC đã hỗ trợ tìm công ty tư vấn CNTT có năng lực từ Mỹ để tư vấn, kiểm toán toàn diện hệ thống CNTT Eximbank.

#### Tập huấn tại nước ngoài, tư vấn đào tạo:

SMBC đã hỗ trợ nhiều về đào tạo, tập huấn cho Eximbank nhằm tăng cường chất lượng tác nghiệp, dịch vụ khách hàng. Trong năm 2009, SMBC đã tiếp nhận nhiều học viên là các lãnh đạo Khối, phòng tham dự các lớp tập huấn, chủ yếu tại Singapore về Hoạch định chiến lược, Kiểm soát chất lượng, Tác nghiệp back-office, Quản trị dự án, Tác động con người & Quyền uy, và Kỹ năng giao tiếp. Ngoài ra, SMBC đã xây dựng bộ tài liệu đào tạo tín dụng dành cho các cán bộ tín dụng tân tuyển; cung cấp tài liệu, thuyết trình các chương trình đào tạo giám đốc chi nhánh, các chuyên đề ngân hàng bán lẻ, ngân hàng doanh nghiệp. SMBC cũng đã góp ý dự thảo Chiến lược đào tạo Eximbank đến năm 2015 và tầm nhìn 2020 về đào tạo của ngân hàng. Ngoài ra, việc chuyển giao "Hướng dẫn

phong cách giao tiếp SMBC" đã hỗ trợ Eximbank sử dụng như một phần của chuẩn mực đạo đức và sổ tay hướng dẫn giao tiếp thân thiện với khách hàng.

#### Quản trị rủi ro:

SMBC đã cử các chuyên gia của mình sang tư vấn quản trị rủi ro cho Eximbank qua các đợt công tác và họp qua điện thoại.

#### \* Quản trị rủi ro thị trường:

SMBC đã tư vấn và hướng dẫn trực tiếp việc xây dựng các công cụ đánh giá và quản lý rủi ro thị trường, thanh khoản ...chia sẻ kinh nghiệm để thiết lập hệ thống điều chuyển vốn nội bộ.

#### \* Quản trị rủi ro tín dụng:

SMBC đã hỗ trợ Eximbank trong quá trình thành lập Phòng Quản lý rủi ro tín dụng thông qua những ý kiến tư vấn trực tiếp, các buổi thuyết trình. Ngoài ra, việc chuyển giao chính sách tín dụng cơ bản cùng với những tư vấn của SMBC đã hỗ trợ Eximbank xây dựng một chính sách tín dụng phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của Việt Nam.

#### \* Quản trị rủi ro tác nghiệp:

SMBC đã có nhiều đề xuất trong việc kiểm soát chất lượng từ những hoạt động giao dịch hàng ngày với các khách hàng nước ngoài đối với những phòng ban có liên quan.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Những tiến bộ đã đạt được

### Về cơ cấu tổ chức và quản lý:

Sau thành công bước đầu về tái cấu trúc, Eximbank đã nhanh chóng hoàn thiện dần mô hình tổ chức theo hướng nâng cao vai trò quản trị của Hội sở thông qua việc các Khối chức năng tăng cường giám sát, quản lý tập trung các lĩnh vực kinh doanh, sát cánh hỗ trợ hướng dẫn triển khai nghiệp vụ nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc một cách nhanh và hiệu quả nhất, đồng thời đảm bảo tính năng động, linh hoạt trong vai trò thực hiện chức năng kinh doanh của các đơn vị bán hàng.

### Về công tác quản lý rủi ro:

Với phương châm phát triển an toàn và bền vững, Eximbank đang từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý rủi ro thông qua công tác tổ chức lại thành phần và nội dung hoạt động của bộ phận quản lý rủi ro. Mục tiêu là phân định nghĩa vụ và trách nhiệm một cách rõ ràng của các bộ phận. Trong năm 2009, Eximbank đã thành lập Phòng Quản lý rủi ro tín dụng nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng tín dụng và tập trung hóa nguồn lực chuyên trách thực hiện các mục tiêu của công tác quản lý rủi ro tín dụng, xây dựng và duy trì chính sách tín dụng, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, danh mục đầu tư tín dụng. Đồng thời thành lập Tổ giám sát hoạt động kinh doanh vàng.

### Về công tác nhân sự và mở rộng mạng lưới:

Trong năm 2009, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong vấn đề mở rộng mạng lưới, nhưng Eximbank vẫn duy trì phát triển mạng lưới để mở rộng quy mô hoạt động và tạo cơ hội gia tăng thị phần.

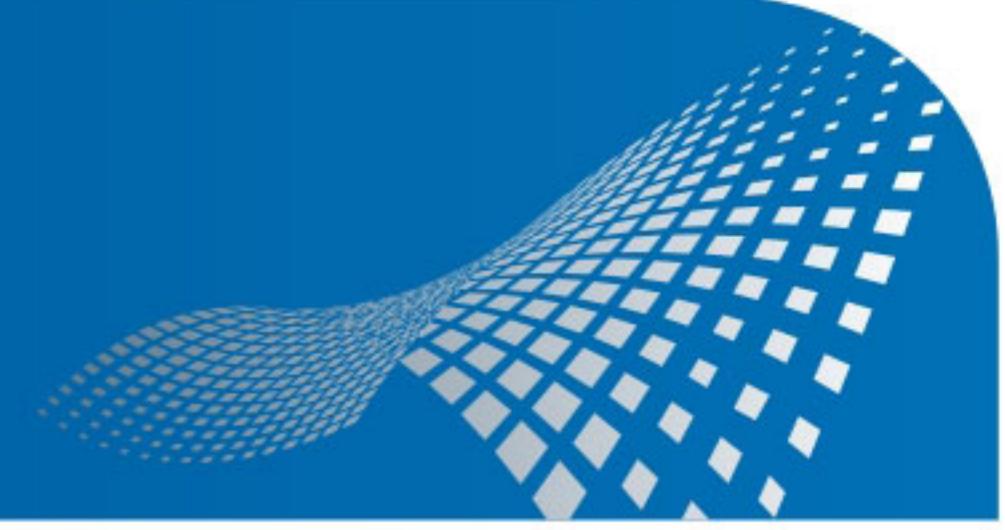
Nâng cấp phòng giao dịch lên thành chi nhánh là bước đi thận trọng trong công tác phát triển mạng lưới, và góp phần đảm bảo chất lượng hoạt động cho

các đơn vị kinh doanh mới thành lập. Hiện nay, mạng lưới của Eximbank đã phủ đến 17 tỉnh/thành phố trong cả nước với 140 Sở giao dịch, chi nhánh và phòng giao dịch.

Song song với công tác phát triển mạng lưới, công tác tuyển dụng và duy trì nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu mở rộng quy mô nghiệp vụ tại Hội sở cũng như nhu cầu mở rộng địa bàn hoạt động của Eximbank là một trong những công tác cực kỳ quan trọng. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả hoạt động, công tác này đã được triển khai trên tinh thần tinh gọn biên chế nhưng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện tốt chính sách luân chuyển cán bộ nhằm tận dụng nguồn nhân lực có thâm niên công tác tại Hội sở trở thành bộ khung cán bộ quản lý của các đơn vị kinh doanh mới thành lập, góp phần tạo ra một đội ngũ nhân sự năng động và vững chuyên môn nghiệp vụ cho Eximbank.

### Về phát triển sản phẩm và dịch vụ nhằm gia tăng thị phần:

Từ các giải pháp được hoạch định ngay từ những tháng đầu năm 2009 nhằm hoàn thành định hướng kế hoạch kinh doanh của năm, các giải pháp tập trung công tác huy động vốn, tăng hiệu quả tín dụng thông qua cho vay trung, dài hạn, cho vay đồng tài trợ, tập trung tín dụng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ, gia tăng tiện ích cho khách hàng giao dịch thông qua những sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao... được Eximbank đặt trọng tâm hàng đầu. Kết quả của việc triển khai đã mang lại thành công cho Eximbank trong việc gia tăng thị phần về huy động vốn từ 2% cuối năm 2008 lên gần 3% vào cuối năm 2009 và thị phần cho vay chiếm hơn 2% toàn ngành.



## Các mục tiêu chủ yếu năm 2010

### Kế hoạch về nguồn vốn - Sử dụng vốn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Tăng/giảm so với năm 2009
Vốn điều lệ	10.560	20%
Tổng tài sản	88.000	34%
Huy động vốn	67.000	43%
Dư nợ tín dụng	58.000	50%
Đầu tư tài chính	13.520	43%
Lợi nhuận trước thuế	2.200	44%

### Kế hoạch phát triển dịch vụ

- + Doanh số thanh toán quốc tế: 7,2 tỷ USD, tăng 84% so với năm 2009.
- + Doanh số mua ngoại tệ/VNĐ từ khách hàng: 5 tỷ USD, tăng 116% so với năm 2009.
- + Doanh số mua bán vàng: 10 triệu lượng.
- + Số lượng thẻ phát hành: 400.000 thẻ, tăng 39% so với năm 2009.

### Kế hoạch lợi nhuận

- + Lợi nhuận trước thuế 2.200 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2009
- + ROA : 2,15%
- + ROE : 11,65%
- + Cổ tức là 12,6%.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## NỘI DUNG

Thông tin về Ngân hàng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo của kiểm toán viên

Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B02/TCTD)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B03/TCTD)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B04/TCTD)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B05/TCTD)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

### Giấy phép hoạt động

Số 0011/NH-GP ngày 6 tháng 4 năm 1992.

Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày của giấy phép đầu tiên.

### Hội đồng Quản trị:

Dưới đây là danh sách các thành viên của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2005 – 2010 đã được Đại hội cổ đông bầu ra và được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo Quyết định số 1772/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 12 năm 2005; một thành viên bổ sung đã được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua và được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo Quyết định số 3086/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2007; và một thành viên bổ sung khác đã được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua và được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo Quyết định số 62/QĐ-NHNN ngày 13

<b>Ông Nguyễn Thành Long</b>	Chủ tịch
<b>Ông Nguyễn Văn Trữ</b>	Phó Chủ tịch
<b>Bà Lê Thị Hoa</b>	Phó Chủ tịch
<b>Ông Phạm Hữu Phú</b>	Phó Chủ tịch
<b>Ông Võ Tấn Phong</b>	Thành viên
<b>Ông Hà Thanh Hùng</b>	Thành viên
<b>Ông Hoàng Tuấn Khải</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Bốn</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Hữu Thọ</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Quang Thông</b>	Thành viên
<b>Ông Naoki Nishizawa</b>	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13/01/2009)

### Ban kiểm soát:

Dưới đây là danh sách các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2005 – 2010 đã được Đại hội cổ đông bầu ra và được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo Quyết định số 1772/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 12 năm 2005 và một thành viên bổ sung đã được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua và được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo Quyết định số 2483/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 10 năm 2007.

<b>Ông Trịnh Công Lý</b>	Trưởng Ban kiểm soát
<b>Ông Đặng Hữu Tiến</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Bình Quý</b>	Thành viên

## **Ban Tổng Giám đốc:**

Dưới đây là các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm có

<b>Ông Trương Văn Phước</b>	Tổng Giám đốc
<b>Ông Trần Tấn Lộc</b>	Phó Tổng Giám đốc thường trực
<b>Ông Nguyễn Gia Định</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Trần Minh Khởi</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Tô Nghị</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Bà Nguyễn Thị Phụng</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Đào Hồng Châu</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Nguyễn Quốc Hương</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Bà Đinh Thị Thu Thảo</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ông Kenji Kuroki</b>	Phó Tổng Giám đốc

## **HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Các hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Ngân hàng") là huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư; nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; cho vay ngắn, trung và dài hạn; chiết khấu thương phiếu, công trái và các giấy tờ có giá; đầu tư vào các tổ chức kinh tế; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc; thanh toán quốc tế, đầu tư chứng khoán; cung cấp các dịch vụ về đầu tư, các dịch vụ về quản lý nợ và khai thác tài sản, cung cấp các dịch vụ ngân hàng khác.

Trụ sở chính Số 7 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm toán viên Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ở ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi việc nhận định không thích hợp để cho là Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 cho các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm việc tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

## Phê chuẩn các báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 59 đến trang 105. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc vào thời điểm đó, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trương Văn Phước  
Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2010



PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.  
4th Floor, Saigon Tower  
29 Le Duan Street, District 1  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Telephone: (84-8) 3823 0796  
Facsimile: (84-8) 3825 1947

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam ("Ngân hàng") được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2010. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 59 đến trang 105.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, kể cả đánh giá rủi ro các báo cáo tài chính bị sai sót trọng yếu do gian trá hoặc bị lỗi. Trong việc đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc Ngân hàng soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp,

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đã đủ và thích hợp để làm cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall  
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Nam  
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP.Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM2463  
Ngày 29 tháng 3 năm 2010

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

## Bảng cân đối kế toán

		Ghi chú	Tại ngày 31 tháng 12	
			2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
<b>A TÀI SẢN</b>				
I	Tiền mặt và kim loại quý	3	6.838.617	4.455.588
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	2.115.265	3.438.735
III	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	6.976.109	9.491.316
IV	Chứng khoán kinh doanh			
1	Chứng khoán kinh doanh	6	108.697	-
2	Trừ: dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(9.873)	-
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	4.122	53.236
VI	Cho vay khách hàng			
1	Cho vay khách hàng	8	38.381.855	21.232.198
2	Trừ: Dự phòng rủi ro tín dụng	9	(378.769)	(376.291)
VII	Chứng khoán đầu tư			
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	332.515	1.267.081
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2	8.165.783	6.367.582
3	Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	10.1	(96.907)	(116.296)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty liên kết	11	145.350	145.350
2	Đầu tư dài hạn khác	12	679.335	715.237
3	Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11,12	(58.217)	(95.436)
IX	Tài sản cố định			
1	Tài sản cố định hữu hình	13	430.282	317.529
2	Tài sản cố định vô hình	14	507.276	398.628
X	Tài sản khác	15	1.306.916	953.364
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>65.448.356</b>	<b>48.247.821</b>

Các thuyết minh từ trang 64đến trang 104 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B02/TCTD

## Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	Ghi chú	Tại ngày 31 tháng 12	
		2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
<b>B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	16	1.611.075
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	2.527.654
III	Tiền gửi của khách hàng	18	38.766.465
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay các tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	6.376
V	Chứng chỉ tiền gửi	20	8.223.028
VI	Các khoản nợ khác	21	960.439
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>52.095.037</b>	<b>35.403.744</b>
<b>VII VỐN VÀ CÁC QUỸ</b>			
<b>Vốn và các quỹ của chủ sở hữu Ngân hàng</b>			
1	Vốn của Ngân hàng	22	12.526.947
2	Các quỹ dự trữ	23	377.856
3	Lợi nhuận chưa phân phối	23	448.516
<b>TỔNG VỐN VÀ CÁC QUỸ</b>		<b>13.353.319</b>	<b>12.844.077</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>65.448.356</b>	<b>48.247.821</b>
<b>CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG</b>		<b>40</b>	<b>10.963.825</b>
			<b>4.752.219</b>

Đinh Nho Huân  
Lập bảng

Nguyễn Hồ Hoàng Vũ  
Kế toán trưởng

Trương Văn Phước  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2010



## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12

	Ghi chú	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	4.344.177
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(2.368.869)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>1.975.308</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	27	267.762
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	28	(56.581)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>		<b>211.181</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng</b>	29	<b>135.409</b>
<b>IV</b>	<b>Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	30	<b>(39.834)</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần/(lỗ) từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	31	<b>185.919</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác		30.810
6	Chi phí hoạt động khác		(335)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>		<b>30.475</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập/(lỗ) từ góp vốn, mua cổ phần</b>	32	<b>78.277</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	33	<b>(907.096)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>1.669.639</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	34	<b>(136.888)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>1.532.751</b>
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	(400.288)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	-
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>		<b>(400.288)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>1.132.463</b>
<b>XIV</b>	<b>Lãi trên cổ phiếu qui cho các cổ đông của Ngân hàng</b>		<b>Đồng/Cổ phiếu</b>
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (được tính trên số lượng cổ phiếu phổ thông hiện hành)	24	1.287
			1.052

Đinh Nho Huân  
Lập bảngNguyễn Hồ Hoàng Vũ  
Kế toán trưởngTrương Văn Phước  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 64 đến trang 104 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B04/TCTD

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo phương pháp trực tiếp)

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12	2009	2008
		Triệu đồng	Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.333.410	4.053.494
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.472.090)	(2.692.864)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	210.880	109.487
4	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	263.483	572.697
5	Thu nhập khác	7.424	1.049
6	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	22.848	29.981
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(822.730)	(565.167)
8	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(251.428)	(365.851)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG</b>		<b>1.291.797</b>	<b>1.142.826</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
9	(Tăng/(giảm) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(886.471)	1.755.000
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(876.789)	(1.541.968)
11	(Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản chính khác	49.114	(53.236)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(17.149.657)	(2.780.047)
13	Giảm nguồn dự trữ để bù đắp tổn thất các khoản	(135.629)	-
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(319.616)	(43.760)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
15	(Tăng/(giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.584.121	(1.105)
16	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	962.546	351.084
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	7.888.734	7.971.607
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	6.769.829	1.444.755
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(6.794)	(12.087)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(3.393)
21	Giảm khác về công nợ hoạt động	(531.318)	(1.950.360)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(41.084)	(6.927)
I	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>(1.401.217)</b>	<b>6.272.389</b>

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)(tiếp theo)

		Năm kết thúc ngày 31 tháng 12	2009	2008
			Triệu đồng	Triệu đồng
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1	Mua sắm tài sản cố định		(357.645)	(327.962)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		282	399
3	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(60.043)	(150.106)
4	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		12.908	-
5	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		37.035	42.386
II	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>(367.463)</b>	<b>(435.283)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		-	6.350.383
2	Cổ tức trả cho cổ đông		(573.439)	(469.121)
III	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>(573.439)</b>	<b>5.881.262</b>
IV	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>(2.342.119)</b>	<b>11.718.368</b>
V	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>		<b>17.385.639</b>	<b>5.667.271</b>
VI	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM</b>		<b>15.043.520</b>	<b>17.385.639</b>
	Tiền và các khoản tương đương tiền gồm có:			
	Tiền mặt và kim loại quý		6.838.617	4.455.588
	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước		2.115.265	3.438.735
	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn trong vòng 3 tháng		6.089.638	9.491.316
			<b>15.043.520</b>	<b>17.385.639</b>

Đinh Nho Huân  
Lập bảng

Nguyễn Hồ Hoàng Vũ  
Kế toán trưởng

Trương Văn Phước  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2010



Các thuyết minh từ trang 64 đến trang 104 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp giấy phép hoạt động số 0011/NH-GP ngày 6 tháng 4 năm 1992. Giấy phép hoạt động được cấp cho thời hạn hoạt động là 50 năm với vốn điều lệ ban đầu là 50.000 triệu đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 8.800.080 triệu đồng.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 7 đường Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng có 1 Hội sở, 1 Sở Giao dịch, 37 chi nhánh và 102 phòng giao dịch trên cả nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng có các công ty liên kết như sau:

	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỉ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp bởi Ngân hàng (%)	Tỉ lệ phần vốn sở hữu của các thành viên HĐQT và Ban TGĐ Ngân hàng(%)	Tổng tỉ lệ phần vốn sở hữu (%)
Cty Chứng khoán Rồng Việt	4103008092	Hoạt động chứng khoán	18,09%	1,97%	20,06%
Cty Bất động sản Eximland	4103005723	Hoạt động kinh doanh bất động sản	11,00%	12,20%	23,20%
Cty cổ phần dịch vụ kinh doanh vàng Xuất Nhập Khẩu Kim Việt	4103007705	Hoạt động kinh doanh vàng	11,00%	13,33%	24,33%

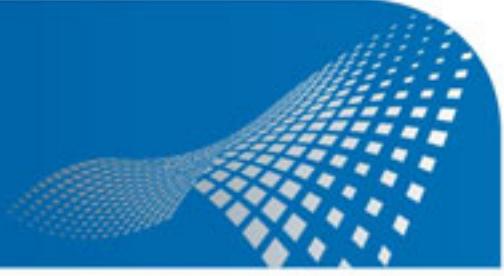
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng có 3.780 nhân viên (bao gồm 67 nhân viên học việc) (2008: 3.104 nhân viên).

### 2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Dưới đây là các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng để lập các báo cáo tài chính.

#### 2.1. Cơ sở của việc soạn thảo các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được soạn lập theo quy ước giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với thông lệ tại các nước và các thể chế khác.



## 2.TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### 2.2. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.3. Ngoại tệ

Báo cáo tài chính được lập ghi nhận bằng đồng Việt Nam và sử dụng đơn vị triệu đồng Việt Nam để trình bày báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và công nợ bằng tiền gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối ngày được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày đó. Chênh lệch do đánh giá lại hàng ngày được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ trong bảng cân đối kế toán. Số dư chênh lệch do đánh giá lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối năm.

### 2.4. Thu nhập lãi và chi phí lãi

Ngân hàng ghi nhận thu nhập lãi và chi phí lãi theo phương pháp trích trước. Lãi của các khoản cho vay không thuộc nợ nhóm 1 không được ghi dự thu mà được ghi nhận trên cơ sở thực thu. Khi một khoản cho vay không thuộc nợ nhóm 1 thì số lãi trích trước được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng.

### 2.5. Thu nhập phí và hoa hồng

Phí và hoa hồng bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp trích trước. Phí hoa hồng nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thực hiện.

### 2.6. Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn dưới 1 năm; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN được áp dụng phi hồi tố vì các Quyết định này được hiểu là các hướng dẫn nhằm giúp Ngân hàng ước tính tốt hơn về rủi ro tín dụng của mình.

Các khoản cho vay khách hàng được phân thành năm nhóm nợ căn cứ vào tình hình trả nợ và các yếu tố định tính như sau:

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn

- Các khoản nợ trong hạn và Ngân hàng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn;

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 2.6. Các khoản cho vay khách hàng (tiếp theo)

- Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và Ngân hàng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại.

### Nhóm 2: Nợ cần chú ý

- Các khoản nợ quá hạn từ 10 đến 90 ngày;
- Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu mà Ngân hàng đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng kỳ hạn được điều chỉnh lần đầu.

### Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

- Các khoản nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày;
- Các khoản nợ được cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu được phân loại vào nhóm 2;
- Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.

### Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

- Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.

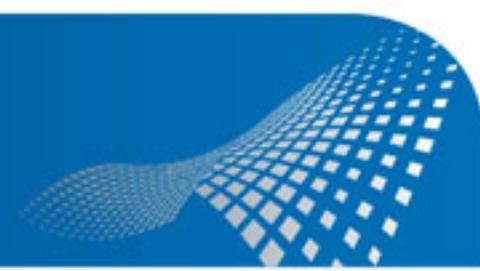
### Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

- Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu mà quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả đã được cơ cấu lại lần đầu;
- Các khoản nợ cơ cấu lại lần hai mà quá hạn tính theo thời hạn trả đã được cơ cấu lại lần hai;
- Các khoản nợ cơ cấu lại lần ba trở lên;
- Nợ khoanh và các khoản nợ chờ xử lý.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Ngân hàng chủ động tự quyết định phân loại các khoản nợ đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Khi có những diễn biến bất lợi từ tác động tiêu cực đến môi trường kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh;
- Các chỉ tiêu tài chính của khách hàng hoặc khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm;
- Khách hàng không cung cấp cho Ngân hàng các thông tin tài chính kịp thời, đầy đủ và chính xác để Ngân hàng đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.



## Dự phòng rủi ro tín dụng

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

### Tỷ lệ dự phòng

Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày 30 tháng 11 hàng năm trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo. Giá trị của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức tối thiểu bằng 0,75% tổng số dư của các khoản cho vay khách hàng tại ngày 30 tháng 11 hàng năm không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Mức dự phòng chung này được yêu cầu phải đạt được trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

## 2.7. Các khoản cam kết tín dụng

Cam kết tín dụng được phân thành 5 nhóm căn cứ vào các yếu tố định lượng và định tính như sau:

### Nhóm 1: Cam kết đủ tiêu chuẩn

- Các cam kết còn trong hạn mà Ngân hàng đánh giá là khách hàng có khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết khi đến hạn.

### Nhóm 2: Cam kết cần chú ý

- Các cam kết còn trong hạn mà Ngân hàng đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ cam kết khi đến hạn.

### Nhóm 3: Cam kết dưới tiêu chuẩn

- Các cam kết còn trong hạn mà Ngân hàng đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ cam kết khi đến hạn;

- Các cam kết quá hạn dưới 30 ngày.

### Nhóm 4: Cam kết nghi ngờ

- Các cam kết còn trong hạn mà Ngân hàng đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ cam kết khi đến hạn;

- Các cam kết và nợ tiềm tàng đã quá hạn từ 30 ngày đến 90 ngày.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SÓ B05/TCTD

## 2.7. Các khoản cam kết tín dụng (tiếp theo)

Nhóm 5: Cam kết có khả năng mất vốn

- Các cam kết còn trong hạn mà Ngân hàng đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ cam kết khi đến hạn;
- Các cam kết quá hạn hơn 90 ngày.

Dự phòng rủi ro cam kết tín dụng

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ áp dụng cho từng nhóm cam kết tín dụng như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Nhóm 1 – Cam kết đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Cam kết cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Cam kết dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Cam kết nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Cam kết có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo giá trị các khoản cam kết tín dụng từng khách hàng tại ngày 30 tháng 11 hàng năm trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo. Giá trị của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức tối thiểu bằng 0,75% tổng số dư của các khoản bảo lãnh, cam kết cho vay và chấp nhận thanh toán tại ngày 30 tháng 11 hàng năm không bao gồm các khoản bảo lãnh và cam kết được phân loại vào nhóm cam kết có khả năng mất vốn. Mức dự phòng chung này được yêu cầu phải đạt được trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

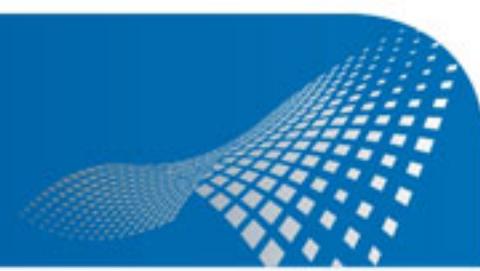
## 2.8. Đầu tư

### (I) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn hoặc nếu Ban Tổng Giám đốc quyết định như vậy.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh này.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo sổ thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



#### (ii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ổn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi hoặc lỗ từ chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán đã bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### (iii) Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Ngân hàng không thể thu hồi được các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Ngân hàng nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

#### (iv) Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác

Các công ty liên kết là các công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát, thông thường Ngân hàng nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các đơn vị không niêm yết.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo giá thực tế mua. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

Cổ tức được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi quyền của Ngân hàng nhận cổ tức được xác lập.

### 2.9. Tài sản cố định

#### Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SÓ B05/TCTD

## 2.9. Tài sản cố định (tiếp theo)

### Khấu hao

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

#### Tỷ lệ khấu hao hàng năm

Trụ sở làm việc	2%-4%
Thiết bị văn phòng	10%-20%
Phương tiện vận chuyển	10%-16%
Tài sản cố định khác	10%-20%
Phần mềm vi tính	10%-20%

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng không khấu hao vì quyền sử dụng đất này có tính chất lâu dài.

Lãi và lỗ do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

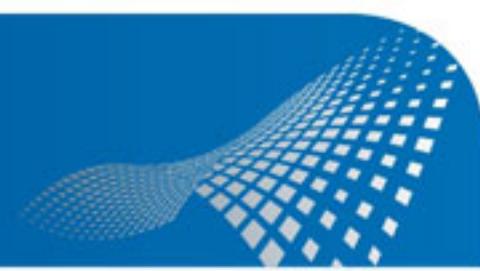
## 2.10. Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản cố định mà về thực chất Ngân hàng chịu toàn bộ rủi ro cùng với hưởng lợi ích từ quyền sở hữu tài sản thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi điểm việc thuê với số tiền hạch toán là số thấp hơn khi so sánh giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê với hiện giá của toàn bộ các khoản thanh toán tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được tách ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao căn cứ vào thời gian ngắn hơn khi so giữa thời hạn hữu dụng của tài sản với thời gian thuê tài chính.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.11. Vàng

Vàng được đánh giá lại vào cuối mỗi ngày. Chênh lệch do đánh giá lại hàng ngày được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch đánh giá lại và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối năm.



## **2.12. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, kim loại quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại các ngân hàng khác có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền.

## **2.13. Các công cụ tài chính phái sinh**

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo tỷ giá cuối mỗi kỳ. Lợi nhuận hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh được thực hiện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên bảng cân đối kế toán và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối năm.

## **2.14. Các khoản dự phòng khác**

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi: Ngân hàng có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

## **2.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, nhân viên của Ngân hàng được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Ngân hàng.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập căn cứ Thông tư số 07/2004/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2004 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 do Bộ tài chính ban hành. Theo đó, dự phòng trợ cấp thôi việc được tính bằng 3% trên tổng lương cơ bản của năm lập báo cáo tài chính.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 2.16. Thuế

MẪU SÓ B05/TCTD

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ vào thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chứng mục có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

## 2.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Ngân hàng, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

## 2.18. Chi trả cổ tức

Cổ tức chi trả cho các cổ đông của Ngân hàng được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính trong năm tài chính khi việc chia cổ tức của Ngân hàng được cổ đông của Ngân hàng chấp thuận.

## 2.19. Các quỹ

Theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, Ngân hàng phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế mỗi năm. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của NHNN Việt Nam.

- Quỹ dự phòng tài chính: trích 10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ cho đến khi quỹ này đạt tới 25% vốn điều lệ hiện có của tổ chức tín dụng.

Việc trích lập Quỹ phúc lợi và khen thưởng phải được Đại hội cổ đông thông qua.

### 3. TIỀN MẶT VÀ KIM LOẠI QUÝ

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt	1.071.625	647.259
Vàng	5.766.719	3.807.938
Chứng từ có giá	273	391
	<b>6.838.617</b>	<b>4.455.588</b>

### 4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ("NHNN VIỆT NAM")

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dự trữ bắt buộc	1.430.591	1.320.911
Tiền gửi thanh toán	684.674	2.117.824
	<b>2.115.265</b>	<b>3.438.735</b>

Dự trữ bắt buộc phải được gửi vào NHNN Việt Nam. Số dư tính trước cho 30 ngày được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần và được tính bằng 3% đối với đồng Việt Nam và 7% đối với ngoại tệ trên số dư trung bình tiền gửi của khách hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới một năm của tháng trước và 1% đối với đồng Việt Nam và 3% đối với ngoại tệ trên số dư trung bình tiền gửi của khách hàng có kỳ hạn từ một năm trở lên của tháng trước.

Tài khoản tại NHNN Việt Nam còn bao gồm tiền gửi để thanh toán bù trừ và thanh toán khác.

### 5. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		
	Bằng tiền đồng	Bằng ngoại tệ và vàng	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác</b>			
Tiền gửi thanh toán	68.635	1.142.203	<b>1.210.838</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	3.284.000	2.282.799	<b>5.566.799</b>
	<b>3.352.635</b>	<b>3.425.002</b>	<b>6.777.637</b>
<b>Cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>			
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	198.472	-	<b>198.472</b>
	<b>198.472</b>	-	<b>198.472</b>
	<b>3.551.107</b>	<b>3.425.002</b>	<b>6.976.109</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B05/TCTD

## 5 TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC (tiếp theo)

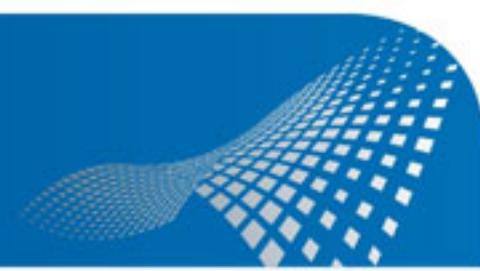
	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		
	Bằng tiền đồng	Bằng ngoại tệ và vàng	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác</b>			
Tiền gửi thanh toán	310.120	732.412	<b>1.042.532</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	6.260.000	2.188.784	<b>8.448.784</b>
	<b>6.570.120</b>	<b>2.921.196</b>	<b>9.491.316</b>

## 6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Chứng khoán vốn</b>		
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	85.635	-
Chứng khoán vốn do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	23.062	-
	<b>108.697</b>	-
Trừ: dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(9.873)	-
	<b>98.824</b>	-

### Phân loại theo đã niêm yết và chưa niêm yết:

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Chứng khoán vốn</b>		
Đã niêm yết	108.697	-
Trừ: dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(9.873)	-
	<b>98.824</b>	-



## 7 CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

			Ngày 31 tháng 12 năm 2009	
Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12)		Tài sản	Công nợ
	Triệu đồng	Triệu đồng		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	2.621.518	788		-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	2.062.703	3.334		-
	4.684.221	4.122		-

			Ngày 31 tháng 12 năm 2008	
Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12)		Tài sản	Công nợ
	Triệu đồng	Triệu đồng		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	2.344.288	101.164		-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.243.002	-		47.928
- Giao dịch quyền chọn tiền tệ	11.709	-		-
	3.598.999	101.164		47.928

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

Cho vay khách hàng được phân tích như sau:

### 8.1. Phân tích theo loại hình cho vay

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	38.036.907	21.036.005
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	344.943	192.037
Các khoản trả thay khách hàng	-	1.181
Nợ khoanh và nợ chờ xử lý	5	2.975
	38.381.855	21.232.198

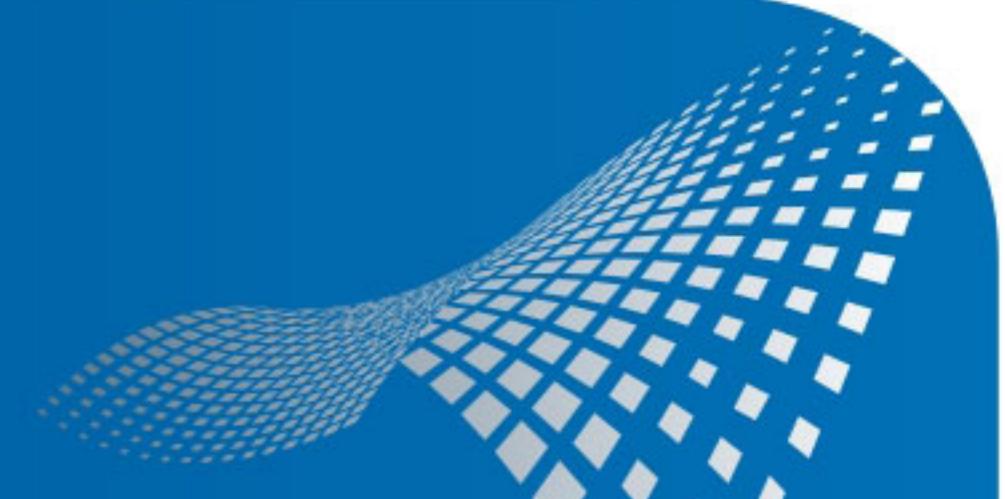
Theo Thông báo số 369/TB-VPCP ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2009 từ Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các ngân hàng ngừng hoạt động các sàn giao dịch vàng và tất toán các nghĩa vụ với khách hàng trước ngày 31 tháng 3 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số tiền Ngân hàng cho vay khách hàng cho hoạt động kinh doanh vàng tại Trung tâm giao dịch vàng là 240.930 triệu đồng.

### 8.2. Phân tích theo ngành nghề kinh doanh

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thương mại	10.548.217	5.740.712
Nông lâm nghiệp	212.259	2.343.571
Sản xuất và gia công chế biến	5.618.789	2.970.493
Xây dựng	2.798.200	2.266.900
Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	8.876.504	5.377.692
Kho bãi, giao thông vận tải và thông tin liên lạc	997.263	322.000
Tư vấn, kinh doanh bất động sản	1.040.523	348.000
Nhà hàng và khách sạn	1.175.587	419.000
Dịch vụ tài chính	218.309	28.800
Các ngành nghề khác	6.896.204	1.415.030
	38.381.855	21.232.198

### 8.3. Phân tích theo nhóm

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	37.446.776	19.554.894
Nợ cần chú ý	231.083	676.782
Nợ dưới tiêu chuẩn	54.808	405.871
Nợ nghi ngờ	174.463	372.759
Nợ có khả năng mất vốn	474.725	221.892
	38.381.855	21.232.198



#### 8.4. Phân tích theo kỳ hạn cho vay

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay ngắn hạn	27.393.114	16.444.641
Cho vay trung hạn	3.888.204	2.307.879
Cho vay dài hạn	7.100.537	2.479.678
	<b>38.381.855</b>	<b>21.232.198</b>

#### 8.5. Phân tích theo loại tiền tệ

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay bằng đồng Việt Nam	29.563.842	15.970.646
Cho vay bằng ngoại tệ và vàng	8.818.013	5.261.552
	<b>38.381.855</b>	<b>21.232.198</b>

#### 8.6. Phân tích theo khu vực địa lý

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận	25.203.698	14.880.679
Đồng bằng sông Cửu Long	3.943.268	1.616.404
Miền Trung	3.420.312	1.718.767
Miền Bắc	5.814.577	3.016.348
	<b>38.381.855</b>	<b>21.232.198</b>

### 9. DỰ PHÒNG CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng cho các khoản cho vay khách hàng được thể hiện như sau:

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dự phòng cụ thể	201.593	231.782
Dự phòng chung	177.176	144.509
	<b>378.769</b>	<b>376.291</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SÓ B05/TCTD

## 9.1. Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1	231.782	35.252
Trích lập trong năm	105.440	196.530
Sử dụng trong năm	(135.629)	-
Tại ngày 31 tháng 12	201.593	231.782

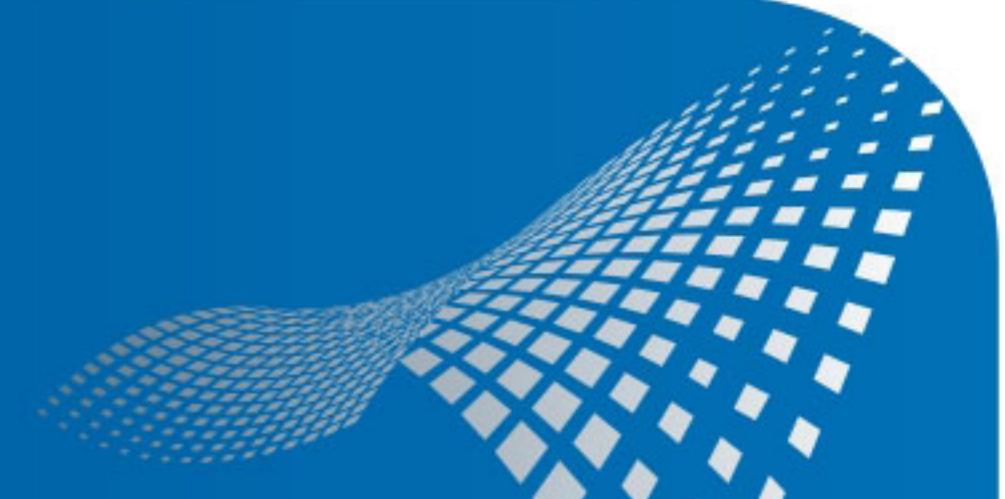
Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được tính dựa trên việc phân loại nợ theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 và Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

Việc sử dụng dự phòng để xóa các khoản nợ khó đòi được thực hiện sau khi Hội đồng xử lý rủi ro đã xét thấy rằng mọi nỗ lực hợp lý để thu hồi nợ, kể cả các hành động pháp lý đều không có hiệu quả. Các khoản cho vay được xóa nợ theo như các quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN.

## 9.2. Dự phòng chung cho vay khách hàng

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1	144.509	38.289
Trích lập trong năm	32.667	106.220
Tại ngày 31 tháng 12	177.176	144.509

Dự phòng chung cho các khoản cho vay và tạm ứng khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trích lập theo tỷ lệ 0,47% trên tổng dư nợ cho vay và tạm ứng khách hàng (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 0,70%) ngoại trừ các khoản cho vay và tạm ứng khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn, tại ngày 30 tháng 11 năm 2009, theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007.



## 10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

### 10.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Chứng khoán Chính phủ	-	742.783
Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác phát hành	-	285.871
	-	1.028.654
<b>Chứng khoán vốn</b>		
Chứng khoán vốn do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	119.770	238.427
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	212.745	-
	332.515	1.267.081
Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(96.907)	(116.296)
	235.608	1.150.785

### 10.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Chứng khoán Chính phủ	2.929.823	3.739.843
Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác phát hành	4.568.272	2.057.553
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	667.688	570.186
	8.165.783	6.367.582
Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-
	8.165.783	6.367.582

Bao gồm trong các chứng khoán nợ là các chứng khoán với tổng giá trị là 100.000 triệu đồng Việt Nam đang được thế chấp tại một ngân hàng thương mại cổ phần để đảm bảo thực hiện hợp đồng tiền vay và các chứng khoán với tổng giá trị 1.200 triệu đồng Việt Nam đang thế chấp tại Ngân hàng Nhà nước để ký quỹ đảm bảo thanh toán.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 11. GÓP VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		Ngày 31 tháng 12 năm 2008	
	Tỷ lệ phần vốn %	Giá vốn Triệu đồng	Tỷ lệ phần vốn %	Giá vốn Triệu đồng
Cty chứng khoán Rồng Việt	18,09	110.700	18,09	110.700
Cty Cổ phần Bất động sản EximLand	11,00	33.000	11,00	33.000
Cty cổ phần dịch vụ kinh doanh vàng Xuất Nhập Khẩu Kim Việt	11,00	1.650	11,00	1.650
		145.350		145.350
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty liên kết		(12.985)		(23.377)
		132.365		121.973

## 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác của Ngân hàng là các khoản đầu tư có tỷ lệ phần vốn nhỏ hơn hoặc bằng 11%, gồm các khoản sau đây:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		Ngày 31 tháng 12 năm 2008	
	Giá vốn Triệu đồng	Giá vốn Triệu đồng	Giá vốn Triệu đồng	Giá vốn Triệu đồng
<b>Các tổ chức tín dụng</b>				
Các tổ chức tín dụng chưa niêm yết	89.687		134.059	
<b>Các tổ chức kinh tế</b>				
Các công ty chưa niêm yết	589.648		581.178	
<b>Tổng cộng</b>	<b>679.335</b>		<b>715.237</b>	
Trừ: Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	(45.232)		(72.059)	
<b>Giá trị ròng các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác</b>	<b>634.103</b>		<b>643.178</b>	

### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

**ĐƠN VỊ:** Triệu đồng

	Trụ sở làm việc	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	78.650	179.057	67.933	93.931	<b>419.571</b>
Mua sắm tài sản	-	-	-	2.900	<b>2.900</b>
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm TSCĐ (Xem Thuyết minh 15.1)	6.368	95.452	15.562	50.588	<b>168.270</b>
Thanh lý	-	(2.754)	(906)	(992)	<b>(4.652)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	85.018	271.755	82.589	146.727	<b>586.089</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	19.350	53.833	9.572	19.287	<b>102.042</b>
Trích trong năm	2.103	30.983	7.185	18.077	<b>58.348</b>
Thanh lý	-	(2.754)	(837)	(992)	<b>(4.583)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	21.453	82.062	15.920	36.372	<b>155.807</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	59.300	125.224	58.361	74.644	<b>317.529</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	63.565	189.693	66.669	110.355	<b>430.282</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 17.188 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 22.724 triệu đồng).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 22.605 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 17.747 triệu đồng).

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	ĐƠN VỊ: Triệu đồng		
	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	53.418	368.665	<b>422.083</b>
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm TSCĐ (Xem Thuyết minh 15.1)	15.388	98.905	<b>114.293</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	68.806	467.570	<b>536.376</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	23.455	-	<b>23.455</b>
Khấu hao trong năm	5.645	-	<b>5.645</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	29.100	-	<b>29.100</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	29.963	368.665	<b>398.628</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	39.706	467.570	<b>507.276</b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 6.322 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 6.322 triệu đồng).

## 15. TÀI SẢN KHÁC

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua TSCĐ (Thuyết minh 15.1)	183.278	137.042
Lãi dự thu	494.628	483.561
Phải thu khác (*)	199.334	89.108
Các khoản tạm ứng và phải thu nội bộ	16.349	26.634
Chi phí chờ phân bổ	28.894	35.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	49.259
Các khoản thuế khác (**)	76.931	6.741
Phải thu từ Ngân sách Nhà nước theo chương trình hỗ trợ lãi suất	64.967	-
Tài sản khác (***)	242.535	125.787
	1.306.916	953.364

(\*) Trong đó có tiền gửi ký quỹ tại các đối tác giao dịch với Ngân hàng cho hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản (Thuyết minh số 30) với số dư cuối năm 2009 là 117.498 triệu đồng (số dư cuối năm 2008 là 1.670 triệu đồng).

(\*\*) Bao gồm trong số dư này là 72.746 triệu đồng là khoản thuế thu nhập bổ sung của năm 2008 do cơ quan thuế quyết toán và Ngân hàng đã nộp đầy đủ số thuế này cho cơ quan thuế. Bao gồm trong khoản 72.746 triệu đồng này là 17.029 triệu đồng đã được Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận không thu bổ sung. Hiện tại, Ngân hàng đang trong quá trình khiếu nại lên Tổng Cục Thuế cho khoản thuế bổ sung còn lại (Xem thêm chi tiết trong Thuyết minh số 36).

(\*\*\*) Tài sản khác tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm các tài sản thế chấp trị giá 235.319 triệu đồng (2008: 111.161 triệu đồng) liên quan đến các khoản cho vay khách hàng đã được xóa sổ. Các tài sản thế chấp này đã được chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng và đang chờ xử lý.

### 15.1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua TSCĐ

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1	137.042	24.240
Tăng	354.746	357.512
Chuyển sang tài sản cố định (Xem Thuyết minh 13 và 14)	(282.563)	(223.529)
Khác	(25.947)	(21.181)
Tại ngày 31 tháng 12	183.278	137.042

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SÓ B05/TCTD

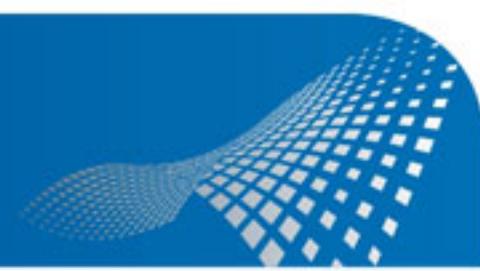
## 16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN VIỆT NAM

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Vay dài hạn (*)	1.611.075	26.954

(\*) Khoản vay này đáo hạn năm 2016 với lãi suất Libor 6 tháng cộng 1,7%/năm.

## 17. TIỀN GỬI VÀ VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		
	Bằng tiền đồng Triệu đồng	Bằng ngoại tệ và vàng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi thanh toán	27.987	26.920	54.907
Tiền gửi có kỳ hạn	1.532.000	369.580	1.901.580
	1.559.987	396.500	1.956.487
<b>Vay từ các tổ chức tín dụng khác</b>	-	571.167	571.167
	1.559.987	967.667	2.527.654
	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		
	Bằng tiền đồng Triệu đồng	Bằng ngoại tệ và vàng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi thanh toán	20.537	42.577	63.114
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.350.679	1.350.679
	20.537	1.393.256	1.413.793
<b>Vay từ các tổ chức tín dụng khác</b>	-	151.315	151.315
	20.537	1.544.571	1.565.108



## 18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

### 18.1. Theo loại tiền gửi

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	6.238.144	3.770.815
Tiền gửi có kỳ hạn	9.488.609	6.018.744
Tiền gửi tiết kiệm	21.492.533	19.856.580
Tiền gửi ký quỹ	1.516.025	1.220.654
Tiền gửi vốn chuyên dùng	31.154	10.937
	<b>38.766.465</b>	<b>30.877.730</b>

### 18.2. Theo tiền tệ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		
	Bảng tiền đồng Triệu đồng	Bảng ngoại tệ và vàng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	5.006.949	1.231.195	<b>6.238.144</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	6.473.443	3.015.166	<b>9.488.609</b>
Tiền gửi tiết kiệm	12.817.367	8.675.166	<b>21.492.533</b>
Tiền gửi ký quỹ	1.133.745	382.280	<b>1.516.025</b>
Tiền gửi vốn chuyên dùng	20.921	10.233	<b>31.154</b>
	<b>25.452.425</b>	<b>13.314.040</b>	<b>38.766.465</b>

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		
	Bảng tiền đồng Triệu đồng	Bảng ngoại tệ và vàng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	2.948.914	821.901	<b>3.770.815</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	4.352.847	1.665.897	<b>6.018.744</b>
Tiền gửi tiết kiệm	10.522.100	9.334.480	<b>19.856.580</b>
Tiền gửi ký quỹ	1.032.541	188.113	<b>1.220.654</b>
Tiền gửi vốn chuyên dùng	10.427	510	<b>10.937</b>
	<b>18.866.829</b>	<b>12.010.901</b>	<b>30.877.730</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SÓ B05/TCTD

## 18.3. Theo loại hình khách hàng

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Doanh nghiệp nhà nước	3.563.117	2.026.848
Doanh nghiệp tư nhân trong nước	115.387	57.992
Công ty 100% vốn nước ngoài	626.113	-
Cá nhân	24.557.617	22.162.587
Khác	9.904.231	6.630.303
	38.766.465	30.877.730

## 19. VỐN NHẬN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Vốn ủy thác từ Chính phủ Thụy Sĩ (*)	6.376	13.170

(\*) Theo Hợp đồng ký kết giữa Chính phủ Thụy Sĩ và Chính phủ Việt Nam do Bộ Tài chính ("BTC") làm đại diện ngày 7 tháng 7 năm 1993, một khoản tài trợ 15 triệu France Thụy Sĩ được cấp cho Chính phủ Việt Nam nhằm mục đích tài trợ cho cán cân thanh toán.

Căn cứ vào Hợp đồng giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng ngày 22 tháng 1 năm 1994, Ngân hàng được cấp một hạn mức tín dụng trị giá 6 triệu France Thụy Sĩ để tài trợ những khoản cho vay các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hỗn hợp, doanh nghiệp nhà nước trong những dự án đã được phê duyệt. Hạn mức tín dụng này chịu mức lãi suất 1%/năm. Khoản vốn này sẽ đáo hạn vào năm 2011.

## 20. CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		
	Bằng tiền đồng Triệu đồng	Bằng ngoại tệ và vàng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền gửi ngắn hạn	-	8.092.582	8.092.582
Tiền gửi trung hạn	2.407	109.755	112.162
Tiền gửi dài hạn	-	18.284	18.284
	2.407	8.220.621	8.223.028

## 20. CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI (tiếp theo)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		
	Bằng tiền đồng Triệu đồng	Bằng ngoại tệ và vàng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền gửi ngắn hạn	594.524	805.558	1.400.082
Tiền gửi trung hạn	-	9.900	9.900
Tiền gửi dài hạn	-	43.218	43.218
	594.524	858.676	1.453.200

## 21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Lãi dự chi	331.617	434.838
Chuyển tiền phải trả	6.216	9.960
Các khoản thuế phải nộp (Thuyết minh 38)	107.202	12.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại (Thuyết minh 36)	13.244	13.244
Phải trả khác (*)	464.302	932.563
Cổ tức phải trả	8.698	36.215
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.275	3.782
Dự phòng chung cho nợ tiềm tàng và các cam kết (Thuyết minh 21.1)	22.885	24.104
	960.439	1.467.582

(\*) Trong đó có 245.778 triệu đồng là vàng giữ hộ cho khách hàng (số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 734.415 triệu đồng).

### 21.1. Dự phòng chung cho nợ tiềm tàng và các cam kết

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1	24.104	6.710
Tăng trong năm	-	17.394
Hoàn nhập trong năm	(1.219)	6.710
Tại ngày 31 tháng 12	22.885	24.104

Dự phòng chung cho các khoản bảo lãnh, cam kết và chấp nhận thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trích lập theo tỉ lệ 0,47% trên tổng các khoản bảo lãnh, cam kết và chấp nhận thanh toán ngoại trừ các khoản bảo lãnh, cam kết và chấp nhận thanh toán được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn, tại ngày 30 tháng 11 năm 2009, theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 22. VỐN CỦA NGÂN HÀNG

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Vốn điều lệ - đã phát hành và đã được góp đủ	8.800.080	7.219.999

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng không nắm giữ bất cứ cổ phiếu ngân quỹ nào.

	Số cổ phiếu	Vốn cổ phần thường	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ	Tổng cộng
	Cổ phiếu	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	280.000.000	280.000.000	2.974.462	15.396	<b>5.789.858</b>
Cổ phiếu đã phát hành	106.223.534	1.062.235	5.288.148	-	<b>6.350.383</b>
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu mới (Xem Thuyết minh 23)	38.670.600	386.706	-	-	<b>386.706</b>
Cổ phiếu thường đã phát hành	297.105.800	2.971.058	(2.971.058)	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	721.999.934	7.219.999	5.291.552	15.396	<b>12.526.947</b>
Cổ phiếu thường đã phát hành	158.008.066	1.580.081	(1.580.081)	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	880.008.000	880.008.000	3.711.471	15.396	<b>12.526.947</b>

## 23. CÁC QUỸ VÀ LỢI NHUẬN GIỮ LẠI

	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	398.038	37.149	69.176	722	<b>505.085</b>
Lợi nhuận ròng trong năm	711.014	-	-	-	<b>711.014</b>
Trả cổ tức	(505.336)	-	-	-	<b>(505.336)</b>
Phân bổ vào các quỹ	(103.097)	35.551	67.546	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Xem Thuyết minh 22)	(386.706)	-	-	-	<b>(386.706)</b>
Phân bổ Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(9.516)	-	-	9.516	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(9.615)	<b>(9.615)</b>
Tăng Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-	-	2.688	<b>2.688</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	104.397	72.700	136.722	3.311	<b>317.130</b>
Lợi nhuận ròng trong năm	1.132.463	-	-	-	<b>1.132.463</b>
Trả cổ tức	(582.137)	-	-	-	<b>(582.137)</b>
Phân bổ vào các quỹ	(164.207)	56.623	107.584	-	-
Phân bổ Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(42.000)	-	-	(42.000)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(40.937)	<b>(40.937)</b>
Giảm Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(147)	<b>(147)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	448.516	129.323	244.306	4.227	<b>826.372</b>

(\*) Căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội Cổ đông năm 2007 và phương án tăng vốn năm 2007 được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, Ngân hàng tạm sử dụng 10.000 triệu đồng quỹ khen thưởng để mua 1.000.000 cổ phần mới do Ngân hàng phát hành với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần nhằm mục đích phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng. Khi các cổ phiếu này được chuyển nhượng lại cho nhân viên Ngân hàng, thì khoản tiền thu được sẽ được ghi tăng quỹ khen thưởng của Ngân hàng. Trong năm 2008, có tổng số 268.800 cổ phần được chuyển nhượng cho nhân viên của Ngân hàng tương ứng với số tiền là 2.688 triệu đồng Việt Nam.

### Cổ tức

Ngân hàng công bố mức cổ tức giữa kỳ là 8% và ghi nhận khoản cổ tức giữa kỳ này trong phần lợi nhuận giữ lại như là một khoản phân phối lợi nhuận của năm 2009. Cổ tức cuối kỳ của năm 2009 sẽ được công bố chưa được ghi nhận cho đến khi được phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Việc chi trả cổ tức này sẽ được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu như là một khoản phân phối lợi nhuận giữ lại của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SÓ B05/TCTD

## 22. VỐN CỦA NGÂN HÀNG

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

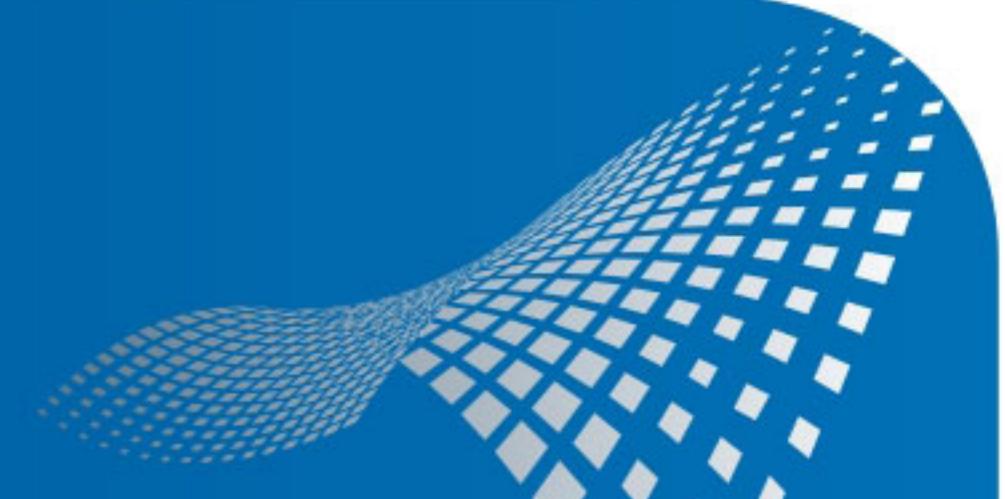
	2009	2008
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu (triệu đồng)	1.132.463	711.014
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	880.008.000	675.997.277
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm lập báo cáo (đồng/cổ phiếu)	1.287	1.052
Trình bày lại lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính với giả định số cổ phiếu thường phát hành trong năm 2009 đã được phát hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 (đồng/cổ phiếu)		852

## 25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TỰ THU NHẬP LÃI

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Từ cho vay và tạm ứng cho khách hàng	2.907.759	2.751.127
Từ tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	759.386	817.724
Từ các khoản đầu tư	677.009	627.721
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	23	22
	4.344.177	4.196.594

## 26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TỰ CHI PHÍ LÃI

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lãi tiền gửi của khách hàng	2.189.619	2.761.111
Lãi tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	29.267	62.701
Lãi chứng chỉ tiền gửi	143.036	42.784
Chi phí khác	6.947	10.286
	2.368.869	2.876.882



## 27. THU NHẬP TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ DỊCH VỤ

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Dịch vụ thanh toán	194.052	117.992
Dịch vụ bảo lãnh	18.633	13.782
Dịch vụ ngân quỹ	16.482	11.716
Các dịch vụ khác	38.595	10.685
	<b>267.762</b>	<b>154.175</b>

## 28. CHI TRẢ PHÍ VÀ DỊCH VỤ

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	42.095	33.031
Chi phí hoạt động khác	14.486	11.657
	<b>56.581</b>	<b>44.688</b>

## 29. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ VÀ VÀNG

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng	395.253	1.059.385
Lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng	(264.844)	(478.257)
Thu nhập từ đánh giá lại ngoại tệ và vàng	274.446	703.030
Lỗ từ đánh giá lại ngoại tệ và vàng	(269.446)	(650.053)
	<b>135.409</b>	<b>634.105</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 30. KINH DOANH VÀNG TRÊN TÀI KHOẢN KÝ QUỸ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng đã ký một số hợp đồng kinh doanh vàng trên tài khoản với các khách hàng đối tác. Số tiền ký quỹ cho các hợp đồng này được giữ trên tài khoản kinh doanh vàng tại các đối tác giao dịch.

Giá trị ghi trên các hợp đồng này là cơ sở so sánh với các công cụ tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, các giá trị này không nhất thiết phải là dòng tiền tương ứng trong tương lai hoặc giá trị hợp lý hiện tại của những hợp đồng này và do đó không thể hiện rủi ro tín dụng hay rủi ro giá cả thị trường đối với Ngân hàng. Các hợp đồng này trở nên có lợi (lợi nhuận) hay bất lợi (lỗ) là do kết quả của sự biến động giá vàng tương quan với các điều khoản của hợp đồng. Giá trị tổng hợp của các hợp đồng đang còn hiệu lực, phạm vi mà các hợp đồng được xác định là ảnh hưởng có lợi hay bất lợi đến giá trị hợp lý của hợp đồng, có thể có biến động theo từng thời điểm.

Ngày 6 tháng 1 năm 2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 01/2010/TT-NHNN yêu cầu tất cả các tổ chức tín dụng tại Việt Nam chấm dứt các hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản nước ngoài và đóng các tài khoản kinh doanh vàng nước ngoài trước ngày 31 tháng 3 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng đang có số dư các giao dịch với các đối tác kinh doanh vàng trên tài khoản nước ngoài như sau:

- Tiền gửi vàng trên tài khoản nước ngoài: 213.375 triệu đồng.
- Tiền gửi ngoại tệ ký quỹ cho hoạt động kinh doanh trên tài khoản ở nước ngoài: 117.498 triệu đồng (Thuyết minh 15).
- Phải thu trong nghiệp vụ hoán đổi: 761.586 triệu đồng.
- Cam kết mua vàng giao ngay: 124.742 triệu đồng.

## 31. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Thu nhập do mua bán chứng khoán kinh doanh	20.954	224
Trừ: Lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh	(50.915)	(4.387)
Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(9.873)	-
	(39.834)	(4.163)

## 32. THU NHẬP/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Thu nhập do mua bán chứng khoán đầu tư	177.973	54.451
Trừ: Lỗ do mua bán chứng khoán đầu tư	(21.996)	(111.696)
Hoàn nhập/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	29.942	(110.194)
	185.919	(167.439)

### 33. THU NHẬP/(LỖ) TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh	5.301	59
Cổ tức từ chứng khoán vốn đầu tư	10.911	11.613
Cổ tức từ góp vốn, đầu tư dài hạn	35.400	52.826
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng các khoản góp vốn đầu tư dài hạn	26.665	(95.436)
	78.277	(30.938)

### 34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Chi phí cho nhân viên (Xem Thuyết minh 34.1)	458.505	282.709
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	17.371	71.000
Khấu hao tài sản cố định	63.993	37.504
Chi về tài sản	110.424	88.980
Chi cho hoạt động quản lý doanh nghiệp (*)	234.960	106.725
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi khách hàng	21.843	15.753
	907.096	602.671

(\*) Bao gồm trong chi cho hoạt động quản lý doanh nghiệp là 89.085 triệu đồng liên quan đến hợp đồng dịch vụ ký với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation, một cổ đông chiến lược của Ngân hàng, cho các dịch vụ tư vấn thực hiện trong năm.

#### 34.1. Chi phí cho nhân viên

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Chi lương và phụ cấp	403.383	242.309
Các khoản chi đóng góp theo lương	28.381	21.004
Chi trợ cấp	3.383	3.275
Khác	23.358	16.121
	458.505	282.709

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 35. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Phí và hoa hồng chịu thuế giá trị gia tăng 10% theo phương pháp khấu trừ, giao dịch ngoại tệ và vàng chịu thuế giá trị gia tăng là 10% theo phương pháp trực tiếp. Các nghiệp vụ ngân hàng khác không chịu thuế giá trị gia tăng.

## 36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

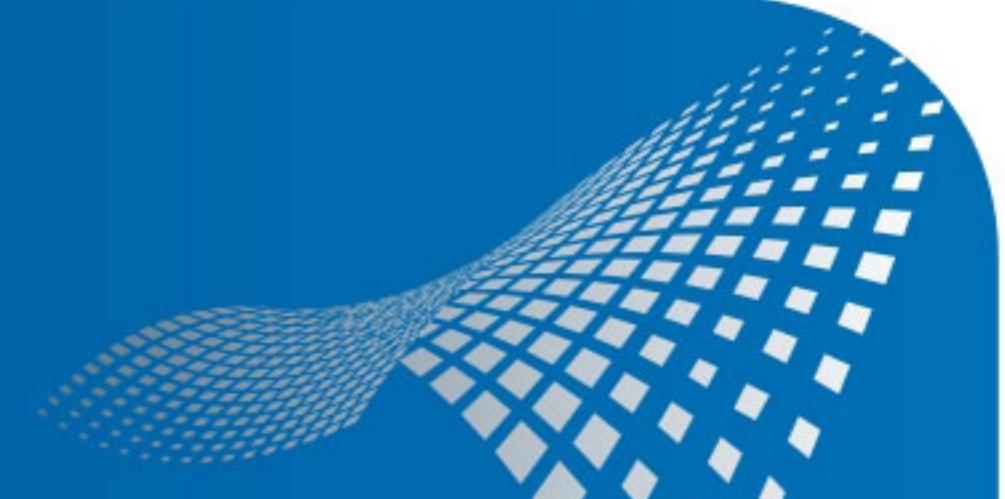
	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Thuế hiện hành	400.288	244.974
Thuế hoãn lại	-	13.244
	400.288	258.218

### Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản thu nhập thuần do đánh giá lại ngoại tệ và vàng	13.244	13.244

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được tính với thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Lợi nhuận trước thuế	1.532.751	969.232
Thuế (thuế suất: 25%)	383.188	271.385
<b>Điều chỉnh:</b>		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(15.558)	(13.167)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ	757	-
Thuế do cơ quan thuế truy thu trong năm trước (*)	31.901	-
	400.288	258.218



(\*) Theo Biên bản quyết toán thuế số 261/CT/KTT3 ngày 6 tháng 7 năm 2009 và Quyết định 47/QĐ/CT-KTNB ngày 23 tháng 2 năm 2010 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Ngân hàng phải nộp tổng số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung cho năm 2008 là 87.820 triệu đồng. Ngân hàng đã nộp đủ số tiền thuế bổ sung này vào Ngân sách Nhà nước. Ngân hàng đã ghi nhận một khoản 31.901 triệu đồng vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm 2009 và Ngân hàng đang trong quá trình khiếu nại lên Tổng Cục Thuế cho khoản thuế bổ sung còn lại (55.919 triệu đồng). Ban lãnh đạo hy vọng Ngân hàng sẽ được chấp thuận không phải chịu thêm khoản thuế bổ sung còn lại này và do đó đã ghi nhận khoản thuế bổ sung đã nộp này cho năm 2008 là một khoản tạm ứng trong bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (Thuyết minh số 16). Trong khi chờ đợi quyết định cuối cùng của Tổng Cục Thuế, Ngân hàng đánh giá khoản thuế bổ sung cho năm 2008 còn lại chưa được ghi nhận này là một khoản công nợ tiềm tàng.

Thu nhập chịu thuế của Ngân hàng sẽ do Cơ quan Thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Quyết toán năm 2009 chưa được cơ quan thuế kiểm tra.

### **37. THU NHẬP NHÂN VIÊN**

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Số lượng nhân viên (người)</b>	3.780	3.104
<b>Thu nhập nhân viên</b>		
Tổng quỹ lương	403.383	242.309
Thu nhập khác	18.150	13.061
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>421.533</b>	<b>255.370</b>
Lương bình quân năm/nhân viên	121	90
Thu nhập bình quân năm/nhân viên	126	95

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 38. NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	1.1.2009 Triệu đồng	Tăng giảm trong năm		31.12.2009 Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số phải nộp Triệu đồng	
Thuế GTGT	(3.040)	58.247	50.328	4.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(49.259)	400.288	251.428	99.601
Các loại thuế khác	4.299	27.257	28.834	2.722
Các chi phí khác	-	939	939	-
Thuế nhà thầu	8.577	11.601	20.178	-
	(39.423)	498.332	351.707	107.202

## 39. TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG MÀ NGÂN HÀNG ĐANG GIỮ

		31.12.2009	31.12.2008
		Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền, vàng và giấy tờ có giá của khách hàng đưa cầm cố		10.078.427	5.390.703
Hàng tồn kho		2.731.281	2.179.042
Máy móc thiết bị		5.554.095	1.326.956
Bất động sản		43.441.880	26.010.886
Tài sản khác		4.659.983	2.146.285
		66.465.666	37.053.872

Giá trị giấy tờ có giá khách hàng đưa cầm cố bằng ngoại tệ và vàng được quy đổi về đồng Việt Nam theo tỷ giá của ngày lập báo cáo tài chính.

Tài sản thế chấp của khách hàng mà Ngân hàng đang giữ được ghi nhận ngoại bảng và được xác định giá trị theo các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

## 40. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Tổng số tiền của các bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết khác còn hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		
	Bằng tiền đồng	Bằng ngoại tệ và vàng	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Thư tín dụng trả ngay	-	2.491.041	<b>2.491.041</b>
Thư tín dụng trả chậm	-	788.928	<b>788.928</b>
Bảo lãnh thanh toán	327.182	167.435	<b>494.617</b>
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	289.106	30.365	<b>319.471</b>
Bảo lãnh dự thầu	98.267	20.944	<b>119.211</b>
Các bảo lãnh khác	327.733	74.150	<b>401.883</b>
Giao dịch kinh doanh ngoại tệ	1.020.572	5.328.102	<b>6.348.674</b>
	2.062.860	8.900.965	<b>10.963.825</b>

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		
	Bằng tiền đồng	Bằng ngoại tệ và vàng	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Thư tín dụng trả ngay	-	958.640	<b>958.640</b>
Thư tín dụng trả chậm	-	531.083	<b>531.083</b>
Bảo lãnh thanh toán	141.623	131.411	<b>273.034</b>
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	116.516	31.350	<b>147.866</b>
Bảo lãnh dự thầu	69.814	5.913	<b>75.727</b>
Các bảo lãnh khác	109.988	129.520	<b>239.508</b>
Giao dịch kinh doanh ngoại tệ	1.070.339	1.456.022	<b>2.526.361</b>
	1.508.280	3.243.939	<b>4.752.219</b>

Trong quá trình kinh doanh bình thường, Ngân hàng đã thực hiện nhiều cam kết khác nhau và phát sinh một số các khoản nợ tiềm tàng, và các cam kết và nợ tiềm tàng được hạch toán vào ngoại bảng. Các cam kết và nợ tiềm tàng bao gồm các khoản bảo lãnh, thư tín dụng, các cam kết mua bán ngoại tệ có kỳ hạn và giao ngay chưa thực hiện. Ngân hàng dự kiến không bị tổn thất trọng yếu từ các nghiệp vụ này.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 41. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Ngân hàng phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Thuê văn phòng 31.12.2009 Triệu đồng	Thuê văn phòng 31.12.2008 Triệu đồng
Dưới 1 năm	69.354	56.422
Từ 1 đến 5 năm	217.084	208.964
Trên 5 năm	34.598	37.963
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	321.036	303.349

## 42. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Nhà cửa, máy móc và thiết bị	42.106	71.924

## 43. CÁC CAM KẾT KHÁC

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2009, Ngân hàng ký một hợp đồng dịch vụ 10 năm với tổng giá trị hợp đồng với mức tối đa là 50 triệu đô la Mỹ với Sumitomo Mitsui Banking Corporation ("SMBC"), một cổ đông nước ngoài chiến lược của Ngân hàng. Theo hợp đồng này, SMBC sẽ cung cấp cho Ngân hàng các sản phẩm ngân hàng hiện đại, dịch vụ và kỹ thuật nhằm giúp Ngân hàng nâng cao uy tín của mình, khả năng cạnh tranh và quản trị, khai thác tiềm năng dịch vụ bán lẻ và nâng cao vị thế của Ngân hàng như là một ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam. Ngân hàng sẽ trả phí dịch vụ cho SMBC hàng năm với mức phí tối đa không vượt 5 triệu đô la Mỹ hàng năm. Khoản thuế nhà thầu sẽ được chia đều cho hai bên Ngân hàng và SMBC, nghĩa là Ngân hàng sẽ chịu thuế giá trị gia tăng và SMBC sẽ chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền thanh toán hàng năm sẽ được xác nhận trong biên bản nghiệm thu do hai bên ký kết dựa trên các dịch vụ thực hiện.

Hợp đồng dịch vụ năm đầu tiên được ký, thực hiện và thanh toán trong năm 2009 với tổng giá trị là 5 triệu đô la Mỹ, tương đương 89.085 triệu đồng. Số tiền này đã được ghi nhận đầy đủ trong chi phí hoạt động của năm 2009 (Xem Thuyết minh 34). Khoảng thời gian 9 năm kế tiếp sẽ được thực hiện theo hợp đồng khung và theo hợp đồng này thì các hợp đồng dịch vụ hàng năm có thể sẽ được ký với mức phí tối đa là 5 triệu đô la Mỹ mỗi năm.

## 44. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Ngân hàng thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	11.411	9.513
Thù lao trả cho Hội đồng quản trị	8.082	6.135
Thu nhập của các bên liên quan khác	489	513
Thu nhập lãi từ công ty liên kết	8.188	2.710
Thu nhập lãi từ các bên liên quan khác	80.995	94.105
Chi phí lãi trả cho công ty liên kết	6.230	16.552
Chi phí lãi trả cho các bên liên quan khác	55.514	331.117
Doanh số cho vay các bên liên quan trong năm	7.075.687	2.386.738
Doanh số thu nợ các bên liên quan trong năm	6.990.565	2.288.810
Chuyển nhượng khoản đầu tư từ các bên liên quan khác	-	18.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư cho các bên liên quan khác	20.070	-
Phí dịch vụ trả cho một bên liên quan	89.085	-

Tại thời điểm cuối năm, số dư với các bên liên quan như sau:

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Tiền gửi của công ty liên kết	72.906	117.043
Tiền gửi từ các bên liên quan khác	770.444	2.651.454
Tiền gửi tại các công ty liên kết	1.576	1.067
Tiền gửi tại các bên liên quan khác	736.344	1.889.719
Cho công ty liên kết vay	214.859	10.000
Cho các bên liên quan khác vay	933.092	524.064
Phải trả cho công ty liên kết	-	274
Trái phiếu mua tại bên liên quan	1.680.806	880.370
Lãi dự trả cho các bên liên quan	5.220	56.812
Lãi dự thu cho các bên liên quan	36.141	24.918

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05/TCTD

## 45. SỰ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ THEO VÙNG ĐỊA LÝ

Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác	Số thuần của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong nước	38.381.855	5.777.703	8.500.215
Ngoài nước	-	1.198.406	-
	38.381.855	6.976.109	8.500.215

Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

	Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	Tổng tiền gửi khách hàng
	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong nước	1.721.409	38.407.181
Ngoài nước	806.245	359.284
	2.527.654	38.766.465

Các cam kết tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

	Các cam kết tín dụng
	Triệu đồng
Trong nước	4.472.855
Ngoài nước	142.295
	4.615.150

Các công cụ tài chính phái sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

	Các công cụ tài chính phái sinh
	Triệu đồng
Trong nước	3.708.895
Ngoài nước	975.326
	4.684.221

## 46. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### 46.1. Rủi ro công cụ tài chính

- Chính sách quản lý rủi ro đối với các công cụ tài chính phái sinh:

Đối với các giao dịch mà Ngân hàng chỉ là trung gian (back to back): mua/bán của khách hàng và cân đối (square) lại trên thị trường liên ngân hàng thì các giao dịch này không phát sinh rủi ro. Đối với các giao dịch đầu cơ, Ngân hàng quản lý rủi ro về các mức giới hạn của mỗi giao dịch viên; hạn mức về trạng thái ngoại hối chưa cân bằng cho từng loại ngoại tệ; hạn mức về tổng trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- Chính sách quản lý rủi ro đối với hoạt động đầu tư: phân quyền phê duyệt các khoản đầu tư; phân quyền tác nghiệp; đưa ra các giới hạn đầu tư; phân bổ các khoản đầu tư; phân tích thẩm định các khoản đầu tư.

### 46.2. Rủi ro tín dụng

- Chính sách quản lý rủi ro tín dụng**

- Quy định tỷ lệ tối đa giữa nợ quá hạn so với tổng dư nợ, tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ, tỷ lệ cho vay không có bảo đảm bằng tài sản so với tổng dư nợ;
- Đảm bảo các giới hạn tín dụng;
- Giám sát tuân thủ và xử lý các trường hợp ngoại lệ;
- Xây dựng chính sách tín dụng nội bộ về quản lý thẩm quyền quyết định tín dụng; chính sách ủy quyền ký kết hợp đồng, giao dịch dân sự về tín dụng; tiêu chuẩn về nhân sự làm công tác tín dụng và quản lý rủi ro.

- Công cụ quản lý rủi ro tín dụng**

- Thẩm định khách hàng tín dụng, định giá khoản vay và xếp hạng tín dụng nội bộ;
- Xác định danh mục đầu tư – Portfolio: xây dựng hạn mức theo ngành/lĩnh vực/mục đích sử dụng vốn; hạn mức theo khu vực/miền/vùng/tỉnh; hạn mức theo sản phẩm tín dụng; hạn mức theo kỳ hạn; hạn mức theo loại tiền tệ ; hạn mức tín dụng theo thành phần kinh tế; hạn mức theo tài sản đảm bảo; hạn mức theo thẩm quyền quyết định tín dụng;
- Phân loại rủi ro tín dụng;
- Xây dựng hệ thống báo cáo về rủi ro tín dụng.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 46.3. Rủi ro thị trường

### a. Rủi ro lãi suất

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	Quá hạn	Không chịu lãi suất	Trong vòng 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	ĐƠN VỊ: Triệu đồng
									Tổng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và kim loại quý	-	6.838.617	-	-	-	-	-	-	6.838.617
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	2.115.265	-	-	-	-	-	2.115.265
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	-	-	6.558.619	417.490	-	-	-	-	6.976.109
Chứng khoán kinh doanh	-	98.824	-	-	-	-	-	-	98.824
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	4.122	-	-	-	-	-	-	4.122
Cho vay khách hàng	902.903	-	8.288.458	19.991.690	5.863.483	2.446.887	357.222	152.443	38.003.086
Chứng khoán đầu tư	-	235.608	-	862.747	-	351.526	6.483.800	467.710	8.401.391
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	766.468	-	-	-	-	-	-	766.468
Tài sản cố định	-	937.558	-	-	-	-	-	-	937.558
Tài sản có khác	-	1.306.916	-	-	-	-	-	-	1.306.916
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>902.903</b>	<b>10.188.113</b>	<b>16.962.342</b>	<b>21.271.927</b>	<b>5.863.483</b>	<b>2.798.413</b>	<b>6.841.022</b>	<b>620.153</b>	<b>65.448.356</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Nợ chính phủ và NHNN	-	-	1.586.309	1.905	-	1.905	15.241	5.715	1.611.075
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	-	-	2.405.259	122.395	-	-	-	-	2.527.654
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	3.461	2.915	-	6.376
Tiền gửi của khách hàng	-	-	22.692.422	8.748.417	2.398.772	3.317.097	1.609.324	433	38.766.465
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	3.378.282	4.638.044	148.649	56.903	1.150	-	8.223.028
Nợ khác	-	960.439	-	-	-	-	-	-	960.439
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>960.439</b>	<b>30.062.272</b>	<b>13.510.761</b>	<b>2.547.421</b>	<b>3.379.366</b>	<b>1.628.630</b>	<b>6.148</b>	<b>52.095.037</b>
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất - nội bảng	902.903	9.227.674	(13.099.930)	7.761.166	3.316.062	(580.953)	5.212.392	614.005	13.353.319
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất - ngoại bảng	-	4.615.150	-	-	-	-	-	-	4.615.150
<b>Tổng mức chênh nhạy cảm với lãi suất</b>	<b>902.903</b>	<b>13.842.824</b>	<b>(13.099.930)</b>	<b>7.761.166</b>	<b>3.316.062</b>	<b>(580.953)</b>	<b>5.212.392</b>	<b>614.005</b>	<b>17.968.469</b>

### 46.3. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

#### b. Rủi ro tiền tệ

Ngân hàng chịu rủi ro do ảnh hưởng các biến động về tỷ giá hối đoái đối với tình hình tài chính và luồng tiền của Ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc thiết lập hạn mức giao dịch cho từng loại tiền và tổng các loại tiền cho các trạng thái qua đêm và trong ngày và các trạng thái này được kiểm soát hàng ngày.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

**ĐƠN VỊ: Triệu đồng**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	VND	USD	VÀNG	EUR	JPY	AUD	CAD	Khác	Tổng Cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và kim loại quý									
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	422.159	326.639	5.766.719	65.764	40.318	119.481	33.859	63.678	6.838.617
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	1.452.862	662.403	-	-	-	-	-	-	2.115.265
Chứng khoán kinh doanh	3.551.106	2.656.658	399.155	160.794	14.829	111.581	27.902	54.084	6.976.109
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	98.824	-	-	-	-	-	-	-	98.824
Cho vay khách hàng	-	402.952	761.585	-	-	16.662	-	28.611	4.122
Chứng khoán đầu tư	29.197.570	5.926.468	2.612.629	169.115	92.754	1.418	-	3.132	38.003.086
Góp vốn, đầu tư dài hạn	7.662.231	739.160	-	-	-	-	-	-	8.401.391
Tài sản cố định	766.468	-	-	-	-	-	-	-	766.468
Tài sản có khác	937.558	-	-	-	-	-	-	-	937.558
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>45.274.736</b>	<b>10.833.985</b>	<b>9.541.338</b>	<b>395.674</b>	<b>147.903</b>	<b>249.142</b>	<b>61.761</b>	<b>149.505</b>	<b>66.654.044</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>									
Nợ chính phủ và NHNN	1.586.309	24.766	-	-	-	-	-	-	1.611.075
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	1.559.987	961.572	-	3.835	925	460	791	84	2.527.654
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	6.376	-	-	-	3.461	2.915	-	6.376
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	1.081.028	-	-	40.311	84.349	-	-	-	1.205.688
Tiền gửi của khách hàng	25.452.424	11.093.826	1.356.936	348.135	63.316	243.209	60.369	148.250	38.766.465
Chứng chỉ tiền lì	148.250	3.572	8.217.049	-	-	-	-	-	8.223.028
Nợ khác	615.718	101.405	243.031	237	-	42	-	6	960.439
Vốn và các quỹ	13.353.319	-	-	-	-	-	-	-	13.353.319
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>43.651.192</b>	<b>12.191.517</b>	<b>9.817.016</b>	<b>392.518</b>	<b>148.590</b>	<b>243.711</b>	<b>61.160</b>	<b>148.340</b>	<b>66.654.044</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng - ròng</b>	<b>1.623.544</b>	<b>(1.357.532)</b>	<b>(275.678)</b>	<b>3.156</b>	<b>(687)</b>	<b>5.431</b>	<b>601</b>	<b>1.165</b>	<b>-</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>(57.317)</b>	<b>207.016</b>	<b>(934)</b>	<b>1.506</b>	<b>(4.665)</b>	<b>-</b>	<b>526</b>	<b>146.132</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng</b>	<b>1.623.544</b>	<b>(1.414.849)</b>	<b>(68.662)</b>	<b>2.222</b>	<b>819</b>	<b>766</b>	<b>601</b>	<b>1.691</b>	<b>146.132</b>

### 46.3. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

#### c. Rủi ro thanh khoản

Ngân hàng hàng ngày phải đối mặt với những yêu cầu rút vốn từ các khoản tiền gửi qua đêm của khách hàng, các tài khoản tiền gửi vãng lai, các khoản tiền gửi đến hạn, rút vốn vay, các khoản bảo lãnh, các khoản ký quỹ chứng khoán và các nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho các công cụ tài chính phái sinh. Ngân hàng không duy trì nguồn tiền mặt để đáp ứng tất cả các nhu cầu đó vì kinh nghiệm cho thấy có thể dự đoán với một mức độ chính xác cao một lượng vốn tối thiểu có thể dùng để tái đầu tư. Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày đáo hạn:

ĐƠN VỊ: Triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	Quá hạn			Trong hạn				Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Trong vòng 3 tháng	Trong vòng 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt và kim loại quý	-	-	6.838.617	-	-	-	-	6.838.617
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	2.115.265	-	-	-	-	2.115.265
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	-	-	6.558.619	417.490	-	-	-	6.976.109
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	98.824	-	-	-	98.824
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	4.122	-	-	-	4.122
Cho vay khách hàng	353.045	549.858	32.465.089	3.791.580	803.696	39.818	-	38.003.086
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	862.747	351.527	6.483.800	703.317	8.401.391
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	766.468	766.468
Tài sản cố định	-	-	10	9	840	185.015	751.684	937.558
Tài sản có khác	-	-	285.968	135.059	437.845	332.131	115.913	1.306.916
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>353.045</b>	<b>549.858</b>	<b>48.263.568</b>	<b>5.309.831</b>	<b>1.593.908</b>	<b>7.040.764</b>	<b>2.337.382</b>	<b>65.448.356</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ chính phủ và NHNN	-	-	1.586.309	1.905	1.905	15.241	5.715	1.611.075
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	-	-	2.405.259	122.395	-	-	-	2.527.654
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	3.461	2.915	-	6.376
Tiền gửi của khách hàng	-	-	22.692.422	8.748.417	5.715.869	1.609.324	433	38.766.465
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	3.378.282	4.638.044	205.552	1.150	-	8.223.028
Nợ khác	-	-	202.483	468.485	102.779	186.692	-	960.439
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.264.755</b>	<b>13.979.246</b>	<b>6.029.566</b>	<b>1.815.322</b>	<b>6.148</b>	<b>52.095.037</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>353.045</b>	<b>549.858</b>	<b>549.858</b>	<b>(8.669.415)</b>	<b>(4.435.658)</b>	<b>5.225.442</b>	<b>2.331.234</b>	<b>13.353.319</b>

## 47. CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được trình bày lại từ phương pháp gián tiếp thành phương pháp trực tiếp và một vài số liệu so sánh khác đã được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2010.



Đinh Nho Huân  
Lập bảng

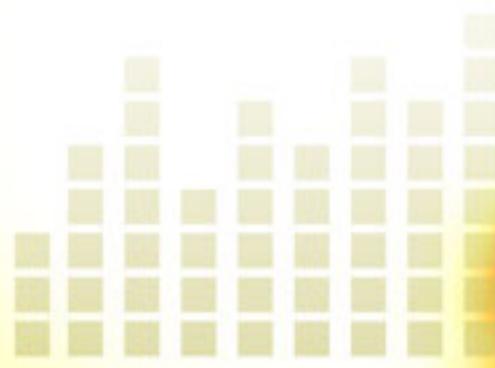


Nguyễn Hồ Hoàng Vũ  
Kế toán trưởng



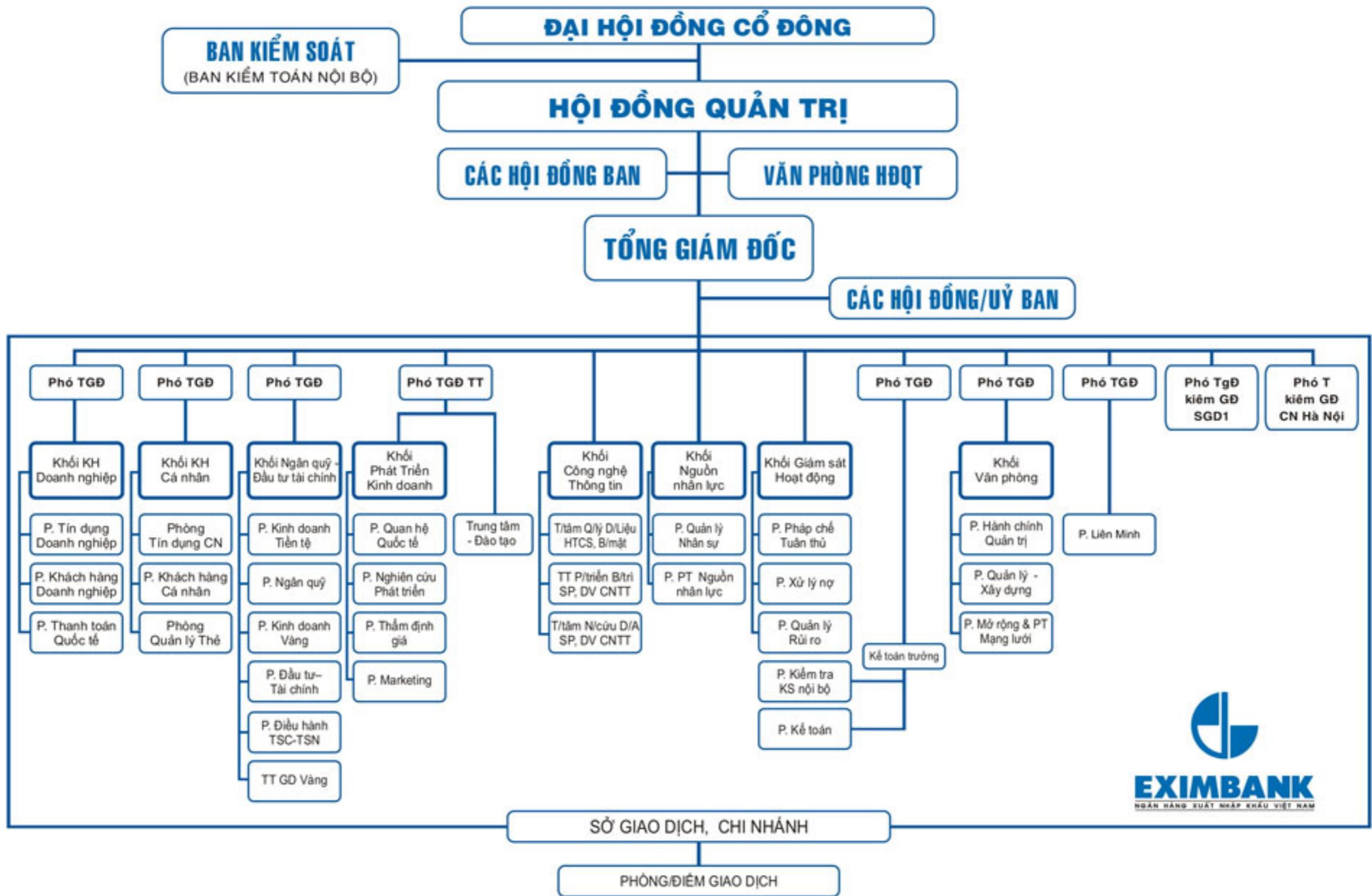
Trương Văn Phước  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2010





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

---



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Ban Tổng Giám Đốc



Ông **TRƯƠNG VĂN PHƯỚC**  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Được bổ nhiệm vào tháng 04/2008, ông Trương Văn Phước, 51 tuổi, hiện đang là Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông là Tiến sĩ Kinh tế ngành Tài chính lưu thông tiền tệ và Tín dụng. Trước đây, ông đã từng giữ vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2003 và là người có công đầu đưa Eximbank thoát khỏi giai đoạn chấn chỉnh cung cổ. Với hơn 27 năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng, đặc biệt về lĩnh vực kế hoạch chiến lược và kinh doanh ngoại hối, ông từng đảm nhiệm các vị trí: Phó Giám đốc Ngân hàng Ngoại Thương TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 1995-2000, Vụ Trưởng Vụ Quản lý ngoại hối Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2003-2008.

Được bổ nhiệm vào tháng 03/2007, ông Trần Tân Lộc, 41 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Thường trực của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông là Tiến sĩ Kinh tế ngành Tài chính - Tín dụng. Ông bắt đầu công tác tại Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam từ năm 1994 và đã cống hiến cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 16 năm qua. Ông từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó phòng Kế Toán Giao Dịch, Phó Phòng rồi Trưởng Phòng Thẻ Tín Dụng, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Phó ban Dự án Phát Triển, Thư ký Hội đồng Quản trị kiêm Phó Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị.



Ông **TRẦN TÂN LỘC**  
PHÓ TGĐ THƯỜNG TRỰC



Ông **TÔ NGHỊ**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Được bổ nhiệm vào tháng 05/1998, ông Tô Nghị, Thạc sĩ Kinh tế, 55 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông đã gắn bó với Ngân hàng Eximbank từ ngày đầu thành lập Ngân hàng và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 20 năm qua. Ông từng đảm nhiệm các vị trí sau: Trưởng Phòng Kinh Doanh Ngoại Tệ, Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn...

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Ban Tổng Giám Đốc



**Bà NGUYỄN THỊ PHỤNG**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Được bổ nhiệm vào tháng 11/2000, bà Nguyễn Thị Phụng, Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng, 56 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám Đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Với 31 năm trong ngành, bà là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tiền tệ tín dụng, kiểm tra kiểm soát nội bộ và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 13 năm công tác tại Ngân Hàng.

Được bổ nhiệm vào tháng 12/2000, ông Trần Minh Khởi, Cử nhân Kinh tế, 58 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám Đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Với 32 năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng, đặc biệt về lĩnh vực giao dịch ngoại tệ, quản lý ngoại hối, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân Hàng Nhà nước Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Phó Phòng Quản Lý Ngoại Hối, Trưởng Phòng Giao Dịch Ngoại Tệ Liên Ngân Hàng...



**Ông TRẦN MINH KHỞI**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



**Ông ĐÀO HỒNG CHÂU**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Được bổ nhiệm vào tháng 04/2004, ông Đào Hồng Châu, Thạc Sĩ Kinh tế, 42 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám Đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1992 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 18 năm qua. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Phòng rồi Trưởng Phòng Kinh Doanh Ngoại Tệ.



Ông **NGUYỄN QUỐC HƯƠNG**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Được bổ nhiệm vào tháng 02/2006, ông Nguyễn Quốc Hương, Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh, 39 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Tháng 07/2007, ông kiêm thêm vị trí Giám đốc Sở Giao Dịch 1. Ông đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1993 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 17 năm qua. Ông từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó Phòng rồi Trưởng phòng Tín Dụng, Trưởng Phòng Tín Dụng Doanh Nghiệp, Trưởng Phòng Quản Lý Tín Dụng.

Được bổ nhiệm vào tháng 12/2007, bà Đinh Thị Thu Thảo, Thạc Sĩ Kinh Tế, 41 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Bà đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1991 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 19 năm qua. Bà từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó Phòng rồi Trưởng phòng Kế Toán Giao Dịch, Trưởng Phòng Dịch Vụ Khách Hàng Doanh Nghiệp, Phó Giám đốc Sở Giao Dịch 1, Giám đốc Khối Khách Hàng Cá Nhân.



Bà **ĐINH THỊ THU THẢO**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **KENJI KUROKI**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Được bổ nhiệm vào tháng 07/2008, ông Kenji Kuroki, 45 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam kiêm Đồng Trưởng Phòng Liên Minh.

Ông đã gắn bó với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation từ năm 1989. Trước đây ông đã từng đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Cấp cao Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh của Sumitomo Mitsui Banking Corporation từ năm 2005 đến năm 2006.

## Ban Tổng Giám Đốc



Ông **NGUYỄN GIA ĐỊNH**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Được bổ nhiệm vào tháng 11/2008, ông Nguyễn Gia Định, Cử nhân Kinh tế, 52 tuổi, hiện đang là Phó Tổng Giám Đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.

Trước đây, ông đã từng giữ vị trí Tổng Giám Đốc Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2006. Bắt đầu công tác trong ngành Ngân hàng từ năm 1980, ông đã khẳng định năng lực quản lý của mình qua các vị trí như: Giám đốc Chi nhánh, Phó Tổng Giám Đốc, Tổng Giám Đốc một số ngân hàng thương mại.

Được bổ nhiệm vào tháng 12/2003, ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ, Thạc sĩ Kinh tế, 39 tuổi, hiện đang là Kế Toán Trưởng của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

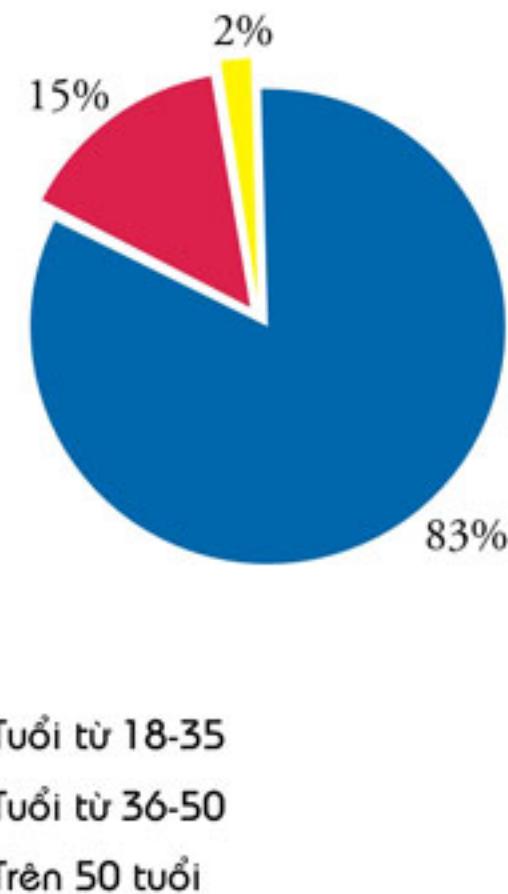
Ông bắt đầu công tác tại Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam từ năm 1993 và đã cống hiến cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 17 năm qua. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Phòng rồi Trưởng Phòng Kế Toán Tổng Hợp.



Ông **NGUYỄN HỒ HOÀNG VŨ**  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

## Quyền lợi Ban Tổng Giám Đốc

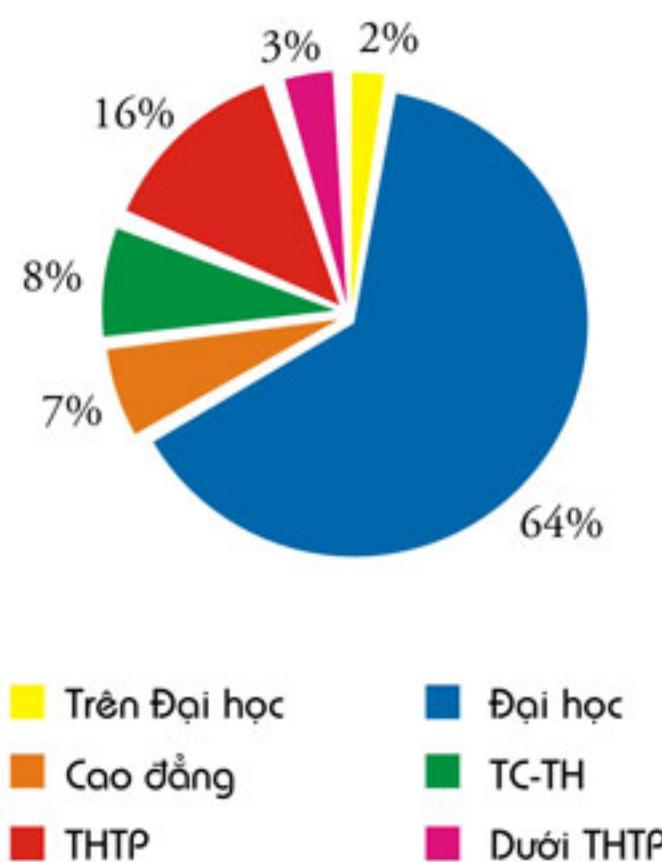
Eximbank áp dụng chính sách lương, thưởng có thể nói là cạnh tranh trên thị trường Tài chính – Ngân hàng dành cho Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành cao cấp xét trên hiệu quả công việc và thành tích của đơn vị. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý điều hành còn nhận được những quyền lợi khác như: được cấp xe công vụ, khám sức khoẻ định kỳ tại bệnh viện công nghệ cao, được khen thưởng đối với các lãnh đạo xuất sắc, được hưởng bảo hiểm tai nạn và các chế độ phúc lợi khác...



## Nhân sự và chính sách nhân sự

### Nhân sự

Tổng số nhân sự của Eximbank tính đến ngày 31/12/2009 là 3.780 người (trong đó có 67 người đang học việc để chuẩn bị cho việc mở rộng và phát triển mạng lưới). Đội ngũ Cán bộ nhân viên của Eximbank đa phần ở độ tuổi trẻ, có bản lĩnh, có nghiệp vụ chuyên môn cao, và có tâm huyết với sự nghiệp phát triển của Ngân hàng. Sức trẻ, tính năng động, sự sáng tạo và nhiệt tình của họ là những điều kiện hết sức thuận lợi cho sự ổn định và phát triển nguồn nhân lực của Eximbank trong tương lai.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Chính sách nhân sự

Để có thể xây dựng được một đội ngũ cán bộ nhân viên mới có năng lực chuyên môn, có tư cách đạo đức và có tâm huyết đối với công việc được giao nhằm phục vụ cho quá trình mở rộng mạng lưới cũng như đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong một môi trường cạnh tranh đầy khốc liệt, Eximbank luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện chính sách quản lý và phát triển nguồn nhân lực. Nhìn chung trong năm 2009 công tác này đã có những bước phát triển tốt, theo đúng định hướng phát triển của Ngân hàng đã được Đại hội cổ đông thông qua.

### Về chính sách đào tạo:

Trong nhiều năm qua, Eximbank luôn chú trọng đến việc xây dựng và thực hiện một chính sách đào tạo phù hợp nhằm thường xuyên cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ nhân viên của mình và qua đó không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ nhân viên.

Eximbank khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn bằng nhiều hình thức khác nhau, cụ thể như: cử cán bộ nhân viên tham gia các Hội thảo trong và ngoài nước, các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn ở các Viện, Trường đại học chuyên ngành trong nước; hỗ trợ học phí và tạo điều kiện về mặt thời gian để cán bộ nhân viên tham dự các khóa Cao học hoặc học thêm văn bằng thứ 2...

Bên cạnh đó, Eximbank còn tự tổ chức đào tạo và đào tạo lại các nghiệp vụ chuyên môn lẫn kỹ năng quản trị ngân hàng cho cán bộ nhân viên. Trong năm 2009, Trung tâm Đào tạo của Ngân hàng đã tổ chức được nhiều khóa học cho các nhân viên tân tuyển và cả các cán bộ quản trị.

### Về chế độ khen thưởng:

Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, đúng người, đúng việc đã kịp thời khuyến khích tinh thần hăng hái thi đua hoàn thành kế hoạch, tinh thần sáng tạo của tập thể, cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của ngân hàng gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của cả cơ quan cũng như khả năng cống hiến của từng cá nhân. Ngoài việc thưởng chung vào các dịp lễ, Tết, kỷ niệm thành lập... các tập thể cá nhân còn được xét thưởng do đạt thành tích xuất sắc vào cuối quý, cuối năm hoặc khen thưởng đột xuất do có sáng kiến, đạt doanh số cao, vượt mức kế hoạch...

### Về chính sách đãi ngộ:

Để duy trì cán bộ, nhân viên giỏi đồng thời thu hút người tài về công tác cho Eximbank, Eximbank thực hiện các chính sách đãi ngộ như: chế độ cho vay ưu đãi; chế độ nghỉ mát năm; tổ chức sinh nhật tập thể hàng tháng; kịp thời thăm hỏi động viên các gia đình

cán bộ, nhân viên có tang quyến, ốm đau, thai sản... Tất cả những điều đó đã tạo cho cán bộ nhân viên một cảm giác thân thiện với môi trường Eximbank, một sự quan tâm chia sẻ từ Eximbank và Eximbank dường như đã trở thành "ngôi nhà thứ 2" của cán bộ nhân viên.

#### Về chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội:

Eximbank luôn quan tâm đến đời sống của người lao động; đáp ứng đầy đủ, kịp thời, thỏa đáng các yêu cầu quyền lợi về việc làm và các chính sách, chế độ cho người lao động. Chính điều này đã tạo được niềm tin và hình ảnh tốt đẹp về Eximbank, làm cho cán bộ nhân

viên ngày càng gắn bó hơn với Eximbank và đồng thời kích thích được lòng say mê công việc của họ.

#### Về công tác Bảo hiểm xã hội:

Trong 4 năm liên tiếp từ 2005 đến 2008, Eximbank đã vinh dự được Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Tp. Hồ Chí Minh trao tặng Giấy khen về thành tích thực hiện chế độ - chính sách cho người lao động. Và đặc biệt trong năm 2009, Eximbank còn được cơ quan Bảo hiểm xã hội Tp. Hồ Chí Minh đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam trao tặng bằng khen về thực hiện chế độ - chính sách cho người lao động.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Thay đổi thành viên Ban Hội Đồng Quản Trị

Ông Naoki Nishizawa

Thành viên HĐQT

Bổ nhiệm ngày 13/01/2009

### Thay đổi thành viên Ban Ban Điều Hành

Trong năm 2009, Eximbank không có thay đổi về thành viên Ban Kiểm Soát

### Thay đổi thành viên Ban Kiểm Soát

Trong năm 2009, Eximbank không có thay đổi về thành viên Ban Điều Hành

### Thay đổi Kế Toán Trưởng

Trong năm 2009, Eximbank không có thay đổi về Kế Toán Trưởng



# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

---



# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

## Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị gồm 11 thành viên: 1 Chủ tịch, 3 Phó chủ tịch, và 7 Ủy viên



Ông **NGUYỄN THÀNH LONG**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm 1951 tại TP. HCM, là Cử nhân kinh tế thương mại. Ông từng là Giám đốc xưởng cơ khí Thành đoàn, Phó giám đốc Nhà Xuất Bản Trẻ thuộc Thành đoàn giai đoạn từ năm 1980-1988. Từ tháng 11/1988 đến nay, ông lần lượt giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao tại Công ty vàng bạc đá quý SJC. Hiện ông đang là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn – SJC, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt.

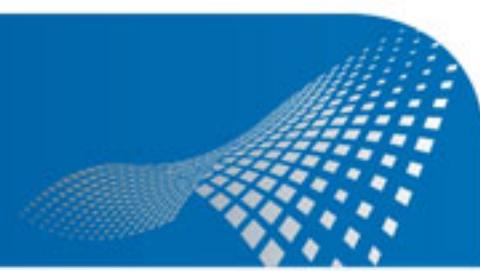
Ông **NGUYỄN VĂN TRŨ**  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT

Sinh năm 1940 tại Tiền Giang, là Cử nhân kinh tế kế hoạch. Ông từng là Trưởng Chi nhánh Ngân hàng Tp. Mỹ Tho, Phó Giám đốc Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) Tiền Giang, Giám đốc Ngân Hàng tỉnh Tiền Giang, Giám đốc Ngân Hàng Khu Vực I, Thành ủy viên-Giám đốc Chi nhánh NHNN TP.HCM...



Bà **LÊ THỊ HOA**  
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Sinh năm 1962 tại TP. Vinh-Nghệ An, là Thạc Sĩ Tài chính – ngân hàng. Bà từng giảng dạy tại trường Nghiệp vụ ngân hàng Nghệ An và tham gia công tác tại NHNN Nghệ An, Ngân hàng Ngoại Thương chi nhánh Vinh. Hiện bà đang là Ủy viên HĐQT Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam



**Ông PHẠM HỮU PHÚ**  
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Sinh năm 1959 tại Huế, là Cử nhân kinh tế. Từ năm 1999 đến năm 2004, ông là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Định. Hiện ông đang là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư tài chính Sài Gòn – Á Châu, Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý quỹ Việt Long, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt.

**Ông VÕ TẤN PHONG**  
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HĐQT

Sinh năm 1955 tại TP. HCM, là Tiến sĩ Kinh tế, Kỹ sư cơ khí. Ông hiện là Phó Giám đốc Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC; Chủ tịch HĐQT Công ty Thương mại, Dịch vụ và Công nghiệp PETEC; ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long); Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Ngoại thương và Phát triển đầu tư TP.HCM (FIDECO)



**Ông HÀ THANH HÙNG**  
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HĐQT

Sinh năm 1955 tại Tiền Giang, là Kỹ sư Điện tử, Cử nhân Kinh tế. Ông từng là Trưởng phòng Kỹ thuật Đài tiếng nói Nhân dân TP.HCM, Phó Giám đốc Sở Công Nghiệp TP.HCM, Giám đốc Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu TIE... Hiện ông đang là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sóng Việt.

# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

## Hội Đồng Quản Trị



Ông **NGUYỄN HỮU THỌ**  
ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1951 tại Bình Định, là Kỹ sư Điện. Ông từng là Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện kiêm Bí thư Đảng ủy Xí nghiệp Liên Hiệp Điện cơ. Sau đó, ông chuyển sang công tác tại Công ty Du lịch TP.HCM. Hiện ông đang là Tổng giám đốc Tổng công ty Du lịch Sài Gòn.

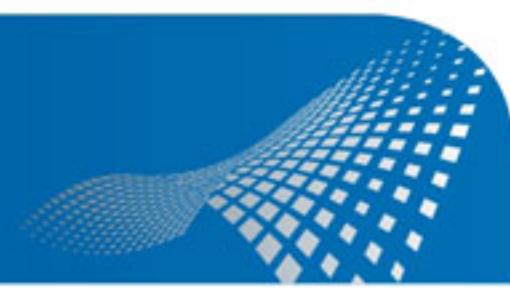
Ông **NGUYỄN BỐN**  
ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1953 tại Đà Nẵng, là Cử nhân Chính trị. Ông từng là Chánh văn phòng Ban Tài chính Quản Trị Tỉnh ủy Quảng Nam-Đà Nẵng; Chánh Văn Phòng, Phó Trưởng Ban Tài chính Quản Trị Thành ủy Đà Nẵng. Hiện ông đang là Phó Chánh Văn Phòng Thành ủy Đà Nẵng, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khách sạn Saigon Tourane, Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Imperial Vina Đà Nẵng.



Ông **HOÀNG TUẤN KHẢI**  
ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1962 tại Thanh Hóa. Ông đã tốt nghiệp Đại học Ngoại Thương – Khoa Kinh Tế Ngoại Thương. Hiện ông đang là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp I Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bất động sản Tổng Hợp I, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần khoáng sản Mai Linh – Quảng Ngãi.



**Ông NGUYỄN QUANG THÔNG**  
ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1963 tại Kiên Giang, là Cử nhân Kinh tế. Ông từng là thành viên Ban Kiểm Soát Eximbank, Phó chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long... Hiện ông đang là thành viên HĐQT công ty cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng, thành viên HĐQT công ty cổ phần Bất động sản Eximland.

**Ông NAOKI NISHIZAWA**  
ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1957, quốc tịch Nhật Bản, là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật. Ông là đại diện đối tác chiến lược Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam. Ông từng là Phó chủ tịch điều hành của ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Nhật Bản.



# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

## Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Hiện nay, trực thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm một số uỷ ban như Uỷ ban nhân sự; Uỷ ban quản lý rủi ro, Uỷ ban chiến lược... Trong năm 2009, các uỷ ban này đã có những đóng góp rất có hiệu quả cho công tác quản trị của HĐQT, cụ thể:

Uỷ ban nhân sự đã theo dõi, báo cáo và đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh cho Hội đồng quản trị trong quá trình bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành, giám đốc công ty con; tham gia xây dựng qui định nội bộ về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành; tham gia xây dựng chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và các chức danh quản lý khác của Eximbank, và giám sát quá trình thực thi các chính sách này phù hợp với các qui định của pháp luật cũng như Điều lệ Eximbank; đồng thời đánh giá năng lực quản trị, kiểm soát, điều hành của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và các chức danh quản lý khác Eximbank; trên cơ sở đó khuyến nghị việc thay

đổi, phân công, cơ cấu lại trong các cơ quan này để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định hoặc báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

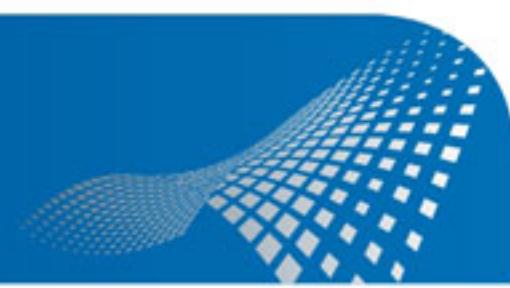
Uỷ ban quản lý rủi ro đã giúp HĐQT xây dựng các quy trình, chính sách quản lý rủi ro liên quan đến mọi hoạt động của Eximbank theo quy định của pháp luật và điều lệ Eximbank thông qua việc thiết lập và tuân thủ các chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro; xây dựng các chính sách đánh giá chất lượng tài sản Có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; xây dựng và hoàn thiện các chính sách và qui trình để nhận biết, giám sát và quản lý rủi ro quốc gia và rủi ro chuyển đổi trong hoạt động cho vay và đầu tư quốc tế (nếu có hoạt động cho vay và đầu tư nước ngoài); Bên cạnh đó, Ủy ban quản lý rủi ro còn xây dựng hệ thống cho phép đo lường, giám sát và kiểm soát toàn diện rủi ro; chính sách quản lý thanh khoản, trong đó trình bày rõ các thủ tục và các giới hạn thanh khoản...

Uỷ ban chiến lược tham mưu và tư vấn cho HĐQT về định hướng phát triển, xây dựng và hoạch định chiến lược, chính sách kinh doanh của Ngân hàng

### Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Hội Đồng Quản Trị

Hàng năm, Đại hội cổ đông thường niên đều thông qua tổng mức thù lao, lương và phụ cấp chuyên trách và thưởng cho HĐQT (khoảng 1% lợi nhuận sau thuế). Trong năm 2009, HĐQT Eximbank đã cố gắng thực hiện kế hoạch Đại Hội Cổ Đông thông qua. Trong những thành quả gặt hái được có sự đóng góp rất lớn của HĐQT trong công tác quản trị.

Tuy nhiên với tinh thần trách nhiệm và ý thức tiết kiệm, tổng mức thực chi lương, thù lao và thưởng nâng suất hiệu quả của HĐQT trong các năm trong nhiệm kỳ đều thấp hơn mức thù lao đã được đại hội cổ đông thông qua.



## Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát có 3 thành viên gồm: 1 Trưởng ban, và 2 Ủy viên



### Ông **TRỊNH CÔNG LÝ**

#### TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm 1943 tại Cà Mau, ông đã tốt nghiệp Đại học Quản lý Kinh tế, nghiệp vụ Quản lý Nhà nước và Nghiệp vụ thanh tra. Ông từng là Trợ lý Thứ trưởng Bộ Lương thực phía Nam, Bí thư chi bộ, Phó ban thanh tra Sở Lương thực; Trưởng phòng Lương thực Quận 10; Phó Tổng giám đốc thứ nhất Công ty liên doanh Phú Mỹ Hưng, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty liên doanh Phú Mỹ Hưng.

### Ông **ĐẶNG HỮU TIẾN**

#### ỦY VIÊN

Sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế Kế hoạch, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương. Ông từng là Phó phòng Tín Dụng Ngân hàng TMCP Đại Nam.



### Ông **NGUYỄN BÌNH QUÍ**

#### ỦY VIÊN

Sinh năm 1972, ông đã tốt nghiệp Thạc Sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng. Ông từng là Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kinh doanh ngoại tệ chi nhánh Eximbank Chợ Lớn; Phó giám đốc chi nhánh Eximbank Hòa Bình

# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

## Hoạt động của Ban Kiểm Soát

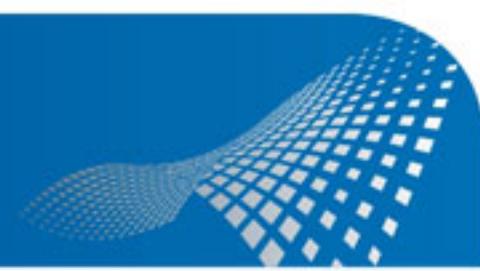
Trong năm 2009, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng trong quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh ngân hàng; xem xét lại Quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

Ban kiểm soát đã tập trung vào công tác quản lý rủi ro ở tất cả các lĩnh vực hoạt động trong toàn hệ thống của ngân hàng góp phần nâng cao chất lượng hoạt động; đồng thời với chức năng kiểm tra giám sát và đánh giá toàn diện hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ của ngân hàng đã thực sự phát huy được hiệu lực, hiệu quả mặc dù chưa đạt đến mức hoàn hảo như mong muốn. Cụ thể:

Ban kiểm soát đã chỉ đạo sát sao Ban kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán định kỳ theo kế hoạch đề ra; qua đó đã nhận xét, đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của các nghiệp vụ và các bộ phận được kiểm toán; đồng thời đưa ra các khuyến nghị khắc phục, chỉnh sửa vừa đảm bảo tính tuân thủ các quy trình quy chế nội bộ của ngân hàng, các quy định của pháp luật vừa ngăn ngừa các rủi ro tiềm ẩn qua việc kiểm toán. Do hiện nay, dư nợ tín dụng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản có sinh lời của ngân hàng nên Ban kiểm soát đã tập trung kiểm toán chuyên sâu công tác tín dụng, chính sách tín dụng nội bộ đã phát hiện những tồn tại nhất định; đồng thời khuyến nghị các đơn vị được kiểm toán khắc phục, chỉnh sửa đầy đủ, kịp thời nhằm giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng.

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng (hoặc đột xuất) Ban kiểm soát đã phối kết hợp với Ban kiểm toán nội bộ thực hiện thẩm định, thu thập thông tin, phân tích đánh giá các lĩnh vực liên quan đến hoạt động kinh doanh ngân hàng, kiến nghị Ban điều hành thuê các chuyên gia độc lập kiểm toán các lĩnh vực đặc thù như hệ thống công nghệ thông tin, xây dựng cơ bản và các lĩnh vực khác mà nhận thấy có khả năng dẫn đến tổn thất, rủi ro cho ngân hàng. Đặc biệt, khi kết thúc năm tài chính, Ban kiểm soát đều tiến hành thẩm định báo cáo tài chính của ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trước khi trình các báo cáo, kết luận và khuyến nghị lên Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng.

Bên cạnh việc chỉ đạo Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát đã tích cực tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành (định kỳ hàng tháng và đột xuất), hội nghị chuyên đề,... Ban kiểm soát đã giám sát, đưa ra những nhận xét và khuyến nghị trong hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính ngân hàng; Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị về các vấn đề thảo luận tại các phiên họp Hội đồng quản trị; kịp thời báo cáo và đưa ra các khuyến nghị Hội đồng quản trị về những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động ngân hàng; thực hiện kiểm tra, giám sát các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.



Từ kết quả kiểm tra giám sát nêu trên, Ban kiểm soát phân tích tình hình tài chính, đánh giá kết quả hoạt động của ngân hàng. Ban kiểm soát đã thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị và Ban điều hành về tình hình hoạt động kèm theo các nhận xét, tham vấn, khuyến nghị những vấn đề đáng quan tâm cũng như tình hình khắc phục, chỉnh sửa những tồn tại nhằm ngăn ngừa rủi ro để hoạt động của ngân hàng ngày một an toàn và hiệu quả hơn.

Ngoài ra, Ban kiểm soát đã làm việc, tiếp xúc, trao đổi và ghi nhận các khuyến nghị tại các đợt kiểm toán,

thanh tra, kiểm tra của các cơ quan hữu quan như: Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính,... tại Eximbank.

Bên cạnh những kết quả đạt được, mặc dù hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của ngân hàng được thiết lập khá đầy đủ, tuy nhiên trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi nhanh và phức tạp luôn tiềm ẩn những rủi ro ngoài tầm kiểm soát cũng như những sai phạm xuất phát từ đạo đức kinh doanh của một vài cá nhân cán bộ quản lý ngân hàng thì đây thực sự là những tồn tại mà Ban kiểm soát cần phải quan tâm, cảnh giác nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

### Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Ban Kiểm Soát

Hàng năm, Đại hội cổ đông thường niên đều thông qua tổng mức thù lao, lương và phụ cấp chuyên trách và thưởng cho Ban Kiểm Soát (khoảng 1% lợi nhuận sau thuế). Trong năm 2009, Ban Kiểm Soát Eximbank đã cố gắng thực hiện kế hoạch đại hội cổ đông thông qua. Trong những thành quả đã gặt hái được có sự

đóng góp không nhỏ của Ban Kiểm Soát trong công tác quản trị. Tuy nhiên với tinh thần trách nhiệm và ý thức tiết kiệm, tổng mức thực chi lương, thù lao và thưởng năng suất hiệu quả của Ban Kiểm Soát trong các năm trong nhiệm kỳ đều thấp hơn mức thù lao đã được đại hội cổ đông thông qua.

## THÔNG TIN CÔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Các hoạt động nhằm tăng cường hiệu quả trong quản trị công ty

Trên cơ sở phân công phân nhiệm cho từng thành viên, Chủ tịch, các Phó chủ tịch và từng thành viên Hội đồng Quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực triển khai công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong năm 2009. Hội đồng Quản trị đã tổ chức trung bình 1 cuộc họp mỗi tháng và hàng tuần Thường trực Hội đồng Quản trị có ít nhất một cuộc họp với Tổng Giám đốc để xem xét, đánh giá hoạt động của Ngân hàng, kịp thời đưa ra những nghị quyết, quyết định chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch hàng năm và kết quả là Ngân hàng đã đạt được một số kết quả tương đối khả quan. Các chỉ tiêu lớn trong kế hoạch 2009 như tổng nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư, tổng tài sản, tổng dư nợ cho vay cũng như các chỉ tiêu khác đều hoàn thành kế hoạch ở mức khá cao.

Thông qua hoạt động giám sát, Ban kiểm soát cung cấp cho Hội đồng quản trị những đánh giá về tình hình hoạt động ngân hàng từ kết quả kiểm tra giám sát của

mình. Ban kiểm soát bên cạnh việc giữ mối quan hệ phối hợp làm việc và hỗ trợ hợp tác với Hội đồng quản trị vẫn duy trì chức năng độc lập của mình trong việc kiểm soát những vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính của ngân hàng. Trong năm 2009, Ban kiểm soát đã có những kiến nghị có hiệu quả với Hội đồng quản trị về những chủ trương, nghị quyết của Hội đồng quản trị để các chủ trương và nghị quyết này phù hợp với pháp luật và giám sát triển khai hiệu quả đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Bên cạnh đó, trong nỗ lực nhằm tăng cường hơn nữa hiệu quả quản trị doanh nghiệp, Eximbank đã xây dựng Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (được ban hành kèm theo Quyết định số 12 ngày 13/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). Eximbank cũng đã xây dựng các uỷ ban như Uỷ ban nhân sự, Uỷ ban quản trị rủi ro theo yêu cầu nghị định 59, v.v.



## Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần

### Thành viên hội đồng quản trị

STT	Tên	Đại diện	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	<b>Công ty Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn</b>	Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	18.247.924	2,07
02	<b>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam</b>	Bà Lê Thị Hoa	Phó Chủ tịch	77.111.917	8,76
03	<b>Ngân hàng TMCP Á Châu</b>	Ông Nguyễn Văn Trữ	Phó Chủ tịch	9.142.758	1,04
04	<b>Công ty CP Đầu tư Tài chính Sài Gòn-Á Châu</b>	Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	4.866.158	0,55
05	<b>Công ty PETEC</b>	Ông Võ Tấn Phong	Ủy viên TT	6.442.622	0,73
06	<b>Công ty TIE</b>	Ông Hà Thanh Hùng	Ủy viên TT	797.741	0,09
07	<b>Tổng công ty Du lịch Sài Gòn</b>	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Ủy viên	7.323.965	0,83
08	<b>Công ty CP XNK Tổng Hợp I Việt Nam</b>	Ông Hoàng Tuấn Khải	Ủy viên	11.000.000	1,25
09	<b>Sumitomo Mitsui Banking Corporation</b>	Ông Naoki Nishizawa	Ủy viên	132.001.200	15,00
10	<b>Văn Phòng Thành Ủy Đà Nẵng</b>	Ông Nguyễn Bốn	Ủy viên	7.650.867	0,87
11	<b>Ông Nguyễn Quang Thông</b>	Cá nhân	Ủy viên	108.771	0,01

### Thành viên Ban Kiểm Soát

STT	Tên	Đại diện	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	<b>Trịnh Công Lý</b>	Cá nhân	Trưởng BKS	61.000	0,0069
02	<b>Đặng Hữu Tiến</b>	Cá nhân	Ủy viên	60.000	0,0068
03	<b>Nguyễn Bình Quí</b>	Cá nhân	Ủy viên	14.167	0,0016

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

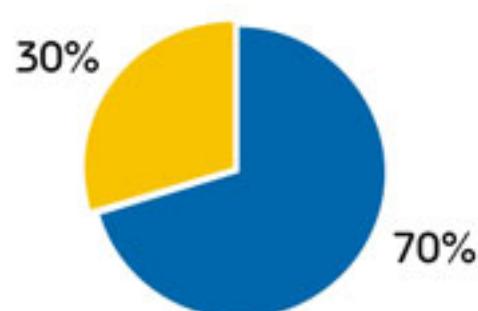
**Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Eximbank của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm Soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm Soát và những người liên quan.**

Trong năm 2009, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu EIB của thành viên Hội đồng quản trị Eximbank là không có, tổ chức có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị (02 tổ chức) đã mua thêm, cụ thể là:

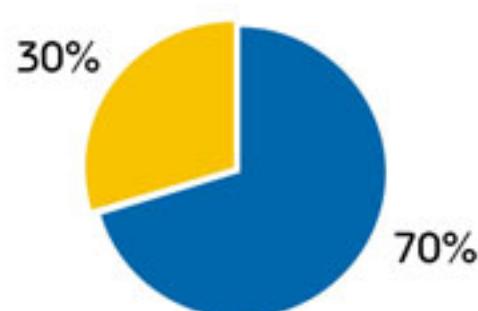
	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu
Mua	2	3.025.000
Bán		
Cộng		<b>3.025.000</b>

### Các dữ liệu thống kê về cổ đông

(tính trên số lượng cổ phần được niêm yết lần đầu 876.226.900 cổ phần)



■ Cổ đông nước ngoài  
■ Cổ đông trong nước



■ Thể nhân  
■ Pháp nhân

## Cổ đông trong nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước.

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
Pháp nhân	255	349.947.567	40%
Thể nhân	26.107	263.439.273	30%
Cộng	26.362	613.386.840	70%

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ liên lạc	Ngành hoạt động	Số lượng CP
01	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</b>	198 Trần Quang Khải – Hà Nội	Ngân hàng	77.111.917

## Cổ đông nước ngoài

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước.

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
Pháp nhân	55	261.917.190	29.89%
Thể nhân	125	922.870	0.11%
Cộng	180	262.840.060	30%

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ liên lạc	Ngành hoạt động	Số lượng CP
01	<b>Sumitomo Mitsui Banking Corporation</b>	1-2 Yurakucho 1- Chome, Chiyoda-Ku, Tokyo 100-006, Japan.	Ngân hàng	132.612.219 (bao gồm 611.019 cổ phần vượt tỷ lệ qui định 15%)
02	<b>VOF Investment Limited</b>	1703 Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM.		44.204.073 (bao gồm 203.673 cổ phần vượt tỷ lệ qui định 5%)





MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

---



# MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

## CHI NHÁNH EXIMBANK HÀ NỘI

19 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3824 2306 Fax: (04) 3826 7798

## Phòng Giao Dịch Nguyễn Du

Tầng 3 tòa nhà số 59, , Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3944 8237 Fax: (04) 3944 8239

## Phòng Giao Dịch Bạch Mai

Số 348 Phố Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3627 4980 Fax: (04) 3627 4979

## Phòng Giao Dịch Hàng Than

Số 18 Phố Hàng Than, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3927 4349 Fax: (04) 3927 4350

## Phòng Giao dịch Xuân Diệu

05 Xuân Diệu, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3719 0692 Fax: (04) 3719 0693

## Phòng Giao dịch Tây Hồ

509B Lạc Long Quân, Phường Quảng An, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3758 8035 Fax: (04) 3758 8025

## Phòng Giao dịch Phố Vọng

130 Phố Vọng, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3628 8730 Fax: (04) 3628 8729

## Phòng Giao dịch Lý Thường Kiệt

30 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3938 6994 Fax: (04) 39386 995

## Phòng Giao dịch Bà Triệu

74 Phố Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3278 0015 Fax: (04) 3278 0016

## CHI NHÁNH EXIMBANK LÁNG HẠ

60 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội  
Tel: (04) 3776 3998 Fax: (04) 3776 3989

## Phòng Giao Dịch Mỹ Đình

P.GBLK A6 Lầu 1 The Manor, Mỹ Đình, Từ Liêm, HN  
Tel: (04) 3794 0146 Fax: (04) 3794 0145

## PGD Hàng Bông

169-171 Hàng Bông, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (04) 3928 9945 Fax: (04) 3928 9943

## Phòng Giao dịch Trung Yên

Số 1 lô 12B Khu ĐTM Trung Yên, Q.Cầu Giấy, Tp.HN  
Tel: (04) 3786 8516 Fax: (04) 3786 8517

## Phòng Giao dịch Trung Hòa

B30 Nguyễn Thị Định, KĐT Trung Hòa- Nhân Chính, HN  
Tel: (04) 6251 1795 Fax: (04) 6251 1749

## Phòng Giao dịch Trần Duy Hưng

83 Trần Duy Hưng, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy ,TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3556 1970 Fax: (04) 3556 1971

## Phòng Giao dịch Cửa Đông

Số 1, Đường Thành, P. Cửa Đông, Q.Hoàn Kiếm, TP.HN  
Tel: (04) 3923 3681 Fax: (04) 3923 3680

## Phòng Giao dịch Thăng Long

Trung tâm công nghệ, KCN Thăng Long, Đông Anh, HN  
Tel: (04) 3959 0175 Fax: (04) 3959 0177

## CHI NHÁNH EXIMBANK HAI BÀ TRƯNG

439 Trần Khát Chân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (04) 3627 4490 Fax: (04) 3627 4495

## Phòng Giao dịch Tây Sơn

108 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội  
Tel: (04) 35334 628 Fax: (04) 35334 638

## CHI NHÁNH EXIMBANK LONG BIÊN

558 Nguyễn Văn Cừ, P. Gia Thụy, Q.Long Biên, Hà Nội  
Tel: (04) 3877 9108 Fax: (04) 3877 9111

## Phòng Giao dịch Đồng Xuân

84 Phố Hàng Chiếu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3929 0250 Fax: (04) 39290 254

## Phòng Giao dịch Nguyễn Thái Học

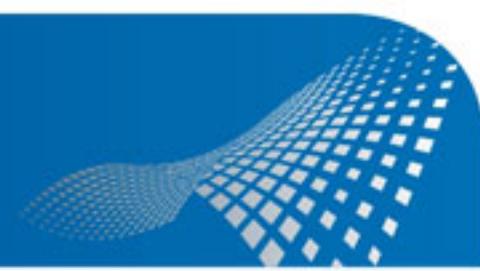
121 Phố Nguyễn Thái Học, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 37478 940 Fax: (04) 37478 941

## CHI NHÁNH ĐỐNG ĐA

90 Đường Láng, P.Thịnh Quang, Q.Đống Đa, Hà Nội  
ĐT: (04) 3573 7732 Fax: (04).35737734

## Phòng Giao dịch Kim Liên

Tổ 27, P.Phương Liên, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 3573 7736 Fax: (04) 3573 8201



**Phòng Giao Dịch Trần Đăng Ninh**  
58 Phố Trần Đăng Ninh, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 37931 873 Fax: (04) 37931 630

**Phòng Giao Dịch Hà Đông**  
24 Quang Trung, Hà Đông, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 63250 172 Fax: (04) 63250 180

**Phòng Giao Dịch Đồng Tâm**  
110 A13 Trần Đại Nghĩa, Q. Hai Bà Trưng, TP.HN  
Tel: (04) 36284 701 Fax: (04) 36284 715

**CHI NHÁNH EXIMBANK CẦU GIẤY**  
136 Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: (04) 37557 841 Fax: (04) 37557 535

**CHI NHÁNH EXIMBANK HẢI PHÒNG**  
32 Trần Phú, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, HP  
Tel: (031) 3757 578 Fax: (031) 375 7571

**Phòng Giao Dịch Trần Nguyên Hãn**  
274 Trần Nguyên Hãn, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng  
Tel: (031) 378 6963 Fax: (031) 378 6965

**Phòng Giao Dịch Lạch Tray**  
265 Lạch Tray, Ngô Quyền, TP.Hải Phòng  
Tel: (031) 3653 596 Fax: (031) 3653 586

**Phòng Giao Dịch Tô Hiệu**  
172 Tô Hiệu, Lê Chân, TP. Hải Phòng  
Tel: (031) 3611 996 Fax: (031) 3611 995

**CHI NHÁNH EXIMBANK QUẢNG NINH**  
30 Phố Kim Hoàn, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh  
Tel: (033) 3518 585 Fax: (033) 3518 586

**Phòng Giao Dịch Cẩm Phả**  
114 Trần Phú, tổ 30b, TX Cẩm Phả, Quảng Ninh  
Tel: (033) 3962 828 Fax: (033) 3962 828

**CHI NHÁNH EXIMBANK VINH**  
99 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An  
Tel: (038) 3585 717 Fax: (038) 3585 722

**Phòng Giao Dịch Nam Vinh**  
343 Lê Duẩn, P.Trung Đô, Tp. Vinh , tỉnh Nghệ An  
Tel: (038) 3585 717 Fax: (038) 3552 468

**Phòng Giao Dịch Bắc Vinh**  
150 Nguyễn Trãi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An  
Tel: (038) 3513 537 Fax: (038) 3513 536

**CHI NHÁNH EXIMBANK QUẢNG NGÃI**  
35A -35B Hùng Vương, TP.Quảng Ngãi, T.Quảng Ngãi  
Tel: (055) 3713 318 Fax: (055) 3713 319

**Phòng Giao Dịch Trần Phú**  
136 Đại lộ Hùng Vương, P.Truyền Phú, TP.Quảng Ngãi  
Tel: (055) 3714 173 Fax: (055) 3714 172

**CHI NHÁNH EXIMBANK ĐÀ NẴNG**  
48 Trần Phú, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3830 889 Fax: (0511) 3826 674

**Phòng Giao Dịch Hải Châu**  
482 Hoàng Diệu, Q.Hải Châu - TP.Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3552 710 Fax: (0511) 3552 709

**Phòng Giao Dịch Thanh Khê**  
276 Lê Duẩn, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3751 736 Fax: (0511) 3751 735

**Phòng Giao Dịch Hàm Nghi**  
90 Hàm Nghi, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3653892 Fax: (0511) 3653 891

**Phòng Giao Dịch Sơn Trà**  
410 Ngô Quyền, P.An Hải Bắc, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3937 066 Fax: (0511) 3937 067

**CHI NHÁNH EXIMBANK HÙNG VƯƠNG**  
205 Phan Châu Trinh, P. Phước Ninh, TP. Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3565 347 Fax: (0511) 3866 596

**Phòng Giao Dịch Điện Biên Phủ**  
435 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3720 474 Fax: (0511) 3720 473

**Phòng Giao Dịch Chợ Cồn**  
276 Hùng Vương, P.Hải Châu, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3826 637 Fax: (0511) 3565 358

**Phòng Giao Dịch Hòa Cường**  
167 Đường 2/9, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng  
Tel: (0511) 3621 701 Fax: (0511) 3621 703

# MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

## CHI NHÁNH EXIMBANK NHA TRANG

63 Yersin, P.Phương Sài, TP. Nha Trang  
Tel: (058) 3819 611 Fax: (058) 3826 715

### Phòng Giao dịch Quang Trung

61A Quang Trung, P. Lộ Thợ, TP Nha Trang  
Tel: (058) 3528 075 Fax: (058) 3528 068

### Phòng Giao dịch Phú Thạnh

Tổ 8, Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh, TP. Nha Trang  
Tel: (058) 3895 595 Fax: (058) 3895 596

### Phòng Giao dịch Lê Hồng Phong

584A Lê Hồng Phong, Tp.Nha Trang  
Tel: (058) 3889 919 Fax: (058) 3888 299

## CHI NHÁNH EXIMBANK BUÔN MA THUỘT

114-116 Phan Bội Châu, P.Thống Nhất, TP.BMT,  
Tel: (0500) 6250 404 Fax: (0500) 6250 411

### Phòng Giao Dịch Buôn Hồ

327 Hùng Vương, TX Buôn Hồ, tỉnh Đắc Lắc  
Tel: (0500) 3571507 Fax: (0500) 3571506

## CHI NHÁNH EXIMBANK ĐÀ LẠT

2D-2D/1-2E Nguyễn Văn Trỗi, P.1, TP.Đà Lạt, Lâm Đồng  
Tel: (063) 3522 111 Fax: (063) 3522 115

### Phòng Giao Dịch Đức Trọng

651 Quốc lộ 20, TT.Liên Nghĩa, H.Đức Trọng, Lâm Đồng  
Tel: (063) 3651 111 Fax: (063) 3651 115

## CHI NHÁNH EXIMBANK ĐỒNG NAI

881 Quốc lộ 15, P.Tam Hiệp, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
Tel: (0613) 3915 185 Fax: (0613). 3915187

### Phòng Giao dịch Long Thành

QL 51A, Tổ 7, KP.Phuộc Hải, H.Long Thành, T.Đồng Nai  
ĐT: (0613) 3501 777 Fax: (0613) 3501 780

### Phòng Giao dịch Trảng Bom

202 Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Thống Nhất, Đồng Nai  
ĐT: (0613) 8971 678 Fax: (0613) 8971 677

### Phòng Giao dịch Long Khánh

245 Hùng Vương, KP5, TX Long Khánh, Đồng Nai  
ĐT: (0613) 3647990 Fax: (061) 3647456

## CHI NHÁNH EXIMBANK BÌNH DƯƠNG

244 ĐL Bình Dương, TX.Thủ Dầu 1, Bình Dương  
Tel: (0650) 3872 468 Fax: (0650) 3872 460

### Phòng Giao dịch Chợ Đinh

231 Yersin, P.Hiệp Thành, TX.Thủ Dầu Một, T.Bình Dương  
Tel: (0650) 3872467 Fax : (0650) 3872 464

### Phòng Giao dịch Dĩ An

3/21 Trần Hưng Đạo, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương  
Tel: (0650) 3736 968 Fax : (0650) 3736 967

### Phòng Giao dịch Mỹ Phước

C4-Ô16 khu I Đường DA1-1– Rupby Land, tỉnh Bình Dương  
Tel: (0650) 3556 245 Fax : (0650) 3556 246

## CHI NHÁNH EXIMBANK BÀ RỊA

112-114 Bạch Đằng, P.Phước Trung, TX.Bà Rịa, T.BR-VT  
Tel: (064) 3717 531 Fax: (064) 3717 536

### Phòng Giao dịch Tân Thành

Đường 46, TT Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh BR-VT  
Tel: (064) 3876 974 Fax : (064) 3876 976

### Phòng Giao dịch Nguyễn An Ninh

513 Nguyễn An Ninh, TP.Vũng Tỉnh BR-VT  
Tel: (064) 3584 433 Fax : (064) 3584 435

### Phòng Giao dịch Phước Tỉnh

286 (T17) - tổ 8 ấp Tân Phước, Long Điền, BR-VT  
Tel: (064) 3673 738 Fax : (064) 3673 737

## SỞ GIAO DỊCH

28-30 Huỳnh Thúc Kháng, P.Bến Nghé, Q1, TP.HCM  
Tel: (08) 3914 3152 Fax: (08) 3914 3150

### Phòng giao dịch Cống Quỳnh

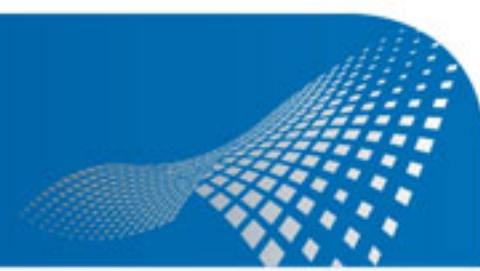
102A-B Cống Quỳnh, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM  
Tel: (08) 3920 8924 Fax: (08) 3920 8922

### Phòng giao dịch Nguyễn Trãi

982-984-986A Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5, TP.HCM  
Tel: (08) 5405 2577 Fax: (08) 5405 2576

### Phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ

115 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q 1, TP.HCM  
Tel: (08) 3915 1856 Fax: (08) 3915 1866



**Phòng giao dịch Kim Eng**  
255 Trần Hưng Đạo, P.Nguyễn Cư Trinh, Quận 1  
Tel: (08) 3838 9114 Fax: (08) 3838 9113

**Phòng giao dịch Nguyễn Cư Trinh**  
212 Trần Hưng Đạo, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.01, TP.HCM  
Tel: (08) 5404 3380 Fax: (08) 5404 3381

**Phòng giao dịch Thanh Đa**  
629-631 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM  
Tel: (08) 5445 3380 Fax: (08) 5445 3384

**CHI NHÁNH EXIMBANK SÀI GÒN**  
28-30 Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP.HCM  
Tel: (08) 39143 152 Fax: (08) 39143 150

**Phòng giao dịch Võ Văn Tần**  
365 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, TP. HCM  
Tel: (08) 3818 1345 Fax: (08) 3818 1346

**Phòng Giao dịch Tú Xương**  
8 Tú Xương, Phường 6, Quận 3, TP.HCM  
Tel: (08) 3932 2966 Fax: (08) 3932 2966

**Phòng Giao dịch Rồng Việt**  
147-149 Võ Văn Tần, Quận 3, TP. HCM  
Tel: (08) 6299 2107 Fax: (08) 6299 2106

**Phòng Giao Dịch Nguyễn Huệ**  
72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM  
Tel: (08) 3825 1335 Fax: (08) 3825 1336

**Phòng Giao Dịch Trường Sơn**  
39B Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM  
Tel: (08) 3547 0768 Fax: (08) 3547 0872

**CHI NHÁNH EXIMBANK CHỢ LỚN**  
55 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP.HCM  
Tel: (08) 3832 1220 Fax: (08) 3832 1230

**Phòng Giao Dịch Quận 6**  
41 Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, TP.HCM  
Tel: (08) 3969 1638 Fax: (08) 3960 6947

**Phòng Giao Dịch Kim Biên**  
161 Hải Thương Lân Ông, P.13, Q.5, TP.HCM  
Tel: (08) 3854 7388 Fax: (08) 3854 7381

**Phòng Giao Dịch Phú Thọ**  
286 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Tel: (08) 3866 9620 Fax: (08) 3866 9622

**Phòng Giao Dịch Hồng Bàng**  
258 Hồng Bàng, Phường 15, Quận 5, Tp.HCM  
Tel: (08) 39560 814 Fax: (08) 38556 333

**Phòng Giao Dịch Hưng Đạo**  
466 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, TP.HCM  
Tel: (08) 39244 885 Fax: (08) 39244 889

**Phòng Giao Dịch An Đông**  
265 Trần Phú, Phường 8, Quận 5, TP.HCM  
Tel: (08) 3924 5863 Fax: (08) 3838 2553

**Phòng Giao Dịch Quận 8**  
390-392 Phạm Hùng, Phường 5, Quận 8, TP.HCM  
Tel: (08) 38523 290 Fax: (08) 38523 295

**CHI NHÁNH EXIMBANK TÂN ĐỊNH**  
48-50 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Quận1, TP.HCM  
Tel: (08) 38205 305 Fax: (08) 38205 301

**Phòng Giao Dịch Hồ Văn Huê**  
164 Hồ Văn Huê, Phường 9, Q.Phú Nhuận, TP.HCM  
Tel: (08) 39971 209 Fax: (08) 39973 758

**Phòng Giao dịch Trần Quang Khải**  
78 Trần Quang Khải, Quận 1, TP. HCM  
Tel: (08) 3526 5484 Fax: (08) 3526 5482

**Phòng Giao dịch Gò Vấp**  
138 - 140 Đường Nguyễn Oanh, P.7, Q.Gò Vấp, TP.HCM  
Tel: (08) 3989 6483 Fax: (08) 3989 6485

**Phòng Giao dịch Phan Đình Phùng**  
130 Phan Đình Phùng, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM  
Tel: (08) 3995 6925 Fax: (08) 3989 6485

**CHI NHÁNH EXIMBANK HÒA BÌNH**  
78 Nguyễn Trãi, Phường 3, Quận 5, TP.HCM  
Tel: (08) 3924 5802 Fax: (08) 3924 5812

**Phòng Giao dịch Kỳ Hòa**  
773 Lê Hồng Phong nối dài, P.12, Quận 10, TP. HCM  
Tel: (08) 38680398 Fax: (08) 38680397

## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

**Phòng Giao Dịch Đồng Khánh**  
32 Trần Hưng Đạo, P.7, Q.5, TP.HCM  
ĐT: (08) 3924 4782 Fax: (08) 3924 4783

**CHI NHÁNH EXIMBANK QUẬN 10**  
392-394 Đường 3 tháng 2 Phường 12, Q.10, TP.HCM  
Tel: (08) 3868 1860 Fax: (08) 3868 1863

**Phòng Giao dịch Ba Tháng Hai**  
727 Đường 3/2, P.6, Quận 10, TP.HCM  
ĐT: (08) 3957 1480 Fax: (08) 3855 5477

**Phòng Giao dịch Vạn Hạnh**  
373 Sư Vạn Hạnh (Nối dài), P.12, Quận 10, TP.HCM  
Tel: (08) 3868 0020 Fax: (08) 3865 9212

**Phòng Giao Dịch Bàn Cờ**  
619 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Q.3, TP.HCM  
Tel: (08) 3833 3424 Fax: (08) 3833 3427

**Phòng Giao Dịch Lê Văn Sỹ**  
213 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Q.3, TP.HCM  
Tel: (08) 3526 4448 Fax: (08) 3526 4448

**CHI NHÁNH EXIMBANK QUẬN 11**  
31-33-27/1 Âu Cơ, P.14, Q11, TP.HCM  
Tel: (08) 39744 300 Fax: (08) 38652 892

**Phòng Giao dịch Tân Bình**  
1115 CMT8, Phường 7, Quận Tân Bình, TP. HCM  
Tel: (08) 3970 8640 Fax: (08) 3970 8641

**Phòng Giao dịch Bắc Hải**  
02 Bis Cửu Long, CX.Bắc Hải, P.15, Quận 10, TP.HCM  
Tel: (08) 3970 8907 Fax: (08) 3970 8905

**Phòng Giao Dịch Âu Cơ**  
334 - 336 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Tel: (08) 3975 0671 Fax: (08) 3975 0672

**Phòng Giao Dịch Phú Lâm**  
616 Hồng Bàng, Phường 16, Quận 11, TP.HCM  
Tel: (08) 2229 3660 Fax: (08) 6264 1709

**CHI NHÁNH EXIMBANK QUẬN 7**  
448A Huỳnh Tấn Phát, P.Bình Thuận, Quận 7, TP.HCM  
Tel: (08) 3773 3063 Fax: (08) 3773 3053

**Phòng Giao Dịch Phú Xuân**  
6/8 Khu phố 5, TT.Nhà Bè, H.Nhà Bè, TP. HCM  
Tel: (08) 3873 8790 Fax: (08) 3873 8805

**Phòng Giao Dịch Nguyễn Thị Thập**  
523A Nguyễn Thị Thập, P.Tân phong, Q.7,TP.HCM  
Tel: (08) 3775 2829 Fax: (08) 3775 2831

**CHI NHÁNH EXIMBANK CỘNG HÒA**  
276 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM  
Tel: (08) 3812 1617 Fax: (08) 3812 2161

**Phòng Giao Dịch Võ Thành Trang**  
509 Trường Chinh, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM  
Tel: (08) 3812 3619 Fax: (08) 3812 3657

**Phòng Giao Dịch Phạm Văn Hai**  
156 Phạm Văn Hai, P.03, Q.Tân Bình, TP.HCM  
Tel: (08) 39919 824 Fax: (08) 39919 825

**CHI NHÁNH EXIMBANK QUẬN 4**  
143 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, TP. HCM  
Tel: (08) 3941 4947 Fax: (08) 3941 4948

**Phòng Giao Dịch Nguyễn Trường Tộ**  
40 Nguyễn Trường Tộ, P.12, Quận 04, TP.HCM  
Tel: (08) 38265 604 Fax: (08) 38265 499

**CHI NHÁNH EXIMBANK PHÚ MỸ HƯNG**  
Lô C1-3 ĐT PMH (Khu A) 102 Nguyễn Lương Bằng, Q.7  
Tel: (08) 5413 5588 Fax: (08) 5413 5589

**Phòng Giao Dịch Phạm Thế Hiển**  
721 Phạm Thế Hiển, P.04, Quận 8, TP.HCM  
Tel: (08) 38521 153 Fax: (08) 38521 156

**CHI NHÁNH EXIMBANK THỦ ĐỨC**  
118 Võ Văn Ngân, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM  
Tel: (08) 3722 5450 Fax: (08) 3722 5448

**Phòng Giao Dịch Quận 9**  
35 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.HCM  
Tel: (08) 3736 0864 Fax: (08) 3736 0872

**Phòng Giao dịch Tam Bình**  
141 Quốc lộ 1A, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức, TP.HCM  
Tel: (08) 3729 4100 Fax: (08) 3729 4065

**Phòng Giao dịch Lê Văn Ninh**  
12 Lê Văn Ninh, Phường Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP.HCM  
Tel: (08) 3897 9479 Fax: (08) 3897 9582

**Phòng Giao dịch Quận 2**  
08 Trần Não, ấp Bình Khánh 2, P.Bình An, Q.2, TP.HCM  
Tel: (08) 3740 2961 Fax: (08) 3740 2965

**CHI NHÁNH EXIMBANK BÌNH PHÚ**  
30 Đường Bình Phú, Phường 11, Quận 6, TP. HCM  
Tel: (08) 3755 4314 Fax: (08) 3755 4318

**Phòng Giao dịch Bình Trị Đông**  
211-213 Vành Đai Trong, Q.Bình Tân, Tp.HCM  
Tel: (08) 3817 0493 Fax: (08) 3817 0498

**CHI NHÁNH EXIMBANK TÂN SƠN NHẤT**  
307 Nguyễn Văn Trỗi, P.01, Q.Tân Bình, TP.HCM  
Tel: (08) 38456 370 Fax: (08) 38456 372

**CHI NHÁNH EXIMBANK BÌNH TÂN**  
476-478 Kinh Dương Vương, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Tel: (08) 37527 073 Fax: (08) 37527 076

**CHI NHÁNH EXIMBANK AN GIANG**  
70-72 Hai Bà Trưng, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
Tel: (076) 394 0880 Fax: (076) 394 0884

**Phòng Giao Dịch Châu Đốc**  
73 Lê Lợi, P.Châu Phú B, TX Châu Đốc, tỉnh An Giang  
Tel: (076) 356 5881 Fax: (076) 356 5884

**Phòng Giao Dịch Long Xuyên**  
130/4 Trần Hưng Đạo, TP Long Xuyên, An Giang  
Tel: (076) 394 1881 Fax: (076) 394 1884

**CHI NHÁNH EXIMBANK MỸ THO**  
77-79 Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
Tel: (073) 397 6977 Fax: (073) 397 6981

**CHI NHÁNH EXIMBANK CẦN THƠ**  
08 Phan Đình Phùng, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Tel: (0710) 3821 915 Fax: (0710) 3821 916

**Phòng Giao Dịch Cái Răng**  
09 Quốc lộ 1A, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ  
Tel: (0710) 3914 779 Fax: (0710) 3914 778

**Phòng Giao Dịch Tân An**  
02 Điện Biên Phủ, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Tel: (0710) 381 7280 Fax: (0710) 381 7281

**Phòng Giao Dịch An Hòa**  
177D Nguyễn Văn Cừ, P.An Hòa, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ  
Tel: (0710) 3896561 Fax: (0710) 3896563

**Phòng Giao Dịch An Phú**  
102 Mậu Thân, P.An Phú, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ  
Tel: (0710) 3733 449 Fax: (0710) 373 3448

**CHI NHÁNH EXIMBANK TÂY ĐÔ**  
Lô P+R Trần Văn Khéo, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Tel: (0710) 3763 053 Fax: (0710) 3763 052

**Phòng Giao dịch Bình Thủy**  
308 CMT 8, P.An Thới, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ  
Tel: (0710) 388 0446 Fax: (0710) 388 0449

**Phòng Giao dịch Thốt Nốt**  
434 Quốc lộ 91, TT. Thốt Nốt, H.Thốt Nốt , TP.Cần Thơ  
Tel: (0710) 3611 161 Fax: (0710) 3611 181

**Phòng Giao Dịch An Nghiệp**  
174 đường Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ  
Tel: (0710) 3733 124 Fax: (0710) 3733 125

**CHI NHÁNH EXIMBANK LONG AN**  
70 Hùng Vương, phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An  
Tel: (072) 352 6526 Fax: (072) 352 6527

